VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

GIỚI THIỆU 9 NGƯỜI VIẾT TRẺ

SỐ 22 THÁNG 11 NĂM 1987

SỐ ĐẶC BIỆT
GIỚI THIỆU NHỮNG CÂY BÚT TRẺ

Văn Học : *Thư toà soạn, trang 1* * **Nguyễn Thanh Hùng** : *Xuôi Nam, truyện trang 3* * **Nguyễn Ý Thuần** : *Westminster, một góc café và 4 cô casher, thơ trang 16* * **Tạ Thái** : *Mây xa, truyện trang 17* * **Tạ Thái** : *Gương, Tôi và Thiếu phụ, thơ trang 23* * **Chân Phương** : *Một chỗ cho người, truyện trang 24* * **Tiểu San** : *Thơ trang 30* * **Nguyễn Phước Nguyên** : *Chuyến đi, truyện trang 31* * **Nguyễn Hoàng Nam** : *Ngày nghỉ, truyện trang 37* * **Nguyễn Hoàng Nam** : *Tự tình, thơ trang 42* * **Huỳnh Liễu Ngạn** : *Lục bát trang 44* * **Hoàng Mai Đạt** : *Khu vườn của ông, truyện trang 45* * **Trần Trúc Giang** : *Con đường âm phủ, truyện trang 54* * **Thái Tuấn** : *Em hãy đi, thơ trang 57* * **Nguyễn Hiền Thảo** : *Ánh sáng trong căn phòng mù, truyện trang 58* * **Phạm Quang** : *Suy tư trong đêm, truyện trang 65* * **Nguyễn Tất Nhiên** : *Cảm người 9 năm , thơ trang 69* * **Thái Tuấn** : *Màu ánh sáng, trang 70* * **Võ Đình** : *Tranh thơ, trang 72* * **Nguyễn Bá Trạc** : *Chuyện một ngày, chuyện một ngày khác, trang 81* * **Đoàn Xuân Kiên** : *Tiếng lóng ở Sài Gòn, trang 87* * **Trần Hoài Thư** : *Cho con, mùa tựu trường, trang 98* * **Nguyễn Bá Trạc** : *Thơ cuối tháng 8.87, trang 103* * **Đặng thị Quế Phượng** : *Dâu bể, truyện trang 108* * **Triều Khê** : *Văn chương, cách thế diễn tả hay phương tiện đấu tranh chính trị ? trang 111* * **Ngu Yên** : *Thở dưới những bàn chân, thơ trang 116* * **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và Bóng tối, hồi ký (tiếp theo), trang 123* * **Thụy Khuê** : *Điểm sách : Thằng Người Có Đuôi của Thế Giang & Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác, trang 131.Sách mới nhận*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về
Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA
Phone : (714) 832. 8445

Thư Toà soạn

Văn chương Việt Nam ở hải ngoại trong hơn 12 năm qua đã chứng tỏ rằng nhờ tự do sáng tạo, người cầm bút lưu vong đã có cơ hội phát triển trọn vẹn bản sắc và khả năng của mình.

Ngoài những nhà văn nhà thơ đã có tiếng tăm trong nước trước 1975, sau một thời kỳ gián đoạn, đã cầm bút viết trở lại, một thế hệ những người cầm bút lưu vong đợt đầu khởi sự viết lách từ trên đất khách đã ra đời, tạo được những tác phẩm giá trị, như sách của Nguyễn Ngọc Ngạn, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Đức Lập, Thế Giang, Tưởng Năng Tiến, Võ Hoàng, Võ Kỳ Điền, Cao Đông Khánh, Cung Vũ, Nguyễn Mạnh Trinh, Bắc Phong, Hoàng Phủ Cương, Bùi Vĩnh Phúc, Mai Kim Ngọc, Huỳnh Hữu Cửu, Ngu Yên....

Trong vài năm gần đây, một loạt các nhà văn nhà thơ nữ xuất hiện, có người đã có tác phẩm xuất bản như Lê Thị Huệ, Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hàn Song Tường, Điệp Mỹ Linh, Như Chi, Huyền Châu..., có người chỉ mới phổ biến văn thơ trên các tạp chí văn chương đã được bạn đọc nhận ra chân tài như Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hoàng Dung, Cao Bình Minh, Phạm Thị Ngọc, Đặng Thị Quế Phượng...

Nhìn chung, nguồn hứng sáng tác của những người cầm bút lưu vong thuộc thế hệ thứ nhất là Quê Hương, là kinh nghiệm bản thân qua cơn biến động lịch sử xót xa và qua cuộc sống lơ láo nơi đất lạ. Chất liệu sáng tạo phong phú ấy đã khiến cho văn chương lưu vong Việt Nam sinh động và đa dạng.

Nhưng cũng phải công nhận rằng văn chương lưu vong Việt Nam, giống như mọi nền văn chương lưu vong khác, đã gặp phải một trở ngại lớn lao : đó là ảnh hưởng xâm thực của sự đồng hoá. Người viết phải rán mà thích nghi với đời sống mới để sinh tồn, nhất là lớp trẻ, cho nên thay vì nền tảng của văn chương lưu vong là thế hệ trẻ, thì hiện nay lớp trẻ có khả năng sáng tác lại chỉ đóng một vai trò thứ yếu trong sinh hoạt chung. Mặc dù chưa có một

cuộc khảo sát khoa học, chính xác, nhưng theo thăm dò của Văn Học, đa phần giới sáng tác và thưởng ngoạn văn chương Việt hải ngoại hiện nay đều thuộc lớp tuổi từ 30 trở lên.

Như vậy thế hệ 20, cái thế hệ theo cha mẹ ngơ ngác rời quê cha đất tổ ở tuổi ngây thơ hồn nhiên, cái thế hệ thích nghi nhanh với đời sống mới, cái thế hệ làm thông dịch viên cho cha mẹ ông bà trong các câu chuyện trao đổi thông thường với hàng xóm, thế hệ ấy đóng góp được gì cho văn chương lưu vong? Họ nghĩ thế nào về thế hệ đi trước? Họ có những vui buồn gì? Khả năng viết, phong cách viết của họ ra sao?

Để trả lời các câu hỏi ấy, Văn Học xin dành một số đặc biệt giới thiệu 9 cây bút trẻ nam giới, ở vào lứa tuổi đôi mươi: Tạ Thái, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Phước Nguyên, Nguyễn Hiền Thảo, Nguyễn Hoàng Nam, Chân Phương, Hoàng Mai Đạt, Trần Trúc Giang, và Phạm Quang. Mỗi người một khung cảnh sống, có khi xa xôi như Nguyễn Thanh Hùng ở tận Hoà Lan suy nghĩ về những cánh chim tha phương, hay Chân Phương lơ láo bước chân vào một cuộc sống lạ lẫm ở miền Đông Hoa Kỳ. Mỗi người một bút pháp, một lối nhìn đời.

Người đọc thuộc thế hệ lớn tuổi có thể không bằng lòng với lối sử dụng ngôn ngữ pha phách của họ, với sự phẫn nộ hoài nghi của họ, với thái độ xa cách những vấn đề thời sự của họ, nhưng dù muốn dù không, trước sau gì chính thế hệ này cũng sẽ đến lượt mình nhận trách nhiệm. Tâm tình của họ, khả năng của họ, là một thực tại. Một số bút nhóm trẻ qui tụ quanh những tờ tạp chí hoặc đặc san như Tập Hợp ở Úc, Xác Định, Truyền Thông, Lúa Mới, Thế Hệ... ở Hoa Kỳ đã có những hoạt động hữu hiệu. Họ là tiếng nói của thế hệ tị nạn thứ hai.

Riêng Văn Học, qua những bài vở nhận được từ lớp trẻ, Văn Học nhìn về khả năng sáng tác văn chương Việt của thế hệ này với lòng vui mừng thấp thỏm. Không thấp thỏm sao được, khi chứng nghiệm sức mạnh đồng hoá quá lớn của đời sống nơi đất người.

Văn Học

Nguyễn Thanh Hùng

Xuôi Nam.

Người sang bên ấy sao mà lạnh
(Nguyễn Bính)

Những ý tưởng có trong một ngày mưa giông, có sấm sét là những ý tưởng kỳ cục, nguy hiểm. Nhất là những lúc đêm khuya. Nằm trên giường có bóng tối, đồ đạc cái nào nằm yên chỗ đó vây quanh, ta vẫn cảm thấy chút gì đó khang khác treo mắc vô hình trong không gian. Nó làm cho đêm có mưa rơi giục giã trên mái ngói, có sấm sét ì ầm vang dội khác hẳn những đêm tịch mịch có-trăng-hay-không-trăng khác. Ngó tia chớp xoắn xít, ngoằn ngoèo dọc ngang qua khung cửa, rồi lắng nghe thoảng trong tiếng mưa dội, tiếng sấm sét như có lẫn cả tiếng bước đi âm u rón rén của những suy nghĩ riêng tư. Chúng xuất hiện, một cách hết sức vô lý, liều lĩnh, như lọt ra từ những ngõ ngách thâm u sâu thẳm nhất của ký ức. Chúng cứ chạy vòng quanh mải miết trong đầu óc, như voi giấy ngựa giấy xoay tít mù quanh ngọn đèn cù. Thế nhưng chúng lại không có hình thù gì rõ rệt, không là một loại hồi tưởng, cũng chẳng dẫn dụ tới một quyết định này hay nọ, đưa đến một kết luận dứt khoát có không, trắng đen. Chúng chỉ tạo một ấn tượng rờn rợn, hoang mang về một cái gì đó mênh mông ghê gớm dường như sắp có thể xảy ra... Một ý niệm mơ hồ bất ổn.

Nhưng những ý tưởng có vào những ngày mưa rả rích buồn thiu thì lại khác.

Anh Sinh cầm ly cà phê đứng nhìn ra cửa, nghĩ ngợi vẩn vơ. Anh lắng nghe tiếng máy xe hơi nổ rộn rã của những kẻ đi làm sớm lụn dần rồi tắt hẳn.

Trời vẫn mưa. Cơn mưa kéo dài từ tối hôm qua đến giờ chưa ngớt. Cuối thu, trời đất Hoà Lan lại ủ dột vì những cơn mưa đặc thù. Mưa lê thê, gậm nhấm kỳ quặc. Anh Sinh ngó cơn mưa lất phất, lòng bứt rứt khó chịu. Cứ điệu này, dám còn mưa kéo dài đến cuối tuần mới ngớt. Tự dưng anh tin chắc biểu lộ thiên nhiên trước mặt là một trong những động lực chính làm phần lớn người tỵ nạn suốt ngày cứ băn khoăn, loay hoay suy tính cách thoát khỏi đất nước lạnh lùng áo não này... Trời mưa. Cảnh vật loè nhoè trong

màn mưa làm tâm hồn anh như ướt nhẹp theo và khiến anh nhớ đến câu đối đọc thuở còn nhỏ. "Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách"... Câu đối mà nghe như câu sấm Trạng Trình. Người Việt ở đây cứ tiếp tục mà loay hoay. Trời đối giùm rồi mà. "Địa bất ba đào dị nịch nhân". Đất thấp cho trời cao, cho tha hồ tiếng oan vói lên không tới!

Anh Sinh đứng ngó trời đất mưa dầm dề, uống cạn ly cà phê rồi nghĩ đến người bạn và lá thư hắn gởi còn nằm trên mặt bàn học ngay sau lưng. Ngoài bì thư có dán con tem vẽ khổ to tuyệt đẹp, bị đóng ngang bởi con dấu bưu điện từ hơn tháng trước.

"Sinh ơi,

Tôi đến đảo (lại đảo) Levanzo này tuần trước sau 3 tuần lang thang ở Palermo và Agrigerto. Levanzo thì nhỏ xíu, có khoảng chừng 30 nóc gia, người và thú thì đủ ngón tay để đếm. Từ thời đồ đá đã có người sống ở đây. Các bức bích họa trong động được khám phá từ năm 1949. Cảnh trí, khí hậu Sicile làm nhớ nhà lắm. Tôi được nghe lại tiếng ve, nhìn lại được bông giấy, quỳnh, thạch sùng — những con ngõ tráng ciment với bông leo im lặng trong trưa, bóng tròn dưới chân — tôi cũng về được nửa quê rồi đó Sinh.

Tôi có thuê căn nhà nhỏ ở đây, tiếng Ý chỉ đủ để mua thuốc lá và đi chợ, nên sống cô độc lắm. Tôi làm việc nhiều, giải trí duy nhất là quét nhà, ngồi ghế đá mà nhắm phương Đông.

Con người của Sicile thì cao hãnh, họ cũng không tự nhận là người Ý, nơi đây nghèo và cũng có lịch sử lâu dài, bị chiếm đóng bởi những dân tộc khác nhau, nhất là Hy lạp. Tôi có đi thăm nhiều lần các đền thờ xưa của Hy lạp, đồ sộ lắm — nhưng gọi là một cực khác của nghệ thuật phương đông mình — là thiếu các nét tinh túy và nhẹ nhàng với đất trời thiên nhiên.

Tôi sẽ ở đây thêm độ 1 tháng để làm việc và lo phần lý thuyết việc làm ra trường năm sau, sau đấy đi thăm vài nơi khác của Sicile (chưa về vội, sợ mùa đông, mỗi mùa đông là mỗi kiệt quệ) rồi mới về, lúc đó, 'đích thân' lên thăm ông bà..."

Bên dưới lá thơ, có kèm theo một bài thơ làm từ xứ Ý xa xăm. Bài thơ không có tựa đề.

Người nông dân - sáng nay
Ca hát - trên chiếc máy
Ta - lang bạt
Nhìn - với lòng ngưỡng phục
những chiếc mầm non
ngẩng lên - từ đất trắng
Chuyện thị phi - chắc anh
Không cần biết
Chỉ nắng gió - anh gởi hồn

Chuyện tôi kể - lưu vong
Nghĩ - anh không thích thú
Chỉ ánh ráng hồng
Hiệu báo - những cơn mưa
Anh thuật về
Mùa gặt hạnh phúc
Chào anh thôi - người của đất
Tôi đi - để lại lời chúc phúc
cho anh - với mùa màng. (1)

Lá thư, bài thơ, chiếc bì thư dán con tem bị dấu bưu điện đóng ngang vẫn nằm trên bàn học. Người bạn điêu khắc gia Sinh làm thơ vẫn còn lang thang ở cái đảo chó ăn đá gà ăn muối vài chục nóc gia ấy chưa về. Mấy lần anh Sinh tính cất lá thư vào trong hộp nhưng dùng dằng lại thôi. Anh để nguyên trên bàn, với hy vọng nó sẽ nhắc anh viết thư cho bạn.

*
* *

Đêm qua, lúc vợ đã lên lầu ngủ, anh Sinh ngồi nán lại ở phòngkhách. Anh lục tủ lấy quyển nhật ký, ghi ghi chép chép. Gọi nhật ký cho oai, thực sự phải gọi quyển vở mỏng là một tập niên ký. Cả năm, năm khi mười họa, anh nguệch ngoạc vào đó được dăm lần.

Bình thường, khi viết xong một khúc nhật ký hay một lá thư, anh có cảm giác khoan khoái của một lần tắm mát kỹ lưỡng. Đầu óc anh trống rỗng, dàn trải. Vậy mà đêm qua, tắm xong, anh cứ nằm trằn trọc thật khuya. Cơn mất ngủ bất ngờ kèm theo cơn khó chịu càng tăng theo thời gian vì vợ anh vẫn ngủ ngon như thường bên cạnh. Phải cố gắng kềm hãm lắm, anh Sinh mới dập tắt được ý tưởng điên rồ lay vai, đánh thức vợ dậy. Gần sáng, anh mới thiếp đi. Giấc ngủ ngắn, đầy dẫy mộng mị lôi thôi. Khoảng sáu giờ sáng, anh lồm cồm tung chăn dậy, mò xuống nhà tự pha chế lấy ly cà phê đầu ngày của mình.

Anh bưng ly cà phê ra bàn học, nhấp vài ngụm, đốt điếu thuốc. Cuốn nhật ký vẫn nằm mở ngỏ trên bàn Anh nhìn những ý nghĩ vụn vặt, riêng tư được ký hiệu hoá bằng ngữ tự, bằng nét chữ nguệch ngoạc của mình nằm trước mặt. Anh tẩm nhẩm đọc lại những gì đã viết, nhưng được nửa chừng, anh xô ghế bước đến gần cửa sổ.

Buổi sáng nào dậy thật sớm để ngắm mặt trời mọc dường như đã xa xa lắm. Trời vẫn còn tối, ánh sáng nhá nhem. Mưa rả rích. Anh Sinh ngó bóng mình phản chiếu lấp lánh trên lớp kiếng cửa. Tự dưng anh thấy lòng mình như nghẹn lại, mênh mông như khi đọc một câu thơ cổ. Chuyện ngày hôm qua, thiệt chẳng là gì.

Nhưng mỗi lần nhìn trời, nhìn ra ban công rồi nghĩ đến, lòng anh cứ nao nao.

Buổi chiều hôm qua, anh Sinh ra ngồi ngoài ban công uống chai bia. Trời gần tắt nắng, lành lạnh, Anh ngó lơ đãng mấy cây lê mọc cách hàng trên vùng cỏ nông trại ngay sau nhà. Cánh đồng cỏ hẹp bề ngang, trải dài tới tận mút đường cái.

Sự tồn tại của khoảnh xanh này vẫn hay làm anh thắc mắc vẫn vơ đến sức mạnh kỳ lạ, bí hiểm của thiên nhiên. Mà thiên nhiên ở đây là cả một nghịch lý! Nó dữ dội ở đâu chứ ở đây nó dườngnhư yếu xìu. Vùng đất thấp này chẳng nổi tiếng chuyện đắp đê bạt biển để lấn đất đó sao? Thế nhưng cánh đồng cỏ trước mặt, nó bất chấp những kế hoạch đô thị hoá ồ ạt diễn ra ở vùng ngoại ô thành phố. Nó tiếp tục xanh mướt, những con bò da đóm đen trắng đặc biệt Hoà Lan tiếp tục gặm cỏ, giữa những dãy chung cư xây san sát lừng lững chung quanh.

Trên không, những đám mây xám bạc đứng chết trân. Trời không gió. Cảnh vật hiền lành và tĩnh như bức tranh cổng sau ngõ trước chiều hôm. Tĩnh lặng đến mức có thể mơ hồ nghe được cả tiếng gặm cỏ xột xoạt của bầy bò sữa. Bức tranh hiền hoà trước mặt, — anh Sinh tự hỏi — nó là sản phẩm của một quốc gia mấy mươi năm tận hưởng hoà bình, tận hưởng trù phú an sinh? Không có ai chết đói, không có tiếng súng nổ, không kế hoạch 5 năm, mười năm... những điều kiện quyết định để cõi tiên xuất hiện? Anh Sinh nghĩ chắc mình chưa bao giờ thấy được một cảnh trí như thế này ở Việt Nam. Mà nói chi anh. Thế hệ bố anh, chắc gì ông đã từng có dịp chiêm ngưỡng, trầm trồ. Họa chăng ông chỉ thấy trong mấy câu Kiều.

Anh Sinh ngồi ngó trời ngó đất, ngó bầy bò gặm cỏ, mấy cây lê đang kết trái, uống nhẩn nha hết lon bia. Lúc anh dợm chân đứng dậy vào nhà lấy thêm lon bia mới, anh trông thấy chúng nó.

Trong giai đoạn mà lý trí, óc phân tích chưa kịp hoạt động, anh thấy những gì đang diễn ra trước mặt giống in hệt bức minh hoạ đoạn truyện cổ tích của Andersen đọc tấm bé. Truyện "Bầy thiên nga". (Cũng hình chữ V. Cũng con chim đầu đàn. Cũng những chiếc cổ dài, thon như một cây bút chì duổi ra phía trước). Cái cảm giác tương tự, như lần sang Paris đầu tiên nhìn tháp Eiffel. "Sao cái khối kiến trúc sắt thép ấy lại có thể thu nhỏ để giống hệt những hình chụp trong Cours de langue hay trên những tấm carte postale!"

Chuyện những đàn di điểu bay hình chữ V, anh nghe nói đã nhiều. Nhưng ở đây mấy năm, mà mãi tới hôm ấy anh Sinh mới khám phá ngôi nhà mình đang ở nằm dưới đường bay những con chim trốn tuyết. Nếu không chứng kiến tận mắt, anh nghĩ, dù cặp vợ chồng Hòa lan hiền lành bên cạnh có kể, chắc anh sẽ mỉm cười

không tin. Không biết do đâu, anh vẫn có cái ý tưởng ngờ ngệch là muốn thấy chúng bay, hoặc phải lái xe ra một cánh đồng, một chỗ núi non khuất nẻo hay ít ra, một nơi xa dân cư, xa thành phố. Đường bay của chúng, lũ chim, chỉ có thể vạch ngang những chốn linh địa ấy thôi. Hoặc quá đáng lắm, thì cũng dọc theo những đường xa lộ xuyên quốc gia, mặc dù, đương nhiên, anh không tài nào tìm ra được một lý lẽ gì hợp lý để biện hộ cho giả thuyết trên.

Nhưng kìa ! Những đàn chim trốn tuyết vẫn cứ bay chấp chới trên kia. Những đôi cánh nhịp nhàng đưa đẩy, như không đếm xỉa gì đến không gian bên dưới. Tại sao chúng dám khơi khơi bay ngang thành phố ngổn ngang ngựa xe, cao ốc? Chúng không sợ hàng trăm ống khói nhà máy nhan nhản, như những giàn phòng không, ngày đêm gầm gè xối xả lên bầu trời hàng ngàn mét khối chất thải độc hại? Rồi còn những chiếc phi cơ, bay vòng vòng như những con ruồi, với những băng quảng cáo dài thậm thượt? Những thợ săn chuyên nghiệp hay tài tử, những đứa trẻ bố mẹ mới tặng cho cây súng bắn chim... Bấy nhiêu câu hỏi lẩn quẩn loanh quanh ấy vụt qua đầu anh Sinh trong chớp mắt. Anh loay hoay, nghĩ ngợi. Sau đó, chỉ tíc tắc sau đó thôi, anh cười thầm, tự chế riễu mình dớ dẩn lôi thôi, mà thiệt! Tụi nó muốn bay đâu thì bay. Chim trời, cá nước... Chúng chẳng vẫn là biểu tượng cho sự tự do tung tăng bay nhảy đó sao. Đã hàng triệu triệu năm qua, chúng bay theo lộ trình này, ngang qua nóc nhà anh ở. Mắc mớ gì, bây giờ, chúng phải để ý đến những tiến bộ kỹ thuật, đổi thay, xảy ra rầm rộ trên mặt quả đất!

Thế nhưng cái bản năng kỳ quái còn tồn tại đến thời đại này, như một thứ nam châm cực mạnh vô hình, cứ kéo cổ những con chim hàng năm bay về phương Nam? Cái bản năng vô danh, coi thường đổi thay ấy làm anh Sinh bồi hồi. Anh chất ngất, nghĩ đến thời gian đang vùn vụt tụt sâu vào quá khứ. Và ý thức về bước nhảy lùi làm anh sững sờ. Anh liên tưởng đến con người. Cũng một loài sinh vật. Còn những tính khí nào, cung cách biểu lộ nào sót lại từ thời ăn lông ở lỗ thạch động xa xưa? Hay tất cả đã được che đậy rất tài tình, bằng những tàu ngầm, vệ tinh nhỏ to lông nhông trong vũ trụ? Những triều ngưỡng đã được dựng lên, huy hoàng rồi tàn phai... nhưng anh Sinh chợt hiểu. Chỉ trong thoáng chốc, anh nghi ngờ, nhận ra hết sự mong manh của lớp vỏ văn minh trên người. Mà không mong manh sao được. Trong khoảng tỷ triệu năm tiến hoá, từ mầm sống sơ đẳng độc bào đến một sinh vật chỉ mới biết đứng thẳng, đập đẽo đá sơ sịa, một thứ "homo habilis", biết bao nhiêu bản năng, tính khí đã được tạo tác, được rèn đúc, huấn tập, được tích lũy. So với chuỗi thời kỳ trùng trùng điệp điệp ấy, thời đại văn minh nhân loại hoá ra bước đi loạng quạng, tiến hai bước lùi ba bước chập chững của một em bé!

Những cái biết thường tình, không học cũng biết; lạnh co chân, no duỗi người, ngứa biết gãi... chúng bộc bạch, lồ lộ. Nhưng còn khối bản năng sơ khai man dại nào chân trước chân sau, "đứng rẽ chân chèo", đứng chênh vênh cứ chực đổ chồm về phía trước? Anh Sinh biết lắm, chỉ cần một tác động nhẹ thôi là đủ thổi bay, lật đổ nhào những kiến thức toán lý, mỹ thuật, những lễ nghi quan cách lề mề giả tạo, v.v... Cái tác động nhẹ ấy một đêm mưa, một ngày chớp bể với mưa nguồn, những nỗi sợ không tên, "tiền sử", vu vơ mơ hồ. Tiếng sấm sét sáng loè vang động. Tiếng mưa trút đổ trên mái ngói. Hay đơn giản nhưng ngấm ngầm hơn, cái thay đổi thời tiết cuối thu đầu đông, khi những chiếc lá vàng úa nên thơ dần ngả sang màu nâu đất, khô rang. Những con muỗi đêm chết khô, phơi xác trên những ngách cửa sổ. Chiều quét nhà, anh Sinh thấy ngoài xác muỗi khô, cả những xác thiêu thân lốm đốm chết thành đám dưới chiếc đèn chụp trên bàn học.

Nhìn những con chim hỗn hào xoãi cánh, không dưng anh Sinh liên tưởng đến những thớt tượng già. Những con voi già tách bầy băng rừng lội suối tìm về một chốn đầm lầy bí hiểm, hẻo lánh. Nơi ấy, chúng sẽ đứng thật lâu, như hàng trăm hàng ngàn thế hệ trước đó. Đứng cho đến khi cả khối thân xác dềnh dàng lún ngập sâu mất hút vào vũng bùn lầy. Câu chuyện nghe kể, có lẽ lâu trên dưới chục năm. Nhưng anh Sinh vẫn không quên cái ý nghĩ có đầu tiên khi nghe, vẫn rõ mồn một trong tâm trí. Một ý nghĩ rất khoa học. Không biết cái động lực chi mà ghê gớm, mà dữ dội đến có thể xoay nguyên cả một khối xương thịt nặng nề, bắt nó đi về một phương trời mù mịt nơi chỉ có cái chết chờ đợi?

*
* *

*M*ưa ngoài cửa càng lúc càng trở nên dầy đặc. Không để ý một chút, quay lại nhìn, trời đã chuyển sang mưa rào tự hồi nào. Mưa như cầm chĩnh trút nước xuống. Anh Sinh tần ngần ngó chiếc đồng hồ treo tường, phân vân tự hỏi, không biết mình có nên đi làm. Cái ý tưởng phải mặc áo mưa trùm cả người, bọc hai chân trong túi ny lông, cọng thêm nửa tiếng đáp xe đến xưởng làm anh phát rùng mình, muốn ốm. Nhưng ở nhà, chỉ vì lý do thời tiết đơn giản thì hèn quá. Anh quyết định đợi thêm chút nữa, chờ ngớt cơn mưa. Nghĩ vậy, anh Sinh tiếp tục dõi mắt qua lớp cửa kiếng, nhìn trời. Anh lặng lẽ ngó mấy máng cây tulips mọc vào thành ban công.

Mưa vẫn như trút nước. Mưa nhoè nhoẹt. Cánh đồng cỏ như bị phủ bằng một lớp khăn trắng đục. Cái ý tưởng đội mưa hùng dũng đi làm, vừa loé trong đầu óc, chợt thu nhỏ lại như con mèo ướt.

Anh Sinh là một người yêu hoa, thích trồng hoa, nhất là hoa tu-líp. Vào mùa hè, mảnh vườn treo giản dị ấy là cả một vùng

hương sắc tỷ hon sặc sỡ. Những bông tulips trắng, vàng, tím, bốn năm cánh úp tròn khít khao. Nhìn từ cửa sổ, chúng giống những chiếc lồng đèn Trung Thu dựng đứng trên những nhánh cuống thon và mảnh. Vậy mà, những nhánh lá từng dài, xanh mướt giờ nằm sõng soài, vắt ngang qua máng đất sũng nước. Lớp nước mưa đầy tràn, trộn lẫn cát đất, rơi dọc theo phiến lá như trên một mương xối nhỏ, tụ lại tíc tắc ở đuôi lá rồi nhỏ thành hàng xuống đất.

Dáng vẻ tơi tả của mấy gốc tulips trụi hết bông làm anh Sinh thấy lòng dào dạt thương cảm. Sự xơ xác bất chợt của cụm cây, anh thấy có gì quá đáng, không hợp lý. Cái giống hoa tiêu biểu cho xứ hoa này, sinh ra chỉ để quen với khí hậu bốn mùa dịu dàng. Nhánh lá xanh mướt, đáng lẽ phải được vuốt ve, mơn trớn bằng những giọt mưa lâm thâm, phơi phới cuối thu ôn đới. Trận mưa rào nặng hạt không muốn ngớt kia, đúng ra, phải để dành cho những tàng lá mít, lá xoài!

Như tức cảnh, anh Sinh ngâm ư ử câu đối sáng nay vừa nhớ ra. Anh thấm thía tâm trạng của cụ đồ đã ra câu đối ấy cho học trò. Thuở xa xưa nào, cũng trời mưa bó chân. Những hạt mưa không sắt thép, gươm dao nhưng đủ sức giam hãm. Dường như đã lâu lắm, anh mới thấy lại một cơn mưa ồ ạt. Anh ngó những hạt bong bóng nước vỡ tung trên mấy phiến gạch lợt ngoài ban-công.

*
* *

Chiều hôm qua, cũng chỗ ấy, hai vợ chồng anh đứng đó, cũng dõi mắt lên không. Đàn chim trốn tuyết bay thành hình chữ V chắp chới. Ánh sáng của thành phố — hay ráng chiều — phả lên những chiếc bụng trắng, lên những đôi cánh duổi dập nhịp nhàng, gần như uể oải một thứ ánh sáng lờ lợ quái dị. Nhìn từng chữ V một xuất hiện từ đám mây đè phía trên thành phố, anh Sinh có ý tưởng cả tượng mây màu chì là một chuồng chim vĩ đại vừa xổ bung cửa.

Vợ anh Sinh dáng người nhỏ nhắn, đứng tựa đầu vào ngực chồng. Anh Sinh choàng tay qua lưng vợ, vuốt ve khoảng tóc tém nơi gáy. Dáng đứng tình tứ của hai vợ chồng làm anh liên tưởng đến những bức posters sáo cũ, hình Romeo, Juliette thường được treo nhan nhản trong phòng những cô cậu mới lớn thời xa xưa. Anh bất giác mỉm cười, ghì tay riết lưng vợ vào lòng. Anh nói bâng quơ:

— Không biết tụi nó bay về đâu nhỉ ?

Chị Nga, vẫn thường hay chúi mũi vào những chồng tạp chí thế giới loài vật, ngẩng đầu lên, giọng cắt nghĩa rành rọt như một cô giáo:

— Thì hàng năm cứ đến mùa đông là tụi nó bay đi. Như mình đi nghỉ hè vậy đó anh. Khác là tụi nó đi nghỉ hè mùa đông... Tụi nó bay sang Phi Châu, tìm nắng ấm mà. Thì cuối cùng cũng "nghỉ hè",

anh thấy không. Tụi nó từng tới cái hồ gì đó mà em quên mất tên rồi. Nước xanh biếc thấy mê...

— Mà sao tụi nó biết đường mà bay, hả Nga ?

— Chắc tại thời tiết thay đổi. Anh không để ý dạo này trời mau tối lẹ ghê sao. Với lại lạnh nữa. Mà hình như tại chất hormone gì gì đó. Cái chất đó làm cho mấy con chim cứ tới khoảng thời gian này là tụi nó bay. Hôm trước em đọc báo, người ta làm thí nghiệm, thấy cả mấy con chim bị nhốt trong lồng vào mùa này cũng kỳ cục lắm. Bay nhảy lung tung lộn xộn lắm. Mà mấy con này — người đàn bà đưa tay chỉ lên trời — là chim lớn đó anh, chứ chim nhỏ sức mấy anh thấy được. Tụi nó bay ban đêm. Ban ngày tụi nó còn phải kiếm ăn. Còn mấy con này hình như bay ngày bay đêm...

Anh Sinh bỗng buộc miệng :

— Nga này, nếu anh ngó tụi nó thêm một hồi nữa chắc anh cũng biết bay... Anh bay theo tụi nó!

Vợ anh Sinh, như một kịch sĩ đại tài, đáp lời chồng một cách ngây thơ: "Rồi anh bay về đâu?" và người đàn bà Á đông có mái tóc tém bỗng phá lên cười.

— Thấy chim bay thôi mà chưa gì đã nổi máu giang hồ rồi! Bỏ vợ con, anh coi như phủi bụi vậy đó. Vậy mà dám bảo bạn bè gì mà... gánh nợ thê noa!

Tiếng cười vang nắc nẻ làm anh Sinh cười lây. Anh cúi xuống ngó vợ. Ngắm nghía hàng lông mi thưa, xuôi dài theo đuôi con mắt nheo lại. Người đàn bà như cười cả bằng mắt. Anh vòng tay tính ôm riết vợ vào lòng nhưng vợ anh đã đẩy nhẹ tay anh, "Em phải vào nấu cơm. Hư bột hư đường hết bây giờ."

Còn lại một mình ngoài ban-công, anh Sinh vịn hai tay vào thành sắt chắn, ưỡn người về phía trước. Mảng cỏ xanh, những con bò đã ngừng gặm cỏ, nằm thảnh thơi nhai lại. Những đám mây phía chân trời trước mặt đứng chết trân. Anh không ý thức mình đứng đó bao lâu. Mãi cho đến khi vợ gọi với từ trong nhà ra; "Anh ơi, vào ăn cơm", anh mới giật mình, ngửi ra mùi chiên xào thơm ngào ngạt. Bước vào nhà, anh nghĩ dáng đứng vừa rồi của mình có lẽ giống một ông già đứng lắng nghe chiều chiều lời đồng vọng, nghĩ ngợi mông lung, mơ hồ. Trên không, bầy chim vẫn bay vẫn vũ. Anh chợt nhớ lại câu nói đùa của vợ. Mà thiệt. Nếu anh biết bay, anh sẽ bay về đâu?

*
* *

Những giờ làm việc như những mắc xích trên một chuỗi dây. Chúng nối đuôi nhau, ì ạch tiếp nối nhau, tưởng không bao giờ chấm dứt. Nếu không có tiếng còi hụ báo giờ ăn trưa và giờ tan sở, có lẽ anh sẽ tiếp tục đóng vai trò một con ốc vô tri giác nằm trên dây chuyền. Một con ốc vô danh bỏ mặc, bị cuốn miết đi về phía trước.

Tiếng máy chạy ồn ào. Những giòng âm thanh đinh tai nhức

óc, dường như vẫn không hoàn toàn phá tan được vẻ im lặng vô hình, gần như đe dọa của một kiến trúc kỹ nghệ. Những trục kéo đen xì, những ụ máy chì to như căn nhà nhỏ nằm dàn trải phía dưới văn phòng kiểm soát như một cái chuồng cu xây trên cao sát nóc với những ô kính lớn. Trong đó, từng nhóm 3 người sau những chiếc bàn biệt lập kê cách nhau non 2 thước. Ai nấy bận rộn, luôn tay làm việc. Những chiếc nút xanh đỏ chớp tắt liên tục như những đứa con nít khó tánh luôn đòi hỏi sự lưu tâm tối đa. Phía bên dưới, những cuộn giấy tròn lăn trên hàng trục bánh xe dài. Những chiếc kéo máy dập lên dập xuống, tiếng máy cắt, máy dột nổi lên nhịp nhàng, đều đều chát chúa.

Quá quen công việc, anh Sinh vừa làm vừa nghĩ vẩn vơ. Nếu sáng nay trời đừng ngớt mưa, có lẽ anh đã chẳng ngồi đây. Anh sẽ điện thoại xin nghỉ một ngày, nói nhức đầu, cảm cúm gì đó. Rồi sau đó? Anh sẽ đi pha thêm một ly cà phê, nằm duỗi dài trên ghế bố, cho chạy cuốn băng nhạc ưa thích. Nói chung, anh sẽ hưởng thụ ngày nghỉ như quà trên trời rơi xuống, bằng một cung cách lười biếng và nhàn hạ. Mà thật sự, anh thấy mình có quyền trốn việc, chơi một ngày, chưa bao giờ anh xin nghỉ như thế lần nào, kể từ ngày vào làm trong cơ xưởng cả ngàn nhân công này. Mấy người VN làm chung sở, họ vẫn xin nghỉ đều đều mỗi khi có bạn bè đến chơi, ăn nhậu say sưa sáng dậy không nổi. Có sao đâu? Rồi ý này xọ ý kia, anh nghĩ đến lá thư chưa viết cho người bạn. Không biết nơi xứ sở đầy đá tảng ấy, hắn có tạc được bức tượng Phật vẫn hằng ao ước? Anh nghĩ đến hòn đảo có địa danh Levanzio, liên tưởng tới những bức affiches treo ngoài cửa những văn phòng du lịch. Nghĩ đến những con hẽm ciment có hoa giấy, thạch sùng... Có lẽ mùa hè tới sẽ sang ấy.

Đã hai năm nay, hai vợ chồng chẳng đi đâu xa xôi. Mùa hè vừa rồi trời nắng đẹp, anh Sinh bảo vợ thôi mình ở nhà. Gà què ăn quẩn cối xay đi bà. Để dành tiền, năm tới ta làm một chuyến đi xa. Suốt gần 3 tuần lễ nghỉ, hai vợ chồng dọn dẹp, sửa sang lại nhà cửa. Anh Sinh đóng thêm hàng kệ trong nhà bếp, cho vợ có chỗ đựng những hũ lọ hàng xén lỉnh kỉnh. Những sửa sang lặt vặt đại loại, được làm một cách tàng tàng, lai rai, chỉ tốn mất vài ngày. Thì giờ còn lại, họ mang theo bánh mì, nước ngọt, đạp xe đạp cả ngày rong rong ngang qua những ngôi làng nhỏ dọc theo bờ sông Maas.

Vợ anh vẫn ấp ủ một chuyến du lịch xuôi về phía Nam, tới Tây ban nha. Hay Ý, cái nôi văn hoá Âu tây, ngắm tận mắt những thân olive già cỗi gân guốc, anh Sinh vẫn gọi cây bonsai của người La mã. Nhưng muốn thực hiện giấc mơ mắc mỏ ấy, phải tính toán trước cả năm. Hoàn cảnh kinh tế của hai vợ chồng hiện tại, thực sự có thể cho phép họ đi chơi xa một chuyến. Nhưng còn việc gởi đồ cho gia đình. Phải xong mục đó trước đã. Chuyện nghỉ ngơi giải trí, hạ hồi phân giải, "ưu tiên hai"...

Anh Sinh khựng tay làm việc, thẫn người ra nghỉ ngợi. Anh vừa nghĩ "Giá mình là chim...."

Anh liếc nhìn hai gã bạn đồng nghiệp. Hai gã đàn ông Tây phương dềnh dàng ngồi ngoan ngoãn sau chiếc bàn lớn, luôn tay ghi ghi, chép chép, nhận những chiếc nút xanh đỏ. Dáng dấp to lớn trên những chiếc ghế bureau tương đối nhỏ trông có vẻ nhẫn nại, cam chịu. Anh Sinh quay đầu nhìn thẳng cái tableau đen trước mặt, tay khoanh ngang ngực. Cái câu hỏi ngày hôm qua anh vu vơ đặt, anh nhớ mài mại, nghe chừng quen lắm. Hình như có dịp anh đã nghe và nhắc nhở đến nó cả chục lần. Anh Sinh cố moi trí nhớ, lục lọi ký ức, "Rồi chúng nó sẽ bay về đâu?"

Lúc tiếng còi báo hiệu giờ tan sở rúc lên như một điệu kèn cứu hỏa, anh Sinh máy móc lập lại thói quen kỳ khôi vẫn làm mỗi buổi chiều tan sở; anh đếm những tiếng *hallo, hi* chào hỏi trong ngày giữa anh với mấy tên đồng nghiệp, gạch con số bằng cây bút chì lên xấp giấy notes trước mặt.

*
* *

*T*rên con đường đạp xe về nhà, ngang qua những cánh đồng xa nằm giữa thành phố làm việc và vùng ngoại ô trú ngụ, anh Sinh có thói quen để đầu óc tự do loanh quanh. Những ý tưởng cua rồng cua rế đến rồi đi, xô đẩy nhau miên man như những đợt sóng. Lối suy nghĩ chuyện này xọ chuyện kia, tựa một cuộc nói chuyện lơ mơ không chủ đề, anh vẫn cho là một cái thú, một lối hưởng thụ nhàn tản. Anh nghĩ tưởng, với chút thèm thuồng, những cuối tuần bạn bè đến chơi. Vợ anh làm đồ nhắm đơn giản; dĩa tôm khô với củ kiệu, trộn với khá nhiều ớt, mấy gã đàn ông bắc ghế bố ra ban công, uống bia, nói chuyện tào lao trên trời dưới đất.

Anh Sinh ngửa mặt nhìn trời. Anh nghĩ trời đất gì mà kỳ sáng mưa như trút nước, chiều một khoảnh xanh trong ngắt không một gợn mây. Vừa đạp xe, anh tiếp tục ngước đầu ngó lên khung trời cao vòi vọi bên trên. Tự dưng anh nhớ hết. Phải rồi. Câu hỏi quen lắm. "Rồi chúng nó sẽ bay về đâu?"

Trong trí nhớ anh, hiện ra khung cảnh ngôi trường chuyên nghiệp ở một tỉnh lỵ miền Nam, cả mảnh sân đá banh lố nhố đám sinh viên sửa soạn thi tốt nghiệp.

Không biết ai bày ra trò thả bong bóng cuối năm. Nhóm sinh viên ồn ào vẫn hay chiếm ngự dãy bàn ăn phía phải cantine? Một ý kiến quái gở của ông khoa trưởng có máu trào lộng? Anh không nhớ nổi ai đã dấu tên. Bất giác anh Sinh mỉm cười. Kể cũng buồn cười. Hình ảnh đám sinh viên sửa-soạn-thành-kỹ-sư đứng lố nhố trên sân cỏ với những chiếc bong bóng đủ mầu trên tay, in hệt đàn con nít tiểu học. Mà dường như hôm đó, ai cũng vui vẻ nói cười hồn nhiên như trẻ thơ. Kể cả ông gác dan già, nét mặt luôn cau có, thường ngày vẫn ngồi lầm lỳ chơi ô chữ. Ông lăng xăng chạy khắp

sân. Từ tay ông, mỗi người nhận được một sợi dây có dính toòng teng một tấm thẻ nhựa tý hon, ghi đầy đủ tên họ sinh viên, địa chỉ trường. Lúc cột sợi dây nhựa vào đuôi bong bóng, anh Sinh đã tự hỏi "Chúng nó rồi sẽ bay về đâu?" Khi gần trăm chiếc bong bóng được thả tung lên trời, đám bạn bè anh cũng đã hóm hỉnh hỏi nhau "Waar gaan ze heen he?" — "Rồi chúng nó sẽ bay về đâu ha?"

Đúng ra kỳ thi cuối năm sẽ chẳng cho ai thì giờ để ý những chuyện vặt vãnh ngoài sách vở. Vả lại, anh Sinh nghi ngờ sức mạnh lời yêu cầu bằng Anh ngữ ghi trên tấm thẻ: "Quý vị nào nhặt được chiếc thẻ này, xin vui lòng gửi trả lại địa chỉ trên. Xin vui lòng ghi dùm nơi chốn chiếc bong bóng đã rớt. Xin cám ơn vô cùng." Anh nghĩ, ai hơi đâu mất công ra bưu điện, gởi một cái thư xác nhận cho một trò chơi nhảm nhí. Nhưng thực tế lại xảy ra ngoài dự đoán. Hôm vào trường thi môn đầu tiên, một tuần lễ sau, anh đã nghe lũ bạn khảo nhau: "Bong bóng con nhỏ X bị xì sao mà bay gần quá. Chỉ mới tới Delft. (Một thành phố cách đó non 16km). Bong bóng thằng Y mới xa chứ. Sang tận Đức lận tụi mày..."

Chuyện người ta dễ thương, chịu khó bỏ công mua con tem, gởi trả lại tấm thẻ làm anh Sinh ngạc nhiên. Chứ chuyến bay xạ, bay gần, anh chẳng để ý. Ngay chiếc bong bóng của mình, nó sẽ bay về đâu, anh không buồn lên ông gác dan già hỏi thăm.

Hôm thi môn cuối xong, anh Sinh cà rà xán lại gần đám bạn đang đứng tụm năm, tụm ba khảo chuyện. Nghe mà anh ngẩn ngơ. Cái bong bóng của con nhỏ Asseyl — một con nhỏ lai da ngăm đen, ít nói — bay tới tận... Bangladesh. Anh còn nhớ lời bàn tán, đại khái:

— Sao mày biết ? chuyện vô lý quá trời !

— Thiệt mà. Tao mới lên phòng cha gác dan coi mà. Con tem Bangladesh đàng hoàng. Thằng cha nào gởi còn cắt nguyên một miếng bong bóng của nó gởi kèm theo. Thiệt hết nói...

— Hay xạo đó cha ơi. Tao nghĩ chắc nó rớt gần đây, ngoài de heide, ngoài đồng gì đó. Rồi có cha thương gia nào sắp sang xứ đó làm ăn, đi dạo ngoài đó, tình cờ lượm được, rồi gởi trả lại... Tao nghĩ vậy.

— Giả thuyết này vừa nêu cũng vô lý bỏ xừ nhưng còn tạm tin được. Chứ bong bóng gì mà bay xa hơn khinh khí cầu! khó tin quá.

— Ừ, xạo thiệt. Bay xa như bong bóng thằng Y tới Đức là hết cỡ rồi...

Mãi đến hôm phát bằng, cả đám sinh viên tốt nghiệp mới tin chuyện bong bóng thả từ Hoà lan mà bay sang tận cực đông. Ngồi ở hàng ghế đầu, anh Sinh có dịp nhìn kỹ hoạt cảnh diễn ra trước mặt. Ông hiệu trưởng, sau khi trao bằng cho con nhỏ Asseyl — con nhỏ đậu với số điểm khá cao — đã giữ nó lại một lúc: "Chuyện chiếc bong bóng của Asseyl bay xa, bay rất xa, chúng tôi đã check

rất kỹ. Quả thiệt là nó bay sang tận Bangladesh. Cám ơn Chúa! Theo đài khí tượng KNMI, họ cho biết vào những ngày ấy, ở cao độ 4km, có trận bão dữ dội, sức gió thổi tới khoảng cấp 7, cấp 8, vì cơn bão kéo dài, cũng như những điều kiện về áp suất, hướng bão không thay đổi, nên chuyện chiếc bong bóng tý hon chỉ trong vài tuần có thể bay xa 6, 7000 cây số là chuyện khó tin nhưng hợp lý. Tôi cũng long trọng báo cho quý vị biết là sự kiện khó tin này đã tạo một kỷ lục thế giới mới, nay mai sẽ được ghi vào Guiness Book of Records... Xin chia mừng, Asseyl... Chia mừng luôn bằng tốt nghiệp, proficiat..."

*
* *

Số phận chiếc bong bóng của mình, nó bay tới đâu, anh Sinh chẳng biết được. Hôm nhận văn bằng, quá vui sướng đã xong cái nợ thi cử, anh quên bẵng chạy đi hỏi ông gác dan già. Đó cũng là lần cuối anh đến trường. Cái quãng thời gian vui buồn ở trường chuyên nghiệp... Những tên bạn dị chủng, giờ trôi lạc đi đâu?

Anh Sinh dừng xe lại sát bên vệ đường, lòng bồi hồi. Anh thò tay vào túi lôi ra gói thuốc vấn, vấn thong thả, mắt lơ đãng ngó chung quanh. Châm điếu thuốc xong, anh đạp xe đi dưới tàng những cây phong đã rụng gần hết lá. Bập một hơi thuốc dài, anh chợt nghĩ đến cuốn sách Hoà-lan vợ tặng đọc năm ngoái. Nhân vật chính, một ông già lãnh lương hưu trí, sống trong viện dưỡng lão. Mỗi ngày 3, 4 cử, ông thò đầu ra khung cửa, đo nhiệt độ, lui cui ghi chép, lập biểu đồ. Qua lối làm việc khoa học, ông lão hy vọng sẽ tìm ra được một định lý, một nguyên tắc lý luận cho phép suy đoán trước được những chuyển biến thời tiết của thiên nhiên. Nhưng ông thất bại. Nói đúng hơn, cuốn sách cho người đọc cảm tưởng như thế. Nhưng sự cố gắng loay hoay của ông già cho đến khi chết, đã làm anh Sinh thắc mắc một thời gian dài.

Cái tiền đề... Đó là một khám phá rất khoa học hay chỉ là một ý tưởng quái gỡ loạn trí. Nó xứng đáng cho bấy nhiêu công lao chăm chút tần mần? Hay cái hệ thống ấy, nó có thiệt nhưng kín mít, vĩ đại, không cho phép tháo gỡ chút gì cả. Cứ tưởng tượng: hệ thống thay đổi thời tiết đó là một hình Sin, hình Cos với chu kỳ lập lại bằng vài triệu năm! So sánh với cái biểu đồ không lồ, cái trăm năm trong cõi người ta, quả thiệt, chỉ là bóng câu qua cửa, mất hút.

Đã đành. Thế nhưng... Những ngôi sao xa tít tắp trên bầu trời, những hành tinh nhỏ như đầu cây kim gút mà, ôi ta còn tin, sự vận hành của nó, cái chớp cái tắt của nó ảnh hưởng đến cả những chuyện hết sức riêng tư như chuyện lấy vợ, đẻ con, chuyện xuất hành đi chơi một ngày v.v... Mà đâu phải sự "chính xác" của khoa chiêm tinh chỉ lạm bàn đến đó rồi ngừng! Bộ môn khoa học huyền bí ấy còn đi xa nữa, "có phép" đoán được cả những chuyện hết sức tủn mủn, vụn vặt, nếu ta chịu tin vào sử Tàu (trong một quyển sử

nào đó có kể chuyện một ông vua hội kiến người bạn văn nghệ cố tri. Lâu năm cách biệt, vua tôi tương đắc chuyện trò không dứt, kéo nhau vào cả long sàn trò chuyện. Khuya, bạn hiền đãng trí gác bừa chân lên bụng vua, ngủ ngáy khò khò. Vua nể bạn, không dám đẩy. Sáng, đã thấy vị quan chiêm tinh hớt hãi vào triều tâu điềm lạ 'Đêm qua, sao đế mạng bị ngôi sao lạ xẹt ngang!"

*
* *

Anh Sinh đảo mắt ngó những căn nhà xây sát liền nhau như những cái hộp dọc một bên đường. Xế bên trái bãi cỏ xanh tụi con nít vẫn hay đá banh mùa hè giờ trống trơn. Mấy chiếc xích đu cạnh đó đưa qua đưa lại như có bàn tay vô hình nào đẩy. Trước mặt, nóc chung cư anh ở thấp thoáng. *Cao trên mái nhà, mây vẩy tê tê, màu xám. Dần dà bao nhiêu vẩy tê tê đều hoá ra lông chim phơi phới, mà trở màu thâm đen... (2).*

Có tiếng một con chim hót sau những lùm cây chỗ cột gôn. Con chim hót líu lo trầm bổng một tràng dài rồi ngưng bặt, anh Sinh lắng nghe dư âm tiếng chim hót, bàng bạc không khí. Buổi chiều. Giữa anh và con chim kia, dính dáng gì đến nhau? Quá khứ? Hiện tại? Có thì có tự mảy may, không thì cả thế gian này cũng không. Có không... Chắc chẳng mảy may gì. Anh đạp xe khơi khơi ngang qua, nó hót ríu rít bâng quơ trong nớ. Nhưng một điều chắc chắn là, anh Sinh ngơ ngác với ý tưởng vừa xập đến trong đầu óc, chắc chắn là anh với nó vừa tình cờ chung sức tạo nên một mảng đời sống rất nhỏ, có không gian, thời gian, giờ đã chạy lùi mất hút vào quá khứ.

Anh co tay búng mẩu thuốc hút dở văng xa, rớt vào một kẹt tường. Vài sợi khói mỏng manh cố vươn lên rồi tắt ngúm. Vợ anh vẫn chưa về. Chỗ để xe bên cạnh vẫn còn trống. Anh moi túi lấy xâu chìa khoá, khoá xe lại rồi lửng thửng đến dãy thùng thư ngay cầu thang đi lên. Bên trong hộp sắt sơn màu nâu, chỉ vỏn vẹn một tấm carte postale. Anh Sinh cầm lấy, tò mò ngắm nghía hình chụp. Mấy gốc dừa nhiệt đới với những tàng lá bất động giữa những khoảng tường có ô cửa tò vò chung quanh. Đằng sau, dưới hàng chữ in MONREALE interno del chiostro, mấy giòng chữ thẳng, gọn, bằng mực đen. Anh nhận ra nét bút của người bạn điêu khắc gia. Anh cầm tấm thiệp, bước lên cầu thang, vừa lẩm nhẩm đọc bài thơ ghi sau:

Đến đây nơi lạ - lúng túng
Ta thu mình - nhỏ
Có nơi nào - ẩn thân
Gõ chân - trên - niềm bất trắc (3)
.....

Khi leo cầu thang, anh Sinh có thói quen bước một lúc ba bậc

cấp một.

Nguyễn Thanh Hùng

(1) và (3) thơ Nguyễn Phúc Vĩnh Phương.
(2) văn Võ Phiến.

Nguyễn Ý Thuần

Westminster, một góc café và 4 cô casher.

Bốn cô

Rất gần mà cũng rất xa
Trăm người khách, cũng chỉ là... khách thôi.
Lại, qua những mẩu chuyện đời
Tội cho đám khách ngỏ lời trăng hoa.

Trinh

Len giữa đời nét kiêu sa
Lũ bàn ghế chợt hoá ra loài người
Hiển linh.
Tách chén cũng cười
Riêng ta sao vẫn nửa môi đại khờ.

Thảo

Hiền và ngoan là nét thơ
Không gian dịu rất bất ngờ nơi đây
Ngỡ như khói thuốc là mây
Ngỡ cà phê đã đổi thay vị đường.

Hà

Thật hồn nhiên, thật dễ thương
Mở ra một cõi thiên đường chung quanh
Giọt thời gian bỗng trôi nhanh
Những con mắt mở đã thành...u mê.

Bích

Trán thông minh vén tóc thề
Lũ nhan sắc cũ dị kỳ vì em
Mộng hay không cũng là duyên
Nên đời nhạt nét ưu phiền hôm nay.

Tạ Thái

Mây xa.

"*A*nh yêu,

Thấy không, những cái gì gọi là định luật thiên nhiên thì làm sao mà sai được. Như sống, chết. Như hợp, tan. Hồi đó anh bảo trong tất cả đều có ngoại lệ, đó mới là cái bất biến. Tình yêu chúng mình một trong muôn ngàn, chỉ có hợp, không tan. Trách ai đây khi chúng ta tầm thường như vạn vật, hở anh?"

Tôi thu gọn người trong chiếc ghế bành, nhìn ra cửa sổ. Mặt nước vịnh Huntington Harbor phẳng lặng như bao giờ, nắng không xuyên nổi lớp mây xám nên màu nước xanh âm u, bên kia bờ vịnh vẫn đậu những chiếc tàu ca-nô, tàu buồn xinh xinh – tự dưng tôi muốn mình nhắm mắt lại và mở mắt ra để thấy một khoảng không, không màu sắc, chiều hướng, âm thanh, mùi vị. Không cảm giác.

Người đàn bà đó khéo, ngọt, và bản lĩnh quá. Cô hiểu giùm tôi – bà ta nhẹ nhàng giọng Hà Nội, quí phái, thanh nhã từ ánh nhìn đến ngón tay dài dài hất ngang mái tóc – tôi chỉ có một mình anh ấy. Làm vợ 25 năm, làm mẹ 23 năm, cuộc đời tôi sống chỉ vì chồng vì con. Với ảnh, tuy tình đã hết, nghĩa vẫn còn. Bổn phận, trách nhiệm ngăn cản tôi sống theo tình cảm riêng tư của mình, cô biết. Hai đứa con trai nuôi nấng lớn khôn đã có cuộc sống tự lập. Nhưng còn hai đứa nhỏ, đây, cô xem ảnh cháu, làm sao tôi ích kỷ sống vì mình được chứ?! Biết rằng trên xứ Hoa Kỳ này ly dị là chuyện bình thường, nhưng tôi không thể. Hạnh phúc của hai cháu là ưu tiên. Cô thương hai cháu, hiểu giùm tôi.. Cô trẻ, có nhan sắc, có tất cả.

Tôi ao ước bà ta tạt át-xít vào mặt để "nhan sắc" tôi biến dạng quái gỡ như mớ sáp nóng chảy. Đủ can đảm, dạn dầy để nhìn thẳng vào mắt người đàn bà, tôi run rẩy khi cầm tấm hình. Đứa bé trai khoảng 10 tuổi có nụ cười trẻ khoẻ môi như chàng, và bé gái khuôn mặt thanh tú, khả ái như mẹ – chúng đồng thanh kết án tôi,

sỉ nhục tôi. Cảm giác có màu sắc, và cảm giác tôi lúc này là màu xám pha lẫn một chút đỏ, chút vàng, chút màu rêu xanh. Màu của bẽ bàng. Người đàn bà còn lịch sự xin lỗi vì đã tới sớm, nhặt tấm hình dưới thảm lên, và lặng lẽ bỏ đi.

"Anh này, vợ anh là một ngoại lệ đó. Và tình yêu chúng mình chỉ nằm trong công thức anh cộng em bằng tình yêu lý tưởng, tình yêu lý tưởng cộng thời gian bằng số không. Cũng may chúng ta không hứa hẹn, hoặc che giấu gì nhau cả, anh nhỉ?!"

Tôi lần ngón tay theo nếp nhăn nơi trán, giữa đôi mày, cuối đôi mắt, và dọc theo mũi chàng. Chàng nắm lấy bàn tay, mân mê từng ngón, rồi hôn nhẹ chúng. Nhiều người quan sát, nhận định tư cách, tính tình một người qua lần gặp gỡ đầu tiên, còn tôi,tôi tự tin cho rằng sau cuộc ái ân, tôi có thể biết được cả chân ngã đối phương. Đối phương của tôi cũng đang dò xét tôi. Tôi ép đầu vào ngực chàng, lắng nghe nhịp tim đập chậm rãi, và hít nhẹ mùi da đàn ông thơm thơm xà bông, khói thuốc. Thân thể chàng ấm như mùa hạ. Chàng tần ngần vuốt ve mái tóc tôi; hình như chàng thở dài, hình như chúng tôi đang chia sẻ một ý nghĩ.

— Anh không muốn hút thuốc ?

— Không...

— . . .

— Anh muốn cảm ơn em. Cho đêm nay.

— Và em cảm ơn anh. Cho đêm nay.

— Em muốn anh về ?

— Nếu anh phải.

— . . .

— Em đang nhớ tới một bài ca. Anh có nghe bản "Mộng Du" của Phạm Duy bao giờ chưa? *"Đêm đêm người mở lòng ra. Ôm ta trong cánh tay ngà. Giã từ đời bằng hơi gió. Hoá hờn theo cánh mây xa..."* Anh này, em thương tiếng Việt quá! Tiếng Việt mang cho em cảm giác Việt Nam. Tiếng ngoại quốc mang cho em cảm giác ngoại quốc. Anh hiểu em nói gì không?

— Như người tình Việt cảm giác Việt, ngoại quốc cảm giác ngoại quốc.

— . . .

— Nói cho anh biết, đêm nay chúng ta là tình nhân của nhau, còn ngày mai, sáng mai khi anh thức dậy, chúng mình là gì?

— Anh vẫn là một văn sĩ với cuộc đời văn sĩ. Em vẫn là em, một người con... một người đàn bà trẻ với những gì thuộc về em. Và những gì không thuộc về em.

— Tại sao ?

— Tại sao gì cơ ?

— Tại sao đêm nay ? Tại sao giờ phút này, em với anh?

— Vì... em muốn... em... một đôi khi em muốn mình cho mà không cần nhận. Em không muốn có mục đích đằng sau những lời nói ngọt ngào, những cái nhìn tha thiết, một đôi khi thôi, để rồi em lại có mục đích. Anh hiểu?

— Anh hiểu.

— Nói cho em biết, anh muốn ngày mai thức giấc chúng mình là gì của nhau?

— Vô ích. Khi anh đã không thuộc về anh, và em là cơn mộng du dễ thương, dễ ghét nhất của anh.

Tôi mỉm cười. Thì tôi sẽ là cơn mộng du dễ thương, dễ ghét nhất của chàng. Nhắm mắt, tôi ghi nhớ mọi chi tiết đêm nay, những nụ hôn dịu dàng, những nâng niu trìu mến, và những giọt mồ hôi đượm hai bên thái dương chàng, tất cả...

Có hai điều tôi ghét cay ghét đắng là cái nham nhở và giả tạo. Vòng bạn bè giao thiệp của chàng có cả hai. Tôi biết chàng đã lâu, thân quen thì năm ngoái thôi, khi vòng bạn bè giao thiệp của chàng và của tôi cắt nhau ở một buổi tiệc ra mắt tác phẩm đầu tiên tại hải ngoại của một văn sĩ tên tuổi chưa nhiều người biết đến. Chị bạn nhà báo kéo tôi tới bàn giới thiệu. Tôi còn nhớ tối đó mình mặc bộ đầm đen bó chẽn thân người, đường cổ áo xẻ hơi lộ liễu, nhưng nhờ khăn voan đen che hờ những nên không "công xúc tu sĩ" cho lắm. Hơn phân nửa bàn nhìn vào vùng ngực kín kín hở hở của tôi trước khi nhìn tôi, và có lẽ thấy tôi còn trẻ, hơn phân nửa nháy mắt, huých tay nhau, cười thiếu lịch sự đến khả ố. Chàng có cái nét gì đó, thoáng thì không gợi chú ý, nhưng lâu sẽ thấy rất thu hút, quyến rũ. Qua màn khói thuốc với chung quanh ồn ào tiếng cười nói, chúng tôi ngồi đối diện nhau. Chàng rất giữ ý, nhã nhặn tới độ lạnh lùng mỗi khi cùng tôi đàm thoại. Cả lúc tôi thử kéo bỏ chiếc khăn voan xuống, vẫn không một ánh nhìn thất lễ từ chàng. Hết còn hứng thú với trò chơi khêu gợi, tôi thu ý nghĩ về thế giới riêng tư của mình. Chương trình tiếp nối bằng mục ngâm thơ -- diễn thơ thì đúng hơn. Một thi sĩ nổi tiếng với những tập thơ tình lên "micro" đọc diễn bài thơ mới nhất của ông. Bài thơ thôi miên tôi từ cái tựa đến dòng cuối cùng. Bài thơ mang tên "Hão", và tôi thuộc lòng những dòng kết cho tới bây giờ.

"... Rời như đôi sao băng
Rạch da trời đêm một phút giây định mệnh
Đôi ta bên nhau, bỡ ngỡ ngân hà
Chia sẻ chút tình duyên lưu luyến
Cho đến mai khi nắng chan hoà
Có còn nhớ, hay đã quên
Ánh sao nhoà
Trong mắt anh, trong mắt em huyền...

Hão ?! "

Bất giác, tôi xoay mặt nhìn người đàn ông đối diện. Người đàn ông nhìn tôi. Khi một niệm đã gieo, làm sao thu lại?!

"Anh yêu,

Chúng ta chưa bao giờ thực sự nói anh yêu em, em yêu anh cả, anh nhỉ? Chúng ta thầm cho rằng mình không "cliché", rằng quan hệ tình cảm của mình vượt khỏi định nghĩa. Lãng mạn vẫn là yếu điểm của em. Sự thật thì mình vẫn làm những gì mình muốn, rồi tự biện hộ bằng đủ hoa từ mỹ lệ. Chúng ta cũng nham nhở và giả tạo chán, anh hở, như... hầu hết mọi người."

Có lẽ một trong những người khách bạn bè của chàng tôi mời tới nhà cho người đàn bà đó địa chỉ. Bà ta từ Houston qua thì phải. Lần đầu tiên tôi mới nghĩ tới một người đàn bà đã chung đụng thân xác cùng chàng. Chắc chàng phải yêu vợ chàng lắm, ít nhất là có một thời. Không hẹn mà chúng tôi đồng thỏa thuận không quan tâm, thắc mắc gì đến quá khứ của mỗi người cả. Vì mặc cảm tội lỗi chăng?

Chàng và tôi đứng trước gương, lõa thể.

— Anh này, khi cởi bỏ hết những lớp vỏ bên ngoài, con người thấy chân thật hơn, tự do hơn anh nhỉ. Không còn những bình phong, sơn phết, không còn những lấp liếm, ngụy biện, con người sẽ đáng yêu biết bao.

— Chỉ tại quả táo đó.

— Ừ, tại con rắn dụ Eve, bảo Eve ăn trái cây hiểu sự thiện sự ác thì sẽ không chết đâu, sẽ được như Chúa.

— Eve ăn ngon lành còn rủ Adam, xúi quẩy Adam...

— ... Và Adam tham ăn nên mắc nghẹn nơi cổ. Đây này, quả táo của anh đây này.

— Adam và Eve lấy lá cây che sự lõa lồ của mình, bị Chúa nguyền rủa, rồi bị trục xuất khỏi vườn Eden, không bao giờ được trở lại.

— Anh này em thấy tội nghiệp con rắn...

— Tại sao ?

— Vì mọi người đều có trái cấm của mình, họ ăn cho ngon miệng, rồi đổ lỗi cho con rắn.

— . . .

— Nếu Eve và Adam biết những hình phạt của Chúa là thực, anh nghĩ họ có dám ăn không?

— . . .

— Tội nghiệp thay con rắn có tài dụ dỗ !

— Anh muốn nắm tay em.

— Nắm đi ...

— Anh muốn ôm em.

— Ôm đi...

— Anh muốn hôn em.

— Hôn đi...

— . . .

— Quả táo ngon ngọt quá, anh nhỉ ?! Ngay cả lúc chúng ta biết địa đàng một ngày sẽ mất, quả táo vẫn ngon ngọt.

— Đừng nói nữa em...

Phản chiếu trong gương là một người đàn ông sống theo con tim và một người đàn bà trẻ lần đầu tiên không lợi dụng từ khi lăn lộn với đời. Không, phản chiếu trong gương là một người đàn ông ngoại tình và một người đàn bà trẻ giựt chồng. Ừ, nhìn thực tế bằng màu sắc của thực tế. Đừng đổ lỗi cho con rắn, vì chúng ta biết mà vẫn làm.

Đêm. Lấp lánh bên kia bờ vịnh là đèn đóm của nhà cửa, xe cộ. Mặt nước lăn tăn gợn sóng. Gió thổi lạnh, có lẽ sắp mưa. Hy vọng trời mưa tối nay. Tôi xin trời mưa như thác lũ tối nay. Tôi bó gối trong chiếc ghế bành, lắng nghe tiếng động bên ngoài. Có tiếng lá cây xào xạc, tiếng ti-vi nhà dưới lầu, tiếng chim kêu đêm, tiếng nước vỗ thành bờ đều đặn, tiếng xe, tiếng động cơ quen thuộc, tiếng gót giầy quen thuộc lộp cộp trên những nấc thang. Rồi tiếng lách-cách chìa khoá, tiếng cửa đẩy bị cản vì chốt trên, tiếng đóng cửa, tiếng gõ cửa, tiếng bước chân về phía cửa kính nơi tôi ngồi. Chàng đứng đó, dáng cao cao, điềm đạm, phong thái nghệ sĩ như bao giờ, tần ngần, tư lự ngó vào trong.

Chàng nheo mắt nhìn vô vùng bóng tối và thấy tôi.

Khom người xuống để đối diện cùng tôi, chàng trang nghiêm, bất động như một pho tượng. Tôi cũng là một pho tượng như chàng. Thời gian có lẽ vô nghĩa với tượng đá nhỉ?! Vạn năm cũng như một giây, tương lai, hiện tại, quá khứ gom thành cái không không như như. Mà nó có mọc rêu chứ, và rêu sẽ làm mòn lụi hình hài, để rồi một hôm nó tan thành bụi cát. Tóc chàng lất phất xuống trán, râu chàng quên cạo, nên lún phún ở hàm là lần râu quai nón. Tôi với tay để sờ mặt chàng, nhưng chỉ đụng tấm cửa kính lạnh ngắt. Chàng áp bàn tay chàng vào chỗ tay tôi. Răng chàng đang cắn chặt vì tôi thấy những sớ thịt bên mang tai chàng chuyển động. Hình như chàng thở dài. Hình như chúng tôi đang chia sẻ một ý nghĩ. Rất Tây phương, chàng đặt ngón tay trỏ lên môi, gởi tôi nụ hôn. Rất kiểu cách, tôi nghiêng đầu xõa tóc về một bên mỉm cười, nụ cười diễm lệ nhất của tôi.

Mưa đổ khi chàng vừa quay đi...

Tạ Thái

Tạ Thái

Gương và tôi, thiếu phụ.

Ngần ngừ tay lược bâng khuâng
Tôi nhìn tôi, bỗng lạ lùng thay tôi
Ừ đây cũng mắt cũng môi
Mà chi hơn nửa cuộc đời trôi qua
Tóc buông lơi, tóc mượt mà
Tóc đen huyền... dẫu đã nhoà tuyết sương.

*

Ngày xưa khi má chớm hường
Soi hình bóng nước con mương uốn dài
Mắt xanh lơ mộng các đài
Tuyết hồng một đoá hè phai sắc màu.
Tuổi thơ nổi cuộc bể dâu
Đoạn lòng xếp áo dãi dầu ly gia
Người làng nhàm tiếng dèm pha
Còn mình lạc giữa đèn hoa phố phường
"Mấy đời bánh đúc có xương"
Hiểu từ đành lỗi, học đường mới mong.

*

Xuôi theo định mệnh trôi dòng
Quàng đâu một mảng tơ hồng se dây
Soi gương tìm những đổi thay
Cầu mong hạnh phúc tràn đầy mắt môi.
Con ngoan yên ngủ trong nôi
Tôi nâng niu những nét tôi hiền hoà
Vào đời mới chợt nhận ra
Ngây thơ vuột mất tay ngà từ lâu
Sống là phải dối gạt nhau

Sống là đội lốt phàm vào cuộc chơi
Sống cho bỏ kiếp con người
Sống cho đủ chuyện khóc cười mới cam...

*

Thì đời người có lúc lầm
Hồ keo lúc rã, sắc cầm lúc tan
Yêu thương hết, chẳng buồn than
Đàn ông muôn kiếp vẫn đàn ông thôi
Nên giờ suy ngẫm hình tôi
Lạnh lùng sao khoé miệng cười đa mang
Tiếng rằng cũng mảnh hồng nhan...

*

Rồi xuân kia ác mộng tràn quê hương
Chui đâu ra lũ vô thường
Rắt gieo bao xiết đoạn trường nơi nơi
Nhờ ơn "cách mạng" đổi đời
Chồng thời cải tạo, con thời thiếu ăn.
Học cho lung chữ bần hàn,
Chữ thù, chữ nhục, chữ "dân ngụy quyền",
Chữ thèm, chữ đói, chữ tiền,
Chữ cương thường, chữ đảo điên đất trời
"Em ơi điểm phấn tô son lại
Ngạo với nhân gian một nụ cười"
Linh hồn tôi rã rượi rời
Thời này sâu bọ làm người mà ghê !
Chừng nào thoát khỏi cơn mê ?
Chừng nào thân hết ê chề bấy thân ?
Quý gì cái kiếp hồng quần Chồng cần sự sống, con cần tương lai
Tôi còn só chút mày ngài
Đời còn đày đọa đến rày thì thôi.

*

Sáu năm rồi ở xứ người
Lắm khi xót nửa cuộc đời đã qua
Xưa mơ trẻ mãi không già
Giờ xin bụi cát tan hoà cố hương
Tôi nhìn tôi, mặt đối gương
Tin rồi ! Sau trước sắc hường cũng phai.

Ta Thái

Chân Phương

Một chỗ cho người.

Cang, đẩy giúp tủ sắt này qua bên góc kia, Cang, cái bàn này đem lên lầu hai đổi cái bàn có mặt kính dày xuống đây, Cang, Cang, mấy hộc hồ sơ đâu rồi, Cang, nhấc kệ sách kia qua, Cang, Cang, sơ Dorothy áo chẽn trắng khoác ngoài bộ đồng phục đúng phong cách New England, hai má hóp sâu thêm — chắc mấy đêm rồi mất ngủ, túi bụi chỉ huy. Cha Hoàng, người gốc Huế, cũng đang chia xẻ trách nhiệm lãnh đạo, lăng xăng đốc thúc mấy cậu học trò Việt có, Lào có khuân chồng lên nhau mớ bàn, tủ sắt nặng trịch. Thuộc hạng chí thú làm ăn và biết trọng giá trị đồng bạc, ngày nào cũng tranh thủ chạy ra ngoài dạy thêm vài giờ toán lý hoá cho các trường cần giáo viên song ngữ, cha vừa tiếp tay bọn trẻ vừa than vản, bàn ghế gì hư móp ráo, người đâu mà xài không biết giữ gìn... Mẹ giám đốc nghỉ mát suốt tháng tận bên lục địa căn-gà-ru; tiền rent đột biến nhảy vọt đẩy cả bọn từ cái cơ sở hiện đại đầy thủy tinh với thép không rỉ dưới ngoại ô lếch thếch kéo theo đống bàn ghế văn phòng ô hợp tiếp thu sau nhiều lần dâu bể về chiếm đóng địa điểm mới này.

Mỗi lần xuống phố đổi xe buýt về nhà trước đây, ngắm cái nhà thờ cổ kính ngói đá nhuộm màu thời gian thu mình khiêm tốn giữa các cao ốc ngất ngưỡng đầy kinh mạn, Cang thường nghĩ vẩn vơ về sự suy tàn của tôn giáo: thánh điện nóc chuông, đền thờ, mái chùa trên toàn thế giới cộng lại có lẽ chưa bằng thể tích của bất cứ một nhà chọc trời nào ở Nữu Ước, Đông Kinh hay Mạc Tư Khoa; cũng như có bận xuống chơi Manhattan đứng trên sân thượng World Trade Center cao vút trời ngắm tượng Thần Tự Do mờ nhạt trong sương chiều, anh đã cảm thấy tội nghiệp cho tâm linh

nhân loại sẽ không bao giờ có được một chỗ cư trú oai nghiêm tương tự. Vậy mà cơ quan làm việc thiện mỗi tuần năm ngày của anh và đồng nghiệp đã chui gọn một cách thoải mái vào lòng ngôi nhà thờ xưa ấy như Sonas trong bụng cá voi. Té ra, trừ cái vỏ đá bên ngoài cổ lỗ, nó cũng đã được sửa chữa, kiến tạo lại hoàn toàn từ lúc nào không rõ với đầy đủ phòng ốc, điện nước, bếp lò, tủ lạnh, máy điều hoà không khí. Thánh đường thuở nào giáo dân tề tụ xưng tội nghe lễ thứ bảy chúa nhật đã biến mất nhường chỗ cho các ngăn sách của một thư viện nhỏ; vòm trần của nó được thay thế bằng hai tầng lầu ngăn làm nhiều phòng nhỏ, to được đám thập tự chinh mới tha hồ quân quản. Đẩy cái ghế xoay của mình vào chỗ được phân phối đằng sau chiếc bàn sơn màu sơn môi có cái mặt bàn láng trắng màu ngà, Cang gieo mình xuống và mỉm cười chợt nhớ ra vị trí này trước đây có lẽ đã được chiếm ngự bởi những thiên thần bay lượn vô hình bên trên các cố đạo và phu tế áo thụng lúc nâng mình thánh trước miệng con chiên vào những dịp Giáng Sinh, Phục Lâm hoặc bởi linh hồn những kẻ vừa từ giã cõi đời còn vương vấn mùi khói hương của lễ tống tiễn người chết. Cang đưa mắt nhìn quanh, rồi đây anh sẽ làm quen với gian phòng rộng chất chứa linh tinh đủ thứ tiếp giáp với nhà bếp, nhà kho và mấy cửa exit bị phong tỏa này. Bên trái anh, thiên thần Hung-gia-lợi Ibe, vóc dáng hạt mít, nét mặt dễ coi, sang Mỹ đâu được hơn năm, sáng nay không biết tham gia vào bộ phận khuân vác, sơn phết nào đành ngồi ủ rủ giữa đống thùng, tủ hồ sơ, ghế thấp ghế cao, bàn vuông bàn tròn đủ cỡ. Bên phải, dấn thân hơn — có lẽ kinh nghiệm lịch sử đã hun đúc thiên thần, hay linh hồn chết? đã từng chạy bộ sang Thái Lan trốn đại lãnh tụ họ Pol này — cô Rattana người Khờ me bỗng mở miệng phát biểu câu nói nghiêm trọng đầu tiên trong ngày:

— Tụi nó phân biệt chủng tộc, cho mình ngồi ở chỗ tồi nhất. Phòng tốt có máy lạnh, bàn ghế đẹp, cửa sổ nhìn xuống đường phố, chúng dành hết cả.

Rồi nín bặt, như thể để cho Cang có thì giờ ngẫm nghĩ về nghệ thuật xã giao của những đồng nghiệp thân mến trong cái ngành nghề cứu nhân độ thế này, cô ta lui cui khuân cái máy quạt đặt lên nóc tủ hồ sơ tìm chỗ cắm dây, buộc cột lại tấm màn buông thõng từ trần tìm cách làm cho hé ra một mảng trời và một nhúm lá cây ngoài ô kính, đoạn vác đâu về một bức độc long ngoạn châu trang trí cho khoảng tường trống hoát kề cận. Lúc ấy Cang mới buông một câu đùa, cho mình là chính:

— Có lẽ họ cho rằng bọn ta thuộc thành phần siêu thoát nhất ở đây...

Cô ta chẳng buồn tìm hiểu ý vị bỡn cợt của anh bạn láng

giềng, vừa chấm xà phòng nước lau đi lau lại cái mặt bàn vừa lầm bầm:

— Điện thoại không có dây gắn, tủ thì mất hộc, làm ăn cái nỗi gì!

Cô nàng Khờ me này quản lý khoảng năm mươi gia đình Mên, Lào, Mít đang ăn welfare và luyện tiếng Anh chờ ngày hội nhập vào cõi địa đàng. Suốt ngày cô ta cần mẫn loay hoay với hồ sơ lý lịch, đơn từ và điện thoại, thỉnh thoảng biến đi rồi trở về với đứa con gái rất xinh vừa rước từ một nhà trẻ nào đó. Chẳng bù với Ibe sinh động hơn, thức khuya dậy sớm, lái xe ra phi trường, khách sạn, hăng say suốt tuần chăm nom bọn tị nạn giống như đàn bò vừa đổi trại, ngơ ngáo giữa những vùng đất lạ. Nhàn hạ nhất trong đám nhân viên có lẽ là Cang, một phần vì anh là người mới tập sự, một phần vì anh lo công việc phụ giúp người tị nạn đã qua giai đoạn đầu vật lộn làm quen với cuộc sống mới. Năm thì mười họa, một cú điện thoại cớ mất giấy tờ, nhờ đưa con nhỏ đi khám bệnh, hoặc xin khiếu nại với nhà đèn về số tiền điện cuối tháng quá cao. Những chuyện rắc rối hơn như xin thẻ xanh, nhập tịch, ân xá tội cư trú bất hợp pháp thì anh bấm nút extension chuyển cho chức năng liên quan của các đồng nghiệp khác. Có buổi rảnh rang không biết làm gì cho hết giờ anh ngồi ngắm trời ngắm đất sáng tác vài câu lục bát trong đầu hoặc dịch một bài thơ nước ngoài. Khi nào cạn hứng, anh quay điện thoại về nhà nhắc thằng con bảy tuổi uống sữa và sinh tố, hỏi thăm cô vợ còn trẻ xem chứng nhức mỏi đã thuyên giảm tới đâu hoặc phát thư trong ngày có đem tin gì mới đến.

Ánh nắng lọt qua khe màn, chiếu xuống lưng Cang một vệt sáng và nóng. Cái quạt máy xoay đều như một đoá hướng dương tâm thần theo đuổi mãi một vầng dương thích chơi ú tim. Ibe đã xuống bếp pha cà phê, Rattana đến giờ rước con, khoác cái xắc lên vai quay lưng đi ra. Cang cũng rời ghế đứng dậy, đẩy dẹp bàn ghế chung quanh, khuân xếp lại mớ thùng hộp cho quang cảnh được ngăn nắp hơn. Suốt sáng giờ chưa rảnh tay, anh bước mấy bước dợm rời phòng, định bụng tìm cái bathroom rửa mặt và nhét cái áo xốc xếch vì các động tác bốc xếp vào quần cho gọn, lại chạm trán với một bà tiên khác, eo nhỏ mông đầy, tóc búi củ cải:

— Cang rảnh không? Xin vui lòng giúp tôi việc này một chút.

Làm sao từ chối, Stephany luôn luôn tươi cười, nhã nhặn, chuyên viên tìm việc làm đồng thời kẻ thù đối với mọi loại thất nghiệp ăn bám trong tiểu bang này. Vâng ạ, tiểu nhân xin hết lòng hết sức,. Năm giây sau, anh lại thót lên mấy nấc thang kê trên cái mặt bàn, tay lon sơn, tay hươ cọ như một nghệ sĩ lành nghề pha trộn các gam màu xám, trắng, trứng gà đi một đường finishing bay

bướm cho bức tranh trần nhà. Mấy chỗ rách bể, tróc sơn bị anh truy lùng không thương tiếc. Một chân nhón cao, một chân múa bắt thăng bằng, Cang chới với tô đi tô lại từng phân diện tích, chẳng tha cho bất cứ một hạt bụi khuyết điểm nào. A, Michelangelo, tôi cũng đang phối hôn cho chân, thiện, mỹ đây nè!

Đầu óc đang lâng lâng sáng tạo, Cang nghe tiếng sơ Dorothy gọi mình như từ bên kia những giấc mơ. Anh định thần nhìn xuống thấy sơ nói với lên, cái cằm có vẻ nhọn thêm mấy giác độ:

— Anh khuân cái bàn có chân sắt xếp ngoài hành lang đi theo bà khách này ra xe. Nhớ đòi ba mươi lăm đô, bà ta chưa trả tiền nghe chưa.

Hoàn toàn trở về với thực tại, đặt chân xuống đất anh sực nhớ đến tờ giấy to dán trước cửa nhà thờ sáng nay anh không để ý lắm lúc đẩy nó bước vào, hình như ai đó đã viết trên ấy một chữ sale bự tổ! Thì ra, họ bán rẻ các tủ, bàn, kệ để giải phóng các căn phòng đang bị tràn ngập vì đồ đạc y như trong một màn kịch ngắn nào đó của Ionesco. Đã đến lúc phải thanh lý mớ đồ chùa quyên góp của bá gia bá tánh từ bao nhiêu thập niên chứ chẳng lẽ đợi hồng thủ đợt hai đến dọn dùm à! Cang cười thầm, bậm miệng trệch xương chậu sang một bên ì ạch kè cái bàn xuống từng bậc thang. Gần đến tầng trệt, anh lại phải ép sát vào tường nhường cho cha Hoàng hớt hải chạy lên. Đi ngang anh, cha không quên hỏi nhanh:

— Bán à, được giá không ?

Cang chịu khó gật gật cái đầu rồi thò chân đạp cửa thánh đường bước ra lề phố ngập tràn ánh nắng đúng ngọ Anh khệ nệ đi xuống con phố — bà khách chắc không tìm được chỗ đậu xe nào gần hơn — vừa đi vừa tăng cường hô hấp. Chiếc xe đây rồi, mở cửa đằng đuôi, tháo băng ghế sau, ấn cái mặt gỗ rộng vào cho trót lọt cả bề dọc lẫn bề ngang, Cang hổn hển đóng ập cửa lại.

Đưa tay nhận mấy tờ giấy bạc, anh mới để ý đến vẻ nhộp nhịp khác thường ở ngã tư trước mặt. Hít mấy hơi sâu để ổn định nhịp tim đang đập loạn, Cang chậm rãi bước tới gần và hiểu ngay: mình chưa bao giờ đi ngang trung tâm downtown này vào giấc trưa, hèn gì... Nhân viên các ngân hàng, bảo hiểm dịch vụ kinh thương quanh đó đều đổ về khoảng công viên xanh ngồi, nằm, relax, ăn trưa và trò chuyện. Một giờ lunch vàng ngọc đang được tận dụng tối đa. Bọn bán hàng rong cũng kéo đến mấy chiếc xe đút đít vào lề, bày ra nào hoa tươi, chậu kiểng, trái cây mới hái, plum, peach, nectarine... và gì gì đó, anh không biết hết. Có cả mấy tay đẩy xe bánh mì, nước uống, dù che sặc sỡ trên đầu, nhanh nhẩu cắt, gói... Có lý đấy, hôm nào ta sẽ ra đây ăn trưa ngắm cảnh ngắm người, bẻ vụn bánh mì ném cho lũ bồ câu hoang, Cang nghĩ bụng. Thẩn thơ

giữa đám đông vui nhộn thêm mấy phút, anh chợt nhớ cái góc trần nhà sơn dở dang bèn quay trở về. Né tránh một cô tóc hung đi giày cao gót trên khoảng lề chật hẹp đã bị chiếm đóng bày hàng, Cang vấp vào một gã da đen ở đâu trờ tới khiến anh suýt ngã vào mớ chậu kiểng nằm la liệt. Trong lúc cố lấy lại thăng bằng, anh tình cờ nhìn thấy một chậu bé tí giữa bao nhiêu là lá, hoa cành; trong chậu nhô lên những lá no mủm mỉm của giống vạn niên thanh, mấy năm sau này giới y học dân tộc gọi là "sống đời" mẹ anh trồng trước nhà, bên kia trái đất. Anh bỗng nhớ căn nhà nhỏ dột mưa, cái gác chật đêm đêm chuột chạy, mẹ già và mấy đứa em. Thật là khó tưởng tượng rằng mình đang đứng lạc loài giữa dân da trắng da đen, trên tay cầm chậu đất nhỏ với cây thuốc nam vừa được chiết nhánh này. Chưa đầy một năm, chợ phố, quán xá, mùi vị quê hương hình như còn phảng phất đâu đây...

Cái góc trần được kết thúc khá nhanh. Dạ dày đã bắt đầu nhắc nhở chủ nhân của nó. Sau mấy đường cọ cuối cùng cho lớp sơn được đều mặt, Cang nhảy xuống đất ngắm nghía qua loa căn phòng tiếp tân vừa được sửa phết tươm tất đoạn mang chậu sống đời đã bỏ gần hai đồng ra mua lúc nãy tự giờ nằm chờ trên bâu cửa sổ trở về chỗ mình. Đặt chậu cây xanh lên bàn làm việc bên cạnh cuốn lịch công tác, anh nói nhỏ với nó:

— Bây giờ mày sẽ làm bạn với tao, hỡi đại biểu vô tri của tất cả những chồng chất tủi hận, đau thương đói rách, ngục tù đã bỏ lại sau lưng. Mỗi ngày tao sẽ tưới nước cho mày để nuôi nỗi sầu trong tao sống mãi.

Tiếng cánh sắt quạt máy phần phật trong căn phòng rộng đèn thắp sáng choang làm tăng thêm vẻ vắng ngắt. Người của cơ quan đã đi ăn trưa hết. Đưa tay sửa lại vị trí chiếc chậu, rờ rẫm mấy chiếc lá, Cang mới nhận thấy mười ngón đều lấm sơn bê bết. Bẩn thế này thì làm sao ăn cơm tay cầm, hỡi họa sĩ chưa được ai phát hiện thiên tài, Cang vừa nói đùa trong bụng vừa bước xuống nhà kho tìm mảnh vải kỳ cọ bớt lớp sơn trước khi rửa sạch bằng xà phòng. Anh nhặt được chiếc áo ngắn có lẽ đã được các học trò thợ hồ của cha Hoàng dùng làm tạp dề mấy hôm nay quăng vứt bỏ. Cảm thấy vương vướng cái gì, Cang nhấc hẳn cái áo lên cao, lôi theo một cây thập giá dính vào thân vải bởi chất sơn khô. Một tay cầm cái áo bẩn, một tay nắm thập giá, anh tách tượng Chúa ra đưa gần mắt ngắm. Tượng gỗ chạm khắc công phu, đầu ngoẻo sang bên, hai khoé miệng rúm ró bi thương, nơi hông lộ rõ vết đòn đâm rách thịt. Phần dưới là cặp chân khẳng khiu nối dài với mười ngón co quắp, cây đinh đóng ngập cả hai bàn chân ghim sâu vào thân gỗ phía sau. Nhà điêu khắc nào đó đã gửi gấm không ít xúc động và cảm hứng vào tác phẩm tôn giá đang biểu hiện dưới mắt Cang.

— Món này chắc không đổi chác được mới nằm đây..., anh buồn cười nhếch mép. Sẵn tay, Cang cầm miếng vải lau qua lớp cáu bụi đóng trên thập giá, tẩn mẩn tỉ mỉ cạo sạch từng vệt sơn nhỏ. Sau đó anh rảo quanh mấy tấm vách tìm một cây đinh hoặc cái móc để treo nó lên. Anh không phải là dân Công giáo, cũng chẳng theo đạo Tin lành; có một thời trước đây tôn giáo của anh là rượu, thơ và gái. Nhưng không thể bỏ đấng Cứu Thế nơi nhà kho như thế được; tội nghiệp, trước đây từng là Chúa tể cả thế gian! Cuối cùng, tận bên trên tấm băng tréo sau lưng chỗ anh ngồi, Cang tìm thấy một que sắt thò cái đầu uốn cong ra vừa vặn cái khoen cột đằng sau thập giá. Anh treo tượng lên, dù sao cũng có một chút tâm linh soi sáng cho những giờ cạo giấy tối tăm vô vị. Xong đâu đó, anh ngồi xuống ghế xoay mấy vòng trước khi ngừng lại trước chậu sống đời, vui miệng nói luôn:

— Mày sẽ đỡ phần cô độc. Ngoài tao ra, còn Đức Chúa trên kia nhìn xuống chứng giám cho sự hiện hữu của mày. À, chút nữa thì quên, một lát ăn trưa xong tao sẽ tưới cho mày chút nước.

Rồi Cang kéo hộc tủ, lấy khẩu phần ăn trong túi nhựa ra. Miếng xăng-uýt kẹp chả và xà lách dòn ngấu trong miệng. Cơn đói bị nén quên giờ xuất hiện một cách hồ hởi. Nhân viên bàn giấy bất thần chuyển sang lao công tạp dịch, từ lúc đặt chân vào cơ quan từ thiện này Cang nghĩ rằng chưa có hôm nào mình lao động cật lực như hôm nay. Biết vậy đem theo vài bọc mì gói nấu nước sôi ăn thêm. Chốc nữa rảnh gọi điện thoại về phỏng vấn bà xã xem chiều nay nấu món gì, Cang chợt nhớ, à sữa tươi cho thằng Cu đã cạn từ tối qua, phải tạt vào tiệm mua bình mới lúc rẽ về nhà. Ăn xong miếng cuối, anh thấy hai mí mắt muốn cụp sắp đến giờ cầu cứu trà đậm với cà phê không bỏ đường rồi. Đưa tay lên định gỡ kính cận ra chợp mắt năm phút, anh bỗng giật mình chớp mắt nhìn cho rõ. Bên cái vách tay trái đằng kia, nằm trên nóc tủ hồ sơ cao, một Đức Chúa khác đang chịu nạn, to gấp nhiều lần vị khi nãy, đằng một gang tay, đằng cả thước. Cũng lạ, cả buổi dọn dẹp mà anh không khi nào nhìn thấy cái tượng gỗ bề thế ấy, hình như có một phép lạ đã che dấu Người không cho ai ngắm. Bây giờ, chung quanh vắng ngắt, Người mới chịu hiện hình. Anh lặng nhìn một lúc, đoan chắc đến tám, chín mươi phần trăm rằng đấng Ki Tô này đã từng được treo ở chính điện nhà thờ trước đây, to như thế để các tín đồ quì khấn từ xa có thể nhìn thấy. Bây giờ, Người nằm quay đầu về phía anh, mái tóc đen tương phản với cái khố trắng đã ngả màu vàng ố, thân hình gập lại rướn cong, hai đầu gối xương xẩu nhô lên, lặng lẽ chịu đựng đau đớn. Cang không thể không tưởng tượng đến cái khoảnh khắc bi tráng lúc bọn lính La-mã đẩy Người ngã ngửa lên thập ác, đè mấy ngón ra cắm mũi đinh nhọn vào giữa lòng bàn tay

đóng phập, và tiếng thét đau đớn, và gương mặt Người run bần bật, nhoà đi như một đạo diễn tài hoa nào đó đã dựng lại trong một phim Chịu Nạn gần đây, hình ảnh cuối cùng trước khi chữ The End hiện ra mà mỗi lần nhớ lại Cang vẫn thấy bàng hoàng vì cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của hai chữ ấy.

Bây giờ, Người nằm đó, sóng sượt, nhẫn nhục, máu thấm ướt mấy đầu ngón tay, phó cho quyền lực trần gian mặc tình xử lý — kéo Người bật dậy trên thập tự giá, đóng cọc sâu xuống đất để phơi mưa phơi nắng đến lúc tắt lịm hoặc bỏ quên bên cạnh các thứ linh tinh khác.

Rồi Cang nhìn xuống chậu kiểng nhỏ của mình, hình dung những tế bào thực vật đang sinh trưởng thản nhiên, đang uống từng giọt nước, đang hít từng hạt không khí để nuôi lớn dần mấy cái chồi vô tâm xanh mởn.

Chân Phương

Thơ Tiểu San

Dừa

Trời Tây rủ bóng
lê thê
tâm tư thả gió
bay về trời Đông
Buồn,
nhìn quanh chỉ thấy thông
dừa lên cao vút
mà trông phương nào.

Thơ trên cửa kính

Nắng và lá cây dán tranh lên cửa kính
Màu tranh xa xôi, đường bụi mịt mờ.

Nắng dán tranh lá cây lên cửa kính
Thiếu màu xanh
Nắng quệt màu vàng, đường nóng nực chói chang.

Gió xoá bức tranh lá cây nắng dán lên cửa kính
Rối lên, bụi đường tung mù
Rời cảnh cũ lại bày ra bên kia đường, yên tĩnh.

Rời nắng tắt,
Lá cây cùng gió đùa vô tình
Chẳng để ý có đôi mắt nhìn đường qua cửa kính.

Nguyễn Phước Nguyên

Chuyến đi.

Chỉ còn độ một trăm dặm nữa là đến thành phố Nữu ước. Tôi vừa lái xe vừa ngây ngất ngắm cảnh mặt trời mọc sau lớp sương mù trùm kín không gian vào một buổi sớm mai chớm lạnh tháng Bảy của miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Sau bức màn sương mặt trời không rực rỡ sáng mà chỉ còn là một vòng tròn lấp lánh như một đồng tiền bằng bạc bị ai đó treo giữa trời. Tôi ngó lại trong xe, mọi người vẫn còn yên ngủ sau đêm thứ nhì của chuyến viễn hành đầu tiên của cả gia đình tôi. "Đi chơi". Tôi lẩm bẩm hai chữ đó trong đầu mà thấy vừa thương mẹ tôi vừa buồn cười. Mẹ tôi vốn sợ đi máy bay. Chuyến bay sau cùng là lần rời trại Pendleton để đi định cư tại Wisconsin mười hai năm về trước. Cách đây hai tháng, người anh thứ của tôi nhận được việc làm ở Boston tại tiểu bang Massachusetts sau hơn một năm trời mòn mỏi tìm việc từ lúc ra trường đại học. Đùng một cái mẹ tôi đề nghị một chuyến đi chơi. Một chuyến đi chơi có một mục đích khác hơn đi chơi: thăm con. Sau đôi lần bàn tán, cả nhà đều đồng ý lấy ngày nghỉ phép và mướn xe cùng đi.

Xe băng qua một khúc đường xấu đang được sửa chữa nên mọi người từ từ thức dậy vì bị dằn. Mẹ và anh cả tôi thức trước, sau đó là chị tôi và ba tôi. Đứa em gái út của tôi thì vẫn còn nằm trong lòng mẹ tôi ngủ say ở băng ghế sau. Mọi người đều cảm thấy thoải mái dù hơi mệt với cái lạnh nhè nhẹ của một buổi bình minh. Một lúc sau tôi lại nghe tiếng đứa em gái tôi trở mình thức giấc. Rồi bỗng cô nàng ngồi bật dậy và thảng thốt kêu to:

— Trời ơi ! Mặt trời bữa nay bị tắt đèn ! (?)

Tôi bàng hoàng. Mà cũng không phải chỉ riêng mình tôi. Trong xe ai cũng ngơ ngác không biết đứa em út tôi muốn nói gì. Lúc đó, cô nàng mới chỉ về phía mặt trời và nói:

— Đó, hổng ai thấy sao ? Nó hổng có... chiếu ra như mọi ngày.

Chị tôi là người hiểu ra đầu tiên và "thông dịch" lại cho mọi

người:

— Ý của Út là mặt trời nó bị sương che nên không có những tia sáng làm chói mắt. Phải không Út?

— À há ! Thì em nói nó không có chiếu ra như đèn bộ hổng đúng sao. Ban đêm đèn xe chiếu sáng quá cũng làm mình bị chói mắt vậy chứ bộ.

Mọi người bật cười trước sự so sánh ngộ nghĩnh của em gái tôi. Với số tuổi mười chín thì năm nay đã lớn rồi. Tại ở nhà được ba mẹ và anh chị cưng nên cô Út đôi khi rất ư là con nít, mặc dù bước ra đường cứ đòi làm chị người khác. Lúc đó ba tôi quay qua tôi và nói:

— Con thấy không, có nhiều cái ba mẹ dạy em mà cũng không kịp. Mình cứ quên nó đã ở Mỹ nhiều hơn ở Việt Nam hoài.

— Dạ.

Tôi đáp nhẹ và chợt nghĩ đến một điều tôi hỏi vọng ra băng sau với chị tôi:

— Mà sao chị hiểu nó lẹ quá vậy? Lúc đó chưa ai biết nó nói gì cả.

Bà chị tôi nhún vai thật thản nhiên :

— Ở chung phòng với nó, nghe nó nói chuyện, riết rồi cũng phải hiểu thôi. Út nó có một "ngôn ngữ" của riêng Út, nghe nhiều lắm mới hiểu được.

Bị anh chị chọc, đứa em gái tôi hết ngó người này đến người nọ rồi lại dựa vào lòng mẹ tôi và nhắm mắt lại. Lúc sau này vẫn nghe cô lẩm nhẩm cái gì mặt trời và đèn để rồi lại cười một mình thích thú.

*
* *

Sau khi thăm ông anh thứ của tôi, chúng tôi rời thành phố Boston để về lại Nữu Ước ghé xem tượng Nữ Thần Tự Do mà chuyến đi lên từ Houston, chúng tôi chỉ thấy xa xa lúc xe chạy xuyên qua thành phố nầy. Với cả nhà coi đường phụ và hai người coi bản đồ là ba tôi và tôi mà chúng tôi vẫn bị lạc đến hai lần mới đến được bến phà để chờ phà chở qua đảo Ellis. Khi qua đến nơi cả nhà sắp hàng để vào tận bên trong để xem cho biết. Ba mẹ tôi vì lớn tuổi nên chỉ đi bằng thang máy lên tới tầng cao nhất của bục đá làm nền cho pho tượng khổng lồ rồi đi xuống. Bà chị và cô em gái tôi thì cho rằng như thế là chưa đủ, nhất định phải leo lên đến tận vương miện mới vừa lòng. Thế là hai người sắp hàng một lần nữa. Thấy ba mẹ tôi không yên tâm tôi và ông anh cả bèn phải để ba mẹ tôi ngồi hóng gió dưới các tàng cây chung quanh khung viên nơi nầy mà cùng sắp hàng với hai người kia. Trời càng vào trưa càng nóng. Khi biết được là phải sắp hàng và leo thang đến gần ba tiếng

đồng hồ mới lên đến tận đỉnh thì tôi bắt đầu đổ bực. Trong lúc đó, đứa em gái của tôi thì cứ không chịu đứng yên. Cầm cây dù trong tay mà cứ ba hồi thì giương nó lên, ba hồi thì xếp nó lại. Mỗi lần như vậy thì thỉnh thoảng các mũi nhọn của các thanh sườn trong lòng dù cứ đụng những người đứng phía trước và phía sau. Ngay khi đó, cô em gái của tôi lại nổi hứng xếp dù lại làm tôi đổ quạu và gắt gỏng nói:

— Hồng ấy thì... tắt (?) cây dù đi cho rồi. Cứ đưa lên đưa xuống hoài đụng người nầy người nọ. Út nghe không?

Cô em gái của tôi xếp dù lại xong rồi nghĩ ra điều gì nói lớn:

— Hà, em bắt được anh rồi. Ai đời mà nói tắt cây dù.

Rồi nghiêm nét mặt lại cho ra vẻ trịnh trọng, em gái tôi nhắm nghiền đôi mắt lại nói:

— Ủ, không xài chữ tắt được. Phải nói là xếp lại mới đúng.

Rồi cô nàng phá ra cười vì bắt chẹt được anh mình. Tôi vừa bực mình vừa tức cười không biết phải làm sao trong lúc ông anh và bà chị tôi cứ cười chung với em gái tôi. Chợt nhớ đến ông chú bà con xa đang làm báo viết văn của tôi bên Cali, nếu chú ấy mà biết được chuyện nầy thì chắc tôi chỉ còn có cách độn thổ vì ông ấy thường hay nâng đỡ tôi trong vấn đề viết lách lắm. Và tôi mường tượng hình dung ra gương mặt của chú lúc nầy rồi bật cười theo anh chị của tôi. Cái nóng của ban trưa như dịu hẳn đi.

Khi vừa bước ra khỏi cửa, cô Út đã chạy vội về phía ba mẹ tôi đang ngồi chờ và nói:

— Thôi, mai mốt con không leo lên đó nữa đâu. Tượng thì to như cái gì á. Tên thì là Nữ Thần Tự Do mà leo lên đến nơi nó nhỏ xíu như cái hang, chật ghê. Nhìn ra ba cái cửa sổ nhỏ xíu con hổng thấy được cái gì đáng dòm hết trơn hà.

Mặc cho cô Út phân bua, cả nhà chỉ ngó nhau cười và chuẩn bị ra về.

*
* *

Nơi dừng chân cuối cùng của chuyến đi nầy là bãi biển Pensadola tại Florida. Phải nói thật từ ngày qua Mỹ đến bây giờ, đây là lần đầu tiên tôi muốn tắm biển. Nước biển ở đây màu xanh ngắt và trong vắt khi đến gần. Bờ biển nằm sát ngay bên đường và chạy dài xa tít với cát trắng xoá. Trong lúc tôi và em gái tôi xuống tắm biển thì mẹ tôi cùng anh chị tôi trở lại khu phố để mua đồ ăn vặt. Ba tôi thì ngồi trên bãi biển để chờ anh em tôi và thỉnh thoảng lên tiếng nhắc chúng tôi đừng bơi ra xa quá. Thấy ba tôi ngồi một mình, tôi bước lên bãi biển và ngồi xuống bên người. Hình như cũng sợ ba tôi buồn, em gái tôi cũng chạy lên và vừa vuốt nước từ mặt vừa hỏi ba tôi:

— Biển đẹp há ba ?

— Ừ.

Ba tôi đáp với nụ cười nhẹ. Em gái tôi hỏi tiếp:

— Ba à, con sinh ở Nha Trang. Ba nói Nha Trang là miền thùy dương cát trắng đẹp lắm. Biển nầy có đẹp bằng biển Nha Trang hông ba?

Suy nghĩ một chút, ba tôi nói :

— Biển này cũng đẹp lắm con. Nhưng thiếu mấy cây dừa, thiếu mấy xe bán nước mía, thiếu mấy bà gánh hàng rong, thiếu mấy con diều, đẹp lắm con, nhưng chắc chắn là không đẹp như biển Nha Trang đâu con.

Đưa mắt nhìn chung quanh, em gái tôi nói :

— Mới đầu con cũng thấy đẹp nữa. Nhưng ba nói bây giờ con mới thấy nó trống trơn hà. Chỉ có biển và bãi cát. Chắc đâu đẹp bằng Nha Trang ba há.

Rồi niềm hãnh diện hiện lên trong mắt em tôi:

— Chắc chắn là hổng đẹp bằng biển Nha Trang đâu. Nha Trang đẹp nhứt mà, ba hả. Tại con sanh ra ở đó mà.

Rồi ngó qua tôi nheo mắt chọc quê, em gái tôi lại quay bước về phía sóng biển. Ba tôi ngồi trên bãi biển ngó theo em tôi và nói với tôi:

— Chuyến nầy về là ba phải đi kiếm mấy cái hình ở Nha Trang cho Út nó coi. Ba qua mượn mấy bác. Chắc là còn.

— Chuyến đi nầy con có ghi nhận được gì không?

Trầm ngâm một hồi, tôi đáp :

— Chuyến đi nầy con mới bật nhớ ra là con bây giờ ở Mỹ đã lâu hơn ở Việt Nam. Mười hai năm bên kia, mười hai năm bên nầy. Còn điều nữa là con thấy cái gì mà mình hiểu là như vậy không còn là như vậy nữa. Nhất là từ khi về từ Boston. Con không thấy cái gì con giống như mình đã nghĩ nữa. Ngay cả chuyện đi tắm biển này cũng vậy, ba à. Nếu đi tắm biển chỉ giản dị hiểu là vui sướng khi đi tắm biển thì đâu có gì đáng nói. Không hiểu sao con lại bắt đầu so sánh mọi thứ bên này với những gì con nhớ hồi còn nhỏ bên nhà. Nhất là những câu hỏi của con Út, nó làm con suy nghĩ nhiều ghê, ba à.

Ba tôi nhìn tôi gật đầu :

— Ba hiểu ý con. Qua bên này lâu quá rồi, mình cứ mải mê sống ôm đồm cái chữ "giống như", con thấy không. Phố Bolsa giống hệt như khu chợ Việt Nam, trái cây rau cải bên này ăn giống y chang rau cải bên nhà, cái gì bên nhà có bên này cũng rán tạo ra cho nó giống hệt từ đồ ăn đến cây cỏ. Riết rồi mình an phận sống ở bên này, miễn sao là nó giống hệt như bên kia là được rồi. Ba thì ba nghĩ ngược lại. Những cái thứ giống như bên nhà đó ba muốn để cho con Út nó ăn, nó thấy để nó biết cái gì hay, cái gì đẹp bên kia.

Dù bãi biển ở đây có giống hệt như ở Nha Trang đi nữa, con hiểu không, ba cũng sẽ nói là nó giống nhưng không đẹp như bãi biển Nha Trang vì chính ba cũng nhận thấy thế.

Tôi hiểu ba tôi lắm. Càng lớn tôi càng thấy mình xa lạ hơn giữa cái xứ nầy, nhất là từ khi tôi bắt đầu đi làm. Cuộc sống thực tế giúp và bắt tôi hiểu rõ hơn về những gì trong tâm linh mà tôi chưa nhận diện ra ngày trước, nhưng vẫn biết nó hiện hữu trong lòng. Những điều đó làm tôi thao thức. Và bứt rứt. Tôi nhìn qua ba tôi bây giờ và nhớ những lần thấy ba tôi ngồi chăm chú lặt rau cho mẹ tôi làm bún, hay lúc người chỉ em gái tôi cách bày dọn bàn thờ nhang đèn vào những ngày giỗ mà tôi nghe lòng đau buốt. Ba tôi cứ nói với tôi sau những lần đó: "Để cho Út nó ăn cho biết" hay "Để cho Út nó làm cho nhớ". Hình ảnh đó phản chiếu hình ảnh ba tôi trong bộ quân phục suốt cuộc đời làm lính hơn hai mươi năm. Và tôi thương ba, thương mẹ tôi thật nhiều. Thương em gái tôi nữa. Trong cái thương có cái xót, cái đau, nhưng chính những cái xót cái đau đó làm cho tình thương trong tôi ngày thêm tăng trưởng.

Giọng nói ba tôi lại vang lên thật nhẹ bên tai, mắt người vẫn nhìn em gái tôi đang đùa giỡn với sóng biển.

— Con biết trong người ta ai cũng có những điều khó nói. Mà thường thì những điều khó nói lại là những điều làm cho mình khổ tâm. Con xem ba làm sao mà cam phận nhận những cái "giống-như" đó để làm lối sống được. Con nghĩ đến những câu hỏi của con Út thử coi. Làm sao mà ba có thể dửng dưng với những câu hỏi đó. Vì chính ba mẹ đã cấy những câu hỏi đó vào lòng con Út cũng như con, con hiểu không?

Nhìn tôi gật đầu, ba nói thêm thật chậm rãi :

— Khi con Út nó hỏi như vậy thì ba phải kiếm cách trả lời cho nó, con hiểu không. Không bằng cách nầy, thì bằng cách khác. Con biết những chuyện ba làm, những sinh hoạt của ba rồi đó. Ừ, thì có thể nó không đến đâu. Mà cũng có thể nó chỉ mang tính cách thổi kèn đánh trống hù địch thủ, hoặc có thể nó thật là tạm bợ và kém thực tế. Ba biết có thể ba sẽ chết bên nầy, nhưng ba không muốn buông xuôi hai tay nhận cái chết bên nầy mà chẳng hết sức chống đỡ, cũng như ba cũng không muốn nhận những cái giống-như-bên-nhà làm phương tiện để an phận sống bên nay, con hiểu ý ba không?

Tôi chưa kịp gật đầu thì đã có tiếng của mẹ gọi lại từ bãi đậu xe:

— Anh ơi, kêu con Út nó lên tắm rửa thay đồ để về cho sớm.

Ba tôi đứng dậy và đưa tay ngoắc em gái tôi vào. Khi bước lại gần chúng tôi, em gái tôi hỏi:

— Bây giờ về hả ba ?

— Ừ, thôi về con. Lại kêu mẹ đưa đồ cho thay.

Em gái tôi bước nhanh về phía mẹ tôi, từ xa tôi nghe giọng cô nàng càu nhàu:

— Sao mình về sớm vậy mẹ? Sao không ở thêm chút nữa hả mẹ.

Mẹ tôi đáp lại :

— Thôi, đủ rồi con. Móp tay hết rồi mà chưa chịu lên nữa sao. Về sớm đi con, để về coi nhà bỏ trống cả tuần nay. Mấy giàn mướp, giàn khổ qua hổng ai tưới chắc là héo hết rồi.

Nhìn theo đôi bóng của mẹ và em tôi khuất dần theo tiếng nói, ba tôi quay lại nói cùng tôi với nụ cười hóm hỉnh:

— Thôi con coi tắm rửa cho sạch để rồi thay đồ dọn dẹp đi về. Kẻo trễ... vài phút chắc tiêu tùng luôn cả cái vườn của bả.

Ba tôi bước theo mẹ và em gái tôi. Tôi nhìn theo ba tôi và chợt nghĩ đến những ngày sắp tới mà ba mẹ tôi, anh em tôi vẫn sẽ phải vô sở đi làm. Và tôi ngạc nhiên với chính mình. Giờ đây, tôi không còn cảm giác ngán ngẩm hay chán chường như mỗi khi tôi nghĩ đến vấn đề này nữa. Qua bên nầy ai cũng vật lộn với cuộc sống vật chất gần như tắt thở. Gặp nhau mỗi lần nhắc đến công ăn việc làm là sẽ nhìn nhau ngao ngán thở dài. Riết rồi tôi thấy hình như ở xứ nầy người ta chán chường cuộc sống đến mức có thái độ sợ sống. Ở bên nhà thì sợ chết, chạy qua bên nay lại sợ sống. Người ta lo kiếm sống, sống để duy trì cuộc sống đến độ quên cả mình đang sống. Thật là mâu thuẫn. Rồi tôi chợt nói với chính mình — sợ chết không sợ thì thôi, nhất định tôi không sợ sống và cũng không sợ luôn cả cuộc sống.

Nhớ thằng bạn cũng dạy trẻ em tại lớp Việt Văn có lần tâm sự với tôi: "Cần những thứ tạm bợ để sống, đâu có nghĩa là mình phải sống tạm bợ." Bây giờ chân của mình nóng rát, tôi vội đứng dậy dọn đồ đạc còn bỏ sót lại trên bãi cát rồi bước nhanh về phía bãi đậu xe, vì tôi biết tôi sẽ bị phỏng chân nếu tôi còn đứng lại ở nơi nầy lâu thêm nữa.

Vậy tôi biết tôi đã đến đứng nơi nầy đã lâu lắm rồi.

Nguyễn Phước Nguyên

Nguyễn Hoàng Nam

Ngày nghỉ.

*T*hứ hai, ngày đầu tuần. Dường như khoảng năm giờ rưỡi sáng. Tiếng gõ cửa dồn dập, người gõ dĩ nhiên đã tốn nhiều công sức mới đủ tư cách thay thế cái đồng hồ báo thức tôi đặt ở đầu giường. Hừ, đáng lẽ còn bốn mươi lăm phút nữa tôi mới phải dậy.

Không rửa mặt, tôi nặng nhọc mở cửa. Người hàng xóm cần tôi dời xe để hắn chạy xe ra đi làm. Hắn nói từ tốn nhã nhặn, tuy trong mắt loé những ánh bực bội. Bởi lẽ, hắn biết tôi biết hắn buổi sáng phải đi sớm, và nếu tôi đậu xe vào chỗ tôi vẫn đậu hàng ngày thì hắn đã không phải đánh thức tôi. Tôi nói xin lỗi và dừng lại ở đó. Cái cớ đi về khuya say khướt đêm chủ nhật — dẫu mang nghệ-sĩ-tính cách mấy — không thể dùng để biện hộ việc đậu xe quờ quạng.

Tôi nổ máy, de ra đường cái. Người hàng xóm cũng de ra khỏi khu đậu xe của apartment, chào tôi một cái có lệ rồi vọt thẳng, tiếng bánh xe rít trên đường nhựa. Thời giờ là tiền bạc, tôi đã làm hắn trễ.

Tôi không muốn chạy xe vào lại. Một tí, tới giờ tôi đi làm, de ra nữa mất công. Tôi vòng ra con đường phía trước khu apartment, kiếm chỗ đậu đại đâu đó. Nhưng thiên hạ đã chiếm hết.

Tôi thắng xe lại ở giữa đường, mồi thuốc,và ngồi yên hút một lúc. Hai hàng đèn tỏa vàng khè xuống con đường. Tôi nhích cửa kiếng xuống một chút, không khí ẩm hơi sương tràn vào mát lạnh. Tôi nhìn trời chưa sáng hẳn, và nghĩ nếu tôi đi ngay bây giờ thì vẫn còn kịp để gặp mặt trời mọc ngoài biển. Chất rượu từ đêm qua vẫn còn sót lại nồng nồng trong đầu.

Đường Goldenwest chạy thẳng ra Huntington Beach. Giờ này vắng xe, đèn xanh nhiều hơn đèn đỏ. Những ngã tư vụt qua. Đèn vàng ở Garfield phía trước, tôi thắng xe, dựa đầu ra sau nhìn hai ba chiếc xe chạy ngang qua trước mặt. Có ánh đèn trong kiếng hậu,

tiếng máy xe từ phía sau, rồi nhạc rapping giật giật văng qua từ bên cạnh, Ya better do it faster yer not gonna last, in life it's easy to screw up and there's never time for losers to make up, làm tôi quay sang. Thằng Mễ nó bảo tao học chung lớp Arts trong high school với mày, có nhớ tao không. Tôi gãi gãi đầu nói Rabợt, à không Rôbétồ (tiếng Mễ ưa có "ô" ở cuối chữ) chứ gì. Nó gật, cười, bảo còn nhớ tên mày là Hoeng Nơm, lúc này mày còn vẽ nhiều không (làm tôi ửa bộ hồi trước mình vẽ nhiều lắm sao cà, hình như những đàn guitar những hoa hồng và những con gái, dĩ nhiên cho hết không còn một bức). Tôi đáp bận lắm, không rảnh để vẽ nữa, mày đang đi làm hả. Nó bảo yeah, easy money man, mày thích cái xe mới tao đang lái không. Tôi liếc sơ qua cái xe tổ chảng, thấp lè tè gần sát mặt đường, thở ra bảo it's cool man. Nó hỏi mày đi đâu đó. Tôi đáp ra biển nhìn mặt trời mọc. Nó bảo quái đản thế. Tôi cười nói tao cũng ra để hóng gió nữa. Đèn đổi sang xanh, Rôbétồ vặn nhạc to lên trở lại, và quẹo phải sau cái vẫy tay.

Đến Pacific Coast Highway, tôi quẹo trái. Biển hiện ra. Ở chân trời, đằng sau những lớp sóng trắng trắng, một phần tư mặt trời ló lên, tỏa ra một vùng nước hồng hồng tim tím. Trời không có mây. Vẻ huy hoàng của rạng đông hiện rõ, từng nét.

Tôi tấp xe vào lề ở khúc đường giữa Huntington Beach Pier và khoảng bờ biển có những máy bơm dầu hỏa giống con gà mổ thóc. Chưa nghĩ ra câu thơ nào. Tôi xuống xe, đến bỏ mấy đồng quarter vào máy và xoay cái đồ vặn mấy lần. Cây kim chỉ thời gian một tiếng. Những bước chậm và nặng mang tôi xuống bờ biển.

Trước mặt tôi, biển vẫn bao la và bình thản. Hôm nay gió nhẹ, sóng chỉ gợn lăn tăn ngoài xa rồi sau đó liếm nhỏ nhẻ vào bãi cát. Phân nửa vừng hồng đã lên, vùng nước màu ánh sáng lan rộng hơn. Những tia nắng, còn yếu, phản chiếu lấp lánh. Vài cánh chim bắt đầu hiện diện gần xa, vẽ những đường vô hình vào nền hồng. Hình ảnh biển, âm thanh biển, không khí biển. Bữa điểm tâm bằng khung cảnh biển mang lại tôi cảm giác nhẹ hẫng. Tạm thời.

Nhưng tôi vẫn chưa nghĩ ra câu thơ nào, và lại nghe nồng nồng trong đầu.

Khoảng biển gần pier có nhiều surfer ở dưới nước. Lẻ tẻ trên bờ, một số cắp surfboard đi trở lên đường lộ. Trên đường đi dọc bờ biển về hướng đó, tôi sơ ý bị sóng táp ướt giầy, và một đám hải âu thấy bóng người bay lên hoảng hốt.

Tôi đi lên cầu thang xi măng, mua ly cà phê ở cái quán vừa dọn hàng ra nơi đầu pier. Thằng bán hàng và tôi trao đổi lời chào buổi sáng và mỗi đứa một nụ cười mỉm chi.

Ra đến giữa pier, tôi dựa người vào lan can, mồi thuốc, nhìn ra khơi. Sương tan dần, giàn khoan dầu và những tàu buôn đen xì

làm chân trời đứt quãng — những con ruồi vô duyên đậu vào bức tranh của tôi.

Tôi rời những con ruồi, nhìn vào khoảng gần bờ. Dân surfer trong những bộ wetsuit màu đen. Chúng nằm sấp trên surfboard, bồng bềnh theo những đợt sóng nhỏ đi ngang. Mắt chúng hướng ra khơi, chờ đợi. Một làn sóng lớn đã tới, một làn sóng lớn đã tới. Bắt đầu bằng động tác đập chân, nương người theo chiều sóng, rồi đúng lúc, thoắt đứng lên trên surfboard. Một chân phía sau làm trụ thăng bằng, hai tay dang ngang hất theo từng nhịp chân trước về mũi surfboard qua lại. Như một vũ điệu uyển chuyển. Vài tên mất thăng bằng, vài tên bị sóng cuốn ngã tòm nửa chừng. Một tên cưỡi làn sóng vào đến gần bờ mới chìm xuống giữa vùng bọt trắng xoá. Hết làn sóng, chúng lại nằm lên surfboard, hai tay bơi bơi hai bên trở ra ngoài, rồi dừng lại bồng bềnh một chỗ, mắt nhìn ra khơi, chờ đợi.

Tôi bỏ dân surfer, đi về phía cuối pier, nơi có cái quán mang tên The End Cafe. Mấy thằng cha Mỹ già câu cá. Đi ngang qua một khứa, tôi xích ra để hắn quăng cục chì kéo sợi dây nhợ bay ra xa, chũm, và hắn một tay giữ cần một tay móc tờ một đồng đưa thằng con nhỏ kêu mua cà phê, dặn bỏ một bao đường hai bao cream. Tôi hớp ngụm cà phê Mỹ mua hồi nãy, nhấm nháp vị chua, và bỏ cả ly vào thùng rác gần đấy. Một khứa khác chợt quay cuốn dây câu ào ào, để rồi kéo lên khỏi mặt nước một chùm rong. Tôi đi một vòng ngang qua mấy thằng cha già, thùng sô ai cũng trống rỗng. Và mạnh ai nấy lo quăng, quay, kéo. Miệt mài kiên nhẫn.

Trên đường trở vào, lúc bỏ điếu thuốc và dí giày dập tắt, và vẫn chưa câu thơ nào, tôi nghĩ mình có thể tập surf hay câu cá để ra đây với một lý do có vẻ chính đáng. Nhưng trẻ surf già câu, tôi chọn món nào đây.

Đến gần chỗ cái quán đầu pier, tôi bỏ tiền vào điện thoại và quay số. Tiếng con gái hello nhừa nhựa. Tôi nói em hả, anh đang ở ngoài biển. Thủy hỏi sớm quá anh có chuyện gì không. Tôi đáp chả chuyện gì cả, anh muốn nói chuyện chơi một lát vậy mà. Và Thủy thỉnh thoảng ngáp nhỏ, uh huh, uh huh nhỏ trong lúc tôi tả lại bình minh Huntington Beach.

Một hồi sau Thủy tỉnh ngủ, chúng tôi lan man trời đất (bây giờ Thủy nói, tôi uh huh, như bao nhiêu lần) những chuyện của Thủy — tiệm bán quần áo của Thủy ở Bolsa Mini Mall ngày một khấm khá. Thủy vừa order gấp hai một số hàng, chạy nhất là loại váy ngắn; fashion show của một nhà vẽ kiểu nổi tiếng trong vùng mà Thủy vừa đi dự đêm thứ Sáu vừa rồi; thời trang áo tắm mùa hè của Seventeen, Vogue...

Nghĩa là (theo một thỏa ước ngầm, kết quả rút tỉa từ bao nhiêu lần) Thủy không hỏi gì về tôi, kể cả những bài thơ tôi làm

tặng Thủy, bằng tiếng Mỹ đàng hoàng.

Và khi Thủy nói em đã mua vé C.C.Catch, thứ Sáu này anh đi với em, tôi thấy mình ở trong một trạng huống khó hiểu (mặc dù đã bao nhiêu lần). Thủy thản nhiên chịu đựng và chấp nhận tôi một cách sự-việc-đã-như-vậy. Có lẽ từ ngày quen nhau đến bây giờ tôi đã (vô tình?) huấn luyện Thủy bằng một thứ pháp thuật tinh vi, một thứ á phiện mà Thủy ngày một nghiện nặng. Hay có lẽ thời gian trung học Westminster — của những bài English essay tôi viết giùm và những bữa ăn trưa dưới tàn cây trong sân cỏ phía trước trường, với bánh red hot burrito và nước Hi-C punch mà Thủy mua "đãi trả công anh đó" — đã nẩy nở trong Thủy kiểu tình cảm đáng lẽ chỉ tiềm tàng trong giòng máu Việt Nam rồi dần dà cũng bị đám hỏa mù của thực tế lệ thuộc vào đời sống hàng ngày làm mất hút hẳn.

Trong lúc tôi đang cố gắng (như bao nhiêu lần) nhận định chính xác tình cảm của mình đối với Thủy, bên kia đầu dây Thủy nói thôi em cúp nghe, gần tới giờ phải ra tiệm rồi. Ủa, mấy giờ rồi vậy em. Tám giờ rưỡi, thôi bye nha, thứ Sáu nhớ "jump in my car" nghe. OK, bye Thủy.

Tôi lại bỏ tiền vào máy và quay số. Giọng đàn ông khàn, ngọng ngọng quen thuộc alô, ai ló. Tôi đáp ờ tui đây ông chủ, bữa nay bịnh quá xin nghỉ một bữa. Chòi oi, thứ hai là ngày ngừi ta chở hàng tới, mày nghỉ một mình thằng kia sao ló khiêng chết. Tôi thều thào tui trúng gió nặng quá ông chủ ơi, từ hồi sáng đến giờ mới giở nổi cái điện thoại. Mày sau dụ chế chúng gió kí đề; ủa, ạ, ở nhà mày mà có tiếng sóng bỉn hả, thoi li thằng ông nội. Trời ơi, thằng share phòng với tui nó vặn ti-vi lớn quá, thôi mà ông chủ, tui đâu phải là nhà thơ đâu mà giờ này ra biển làm gì. Thoi, cũng liệc, cũng liệc, mày lầm nghỉ cho phè li, mai dô có ba cái sôpha dới máy bộ bàn ghế để đở-li-vơ-li nha mạy, chễ ngừi ta chửi ló. Rồi rồi, mai tui rán vô mà.

Lúc trở ra xe, vẫn chưa câu thơ nào và biết rằng giờ này thiên hạ ai cũng ở sở làm, tôi quyết định về nhà (lầm nghỉ cho phè).

Trên kiếng xe có tờ giấy đỏ đỏ. Tôi cầm lên, cùng lúc thấy chữ violation trên máy thu tiền. Gửi 17 đồng đến địa chỉ trên hay ra tòa tại địa chỉ trên. Tôi vào xe, bỏ tờ giấy vào glove compartment và đề máy. Click, click, không có tiếng ắt ắt ắt tiếp theo như thường lệ, và tôi thấy cái nút đèn chưa được ấn vào vị trí off.

Một chiếc xe Pinto cũ đậu vào đằng trước. Một con Mỹ bước ra, mái tóc vàng và cặp chân dài. Tôi thò đầu ra excuse me, và đẩy cửa bước ra ngoài nói lúc nãy quên tắt đèn nên hết bình, làm ơn cho câu nha. Con nhỏ cười duyên OK, no probl'm. Tôi loay hoay một hồi, sực nhớ, bèn lên hỏi cô có dây câu bình không. Con nhỏ

lắc đầu uh uh, rồi dường như nhận thấy tôi là một người buồn cười, nói nếu anh còn tiền và muốn mua dây câu bình thì tôi chở anh lại cái tiệm đằng này.

Dọc theo Pacific Coast Highway trong chiếc Pinto cũ, tôi nói tên là Nơm con nhỏ nói là Jennifer và chúng tôi bắt tay. Con nhỏ hỏi anh là surfer hay angler. Tôi nói neither, hôm nay take a break ra biển ngắm mặt trời mọc. Con nhỏ bậm môi gật gật, liếc sang cười nói that's very poetic, anh làm tôi nghĩ đến một bài thơ của Robert Frost. Tôi hơi ngạc nhiên, chau mày hỏi cô đọc Frost à. Con nhỏ đáp tôi làm research về ông ta trong đại học.

Cùng lúc tôi nhìn thấy cái parking sticker của Cal State Long Beach dán bên phải kiếng xe, Jennifer thản nhiên đọc bài Stopping by the Woods on a Snowy Evening, ngắt mỗi câu bằng những lần sang số, chớp đèn signal sang lane, đạp thắng, vô ga; và đến đoạn chót, tôi tiếp vào the woods are lovely, dark, and deep, but I have promises to keep, and miles to go before I sleep, and miles to go before I sleep.

Đến tiệm, sợi dây câu bình loại rẻ nhất làm tôi móc hết mười mấy đồng còn trong túi, và mượn Jennifer thêm ba đồng.

Trên đường trở lại chỗ đậu xe hồi nãy, tôi nhìn con nhỏ kiểu cô-cũng-không-phải-là-surfer-hay-angler, và hỏi cô chưa nói bữa nay ra biển sớm làm gì.

Jennifer đáp tôi ra biển vẽ tranh, những lần trước tôi vẽ ở Long Beach rồi đến Seal Beach, và hôm nay ở đây; tôi theo Arts mà.

Vậy một lát nữa tôi có thể ở lại lòng vòng để coi cô vẽ không, tôi hỏi Jennifer khi tôi bắt gặp ở ghế sau những tube màu dầu, những cọ lớn nhỏ, những giấy khổ lớn, và những thanh gỗ rời của cái giá vẽ.

Jennifer rún vai Mỹ liếc mắt Mỹ và cười duyên Mỹ đáp sure, if you don't have any promises to keep.

Tôi cũng cười và nhún vai như nói no promises today.

Và lúc tôi phụ một tay cắp những thanh gỗ một tay cầm hộp màu đi xuống bờ biển với Jennifer, tôi nghĩ trong đầu as Americans would say, it may be the start of something, big.

NGUYỄN HOÀNG NAM

Nguyễn Hoàng Nam

Tự tình

1.

ta đứng riêng, một khung trời khác
ta ôm riêng, một thuở đợi người !

dừng ánh nhìn nơi đáy mắt tôi
em đã thấy, mênh mông khoảng trống
dừng chuyến tàu ngang ga-tình-tôi
em đã hiểu, năm dài tháng rộng

một chút gì, cuối cùng, đáng sống
biện minh lơ lửng chuỗi mong chờ !

năm tháng đánh dấu mỗi tình cờ
chai đá thêm sau mỗi lần phỏng lửa
khoảng trống tràn lan nghi ngờ
loang rộng thêm sau những lần, lần nữa...

ta gặp em cuối mùa chớn chở
ngờ đâu nghiệt ngã mới bắt đầu !

2.

chiếc lá xanh ngại ngùng giấc mộng
soi bóng hờ bỡ ngỡ chuyện tao phùng
gió đưa lá rơi vào phẳng lặng
hờ ưu tư vòng nước tỏa loang loang

gió cuốn em vào tôi trầm lặng
nỗi buồn tôi tỏa rộng mãi vô cùng...

mùa thu hẹn vầng trăng muôn thuở
giữa lòng thu trăng làm dáng đêm rằm
thu thiết tha cửa lòng bỏ ngỏ
trăng vào thu trăng đẹp dửng dưng

em diễm tuyệt giữa hồn tôi lá đổ
nỗi buồn tôi bỏ ngỏ âm thầm...

bình minh đến, như ngọi từ đáy nước
hoàng hôn đi, như lặng xuống trùng khơi
tình dâng dâng theo mỗi ngày-ảo-tượng
biển miệt mài dang rộng vòng tay

em ngồi đó, chưa đầy nửa bước
nỗi buồn tôi nghìn dặm mặt trời...

3.

ta đã hẹn em từ kiếp nào
lời mới quen đã nghe cùng tận
mưa nắng vừa gọi mùa vương vấn
mắt xanh vừa thu nhỏ bầu trời...

thiên thu vừa đọng lại đôi giây
cho ta sống, thật, lần thứ nhất !

từ hai linh hồn luân hồi chung lượt
vũ trụ còn trong một nụ hồng !

nhưng ! kìa ta ảm đạm tuôn nguồn
thơ trào ứa từng dòng thống thiết
đàn ảo não âm vọng từ đáy nguyệt
nét cọ hoa run rẩy bức miên-trường
thôi, vì ai, gióng một hồi chuông
tiền kiếp, hiện kiếp... còn hậu kiếp ?!
bao hy vọng nhoà tan tội nghiệp
vào lời tình mới ngỏ đã trôi xuôi...

tiền kiếp hay đã lỡ ngậm ngùi
nay ta xin một lần, được khóc !

4.

dù có phải thế nào chăng nữa
tôi không về lại cõi mù khơi !

tình không may, an bày trắc trở
tôi khư khư níu gót chân người !

Nguyễn Hoàng Nam

Lục bát Huỳnh Liễu Ngạn

Nội thành

về nghe sương gió lạnh hồn
bóng em Tôn Nữ thoáng buồn trong anh
khuya vang tiếng guốc Nội thành
dấu trăng đẫm gót Trúc mành em khua
bước theo tà mộng gió lùa
nghe hương tóc dậy đong đưa qua thềm
em đi nghiêng nón lụa mềm
hồng thêm chút khói lam tuyền năm xưa.

Nhớ nhung bến nước giang đầu năm xưa.

đưa người qua một dòng sông
nước xanh bóng đục lòng trông gợn lòng
từ xa nước mắt lưng tròng
quê anh cách một cánh đồng làng thôi
nhớ hôm mình mới dạm lời
hương cau đầu ngõ trời ơi thoảng gần
chừ đây trăng khuyết nửa vầng
người đi hẹn buổi tương phùng mai sau
sương khuya đẫm ướt mái đầu
nhớ nhung bến nước giang đầu năm xưa.

Hoàng Mai Đạt

Khu vườn của ông.

— À ! Nhà đây rồi.

Đoàn thắng xe ngay tại ngã ba, thật mạnh khiến bốn bánh xe rít một tiếng dài chói tai. Mắt vẫn không rời căn nhà, Đoàn lùi và đậu xe trước một cổng sắt cao, chắc chắn, hơi rỉ sét, tróc sơn đó đây và khoá chặt, ngăn khách lạ với con đường lát gạch thăm thẳm, lưa thưa vài cây ăn trái hai bên, tận cùng với cái garage của ngôi nhà bằng gạch đỏ nhạt.

Đoàn đóng cửa xe, gỡ kiếng mát đen ngòm và yên lặng nhìn sâu vào bên trong qua khung sắt. Khu này sang trọng, yên tĩnh. Ông ngoại hẳn có nhiều tiền lắm mới mua được căn nhà trong vùng này. Nhà hai tầng xây bằng gạch đỏ và lợp ngói theo kiểu nhà Tây ban nha. Nhìn cửa sổ, Đoàn đoán nhà có bốn hay năm phòng ngủ.

Cao quá đầu người, chạy chung quanh nhà là một bức tường cũng bằng gạch đỏ, mà hầu hết bị lấp kín bởi lớp thảo mộc leo xanh đậm, chằng chịt với những lá xanh xen lẫn dây nâu đen. Giữa tường và nhà, một thảm cỏ xanh rì, hơi cao, lốm đốm xác hoa anh đào từ một cây mới ra lá giữa sân.

Gió thổi nhẹ qua. Vài hoa úa lác đác rơi, tô thêm đốm trắng hồng trên bức tranh xanh dở dang. Đoàn rùng mình như vừa cảm thấy cái lạnh của một buổi chiều cuối xuân. Hắn nhìn quanh quất, như sợ rằng có người vừa thấy mình rung cảm.

Đã hơn hai năm kể từ ngày ông ngoại mất, hắn chưa lần nào gọi điện thoại hoặc gởi thư thăm bà và dì Hiền, người đang ở trong căn nhà to lớn trước mặt. Ngay chính hôm đưa ông ngoại ra nghĩa trang, hắn cũng không có mặt ở đó. Đoàn đã viện cớ đang bận học thi. Bỏ cuộc thi là bỏ cả khoá học. Và tốn tiền vừa phải đợi tới năm sau mới học lại được. Nhưng cũng phải về khi hay tin ông bị bệnh nặng. Đằng này... Đoàn đã không về thì chớ, mà mãi tới sau hai năm không liên lạc, lại mò mẫm đến ngôi nhà ông đã ở gần mười

năm. Từ ngày sang Mỹ, Đoàn đã cố tình không muốn gặp ông. Có viết thư, có gọi điện thoại. Nhưng gặp mặt: không.

Bà ngoại có còn giữ được vài tấm ảnh của mẹ Đoàn khi mẹ còn trẻ. Đó là lý do Đoàn đã vịn vào để đến đây, đến ngôi nhà mà hắn không nghĩ là mình sẽ ở lâu. Đây chỉ là nơi Đoàn sẽ dừng nghỉ trong giây lát để nhìn lại quãng đường đã qua, đầy bụi bặm, từ tiểu bang Maine lạnh buốt, sóng vỗ ghềnh đá lởm chởm, qua những núi rừng âm u thầm lặng của Pennsylvania, tới những cánh đồng bắp bát ngát không bóng người của Lowa, Nebraska, xuyên giữa những bãi hoang thưa cỏ lẫn với đá tảng Wyoming, băng ngang sa mạc Nevada, để rồi lăn vào nắng tràn ngập California, và dừng tạm trong sương mù của thành phố San Francisco. Con đường dài đầy bụi bặm. Bụi mới lẫn với bụi cũ.

Bụi cũ từ những nẻo đường Việt Nam. Những nẻo đường không đẹp, không thơ mộng, không dễ thương. Chỉ là những nẻo đường Đoàn và mẹ đã lang thang đi kiếm ăn, kiếm sống trong một xã hội thay đổi chính phủ, khi ông ngoại đã may mắn thoát ra ngoại quốc và không bao giờ nhớ tới đứa con đứa cháu, như ông đã từng không nhớ tới lúc còn ở quê nhà. Trên một trong những nẻo đường đầy bụi bặm kia, bệnh ho lao đã nắm đôi chân mẹ Đoàn bắt phải nằm xuống muôn đời, để mặc cho đứa con tiếp tục lang thang, với lời khuyên cuối cùng của mẹ: "Hãy đến với ông để ông dẫn dắt con nên người."

Và rồi Đoàn lang thang, nay đây mai đó như ăn mày, thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu tình thương. Thiếu tự do, dân Việt vượt biển đi tìm. Lẫn lộn trong đám chính trị gia, trí thức và lái buôn, Đoàn cũng vượt biển. Tới Mã-lai-á, Đoàn thấy đời sống mình trong trại tị nạn cũng chẳng thay đổi mấy. Vẫn cô độc. Vẫn lang thang, lẩn quẩn trong vòng hàng rào.

Một nhà thờ từ tiểu bang Maine lạ hoắc và xa lắc, tận cực miền Đông Bắc Mỹ đưa bàn tay từ thiện và kéo Đoàn ra khỏi hàng rào trại tị nạn. Đến đất tự do Đoàn uốn mình vào guồng máy xã hội mới. Đi làm fulltime, xài thẻ credit, mua xe trả góp, xem football, ăn sandwich. Rồi Đoàn cũng chịu khó đi học đại học, theo lời khuyên của nhà thờ từ thiện, để kiếm việc làm khá lương hơn, để con người có giá trị cao hơn.

Đi học đã mang đến một biến cố mới trong đời Đoàn. Hắn yêu một cô gái Việt Nam giữa trăm cô gái Mỹ. Cô bé không được đẹp lắm và nói tiếng Việt không rành. Nhưng bóng dáng thiếu nữ Việt Nam gợi cho Đoàn nhớ tới mẹ, nên Đoàn đã quyết định yêu cô bé. Đoàn đã làm quen, nói chuyện và cuối cùng mời được cô bé đi ăn tiệm. Cuối bữa ăn, giữa tiếng hút nước ngọt Coca của cô bé và tiếng nhấp cà phê của Đoàn, hắn đã nói:

— Anh có cảm tình với em rất nhiều. Em có cảm thấy gì với

anh không?

Câu trả lời không ngượng ngập, do dự:

— Không.

— Vậy tại sao em lại nhận lời đi ăn cơm với anh?

— Đi ăn là một chuyện. Còn...

Thế là chẳng còn gì giữ hắn lại Maine. Một mình một xe Đoàn lẳng lặng lên đường về miền Tây, bỏ lại căn nhà kín đáo quen thuộc trên một ghềnh đá, nơi hắn hay ngồi trầm lặng nhìn ra khơi, đón chờ trong những luồng gió lạnh một thoáng hơi ấm từ miền nhiệt đới xa xăm nào đó, lạc lõng trôi ngược về miền bắc. Những hơi ấm gom góp được, ôm ấp hắn trong những đêm ngủ trong xe, giữa nơi hắn không biết tên, cạnh xa lộ với hai hướng — đi tới hoặc đi ngược lại. Hướng nào cũng dẫn vào trong đêm.

Đèn trong nhà vừa bật lên. Đoàn rời tay khỏi song sắt, đứng ngay ngắn và vuốt lại cái áo sơ-mi trắng nhàu nát, cũng bẩn bụi như cái quần jeans bạc màu. Có bóng người đi qua cửa sổ. Đoàn cắn môi. Một làn gió lạnh thổi tạt qua; Đoàn đứng yên, để mặc cho gió luồn tứ tung vào trong áo. Vài cái lá rơi đâu đây. Hắn khẽ rùng mình. Rồi không chần chờ thêm, Đoàn đưa tay nhấn chuông. Một lần. Hai lần. Đến lần thứ ba cánh cửa hé mở. Đoàn yên lặng chờ đợi.

Ánh sáng trong nhà ùa ra trong giây lát, rồi nhường chỗ cho một bóng người với mái tóc bạc lấp lánh dưới ánh sáng. Người đàn bà bạc tóc nhíu mắt nhìn về cổng sắt. Đoàn bỗng thấy bồn chồn. Hắn đưa tay nắm lấy song sắt. Đúng là bà ngoại. Nhỏ bé giống mẹ hắn. Già nhỉ.

Người đàn bà vẫn đứng yên, chưa nhận ra kẻ đứng ở cổng. Cánh cửa hé rộng thêm chút, vừa đủ để một người nữa đứng cạnh bà. Đoàn chớp mắt. Dì Hiền cũng nhỏ bé quá. Khi xưa Dì hay ngồi tựa cửa sổ, hát nho nhỏ những bản nhạc êm buồn, bên cạnh đứa cháu đang mãi bận rộn với những chiếc xe và hình nhân tí hon. Thỉnh thoảng dì nhìn cháu mỉm cười; cháu không biết gì cũng nhe răng cười. Đoàn nói to:

— Dì ơi ! Cháu đây.

Cả bà và dì đồng lên tiếng :

— Ai ?

— Dạ thưa bà, cháu. Cháu Đoàn.

— Đoàn ?

— Ủa ! Đoàn. Cháu Đoàn ấy hả ?

Tiếng dép lẹp xẹp chạy nhanh trên gạch lẫn với tiếng đập trong ngực Đoàn, đánh lên một bản nhạc ồn ào sai nhịp. Vui sợ mừng lo. Đến gần cổng, bà đứng lại nhìn cháu. Đoàn mỉm cười, hy vọng nụ cười sẽ làm giảm bớt sự cằn cỗi trên bộ mặt đen đủi phong trần của hắn. Dì Hiền đứng đằng sau bà cũng chăm chú nhìn hắn.

— Dạ thưa bà, cháu. Dạ thưa dì.

Bà đứng sát cổng, một tay vịn cổng sắt, ngước mắt nhìn hắn, không giấu nổi sự xúc động trong đôi mắt long lanh:

— Đoàn, sao cháu không gọi trước cho bà hay? Mắt bà kém chẳng còn nhận ra cháu nữa. (Quay lại giục dì Hiền). Nhanh đi con. Chìa khoá đâu, mở cửa cho cháu nó vào?

— Ô hay ! Chùm chìa khoá mẹ còn giữ trong túi áo, có đưa con bao giờ đâu. Rõ lẩm cẩm.

Bà cười, đưa tay lần vào túi :

— Ừ nhỉ ! Đây này, chìa khoá đây. Mở cửa cho cháu nó vào.

— Cháu đen quá nhỉ. Được cái cao giống anh ấy ghê. Mà sao cháu gầy quá vậy? Bộ hút sì-ke hả?

Đoàn bật cười, bà gắt :

— Gớm ! Dì cháu chỉ được cái nói giỡn.

Dì Hiền loay hoay với mấy cái chìa khoá, xong cũng đưa được đúng chìa vào ổ. Lách cách, Cánh cửa rộng mở. Cả ba bỗng nhìn nhau ngượng ngập. Bà tiến đến nắm cánh tay cháu. Bà nói nhanh, như cố che giấu những xúc cảm đang dâng tràn:

— Cháu giống ông quá. Chỉ khác có đôi mắt. (Bà đổi giọng.) Chắc cháu đói lắm?

Dì Hiền cũng đồng ý với bà :

— Mẹ nói đúng. Nó giống bố thật. Gầy quá. Chắc lại hà tiện ăn uống chứ gì, phải không?

Đoàn nãy giờ đứng yên. Hắn còn cảm thấy cái lạnh phảng phất đâu đây, từ những làn gió vô hình.

— Dạ, bà và dì vẫn khoẻ ?

Dì đập nhẹ tay vào cánh tay kia của Đoàn:

— Vẫn bình thường. Chỉ hơi già đi một tí. Một tí xíu thôi.

Bà cười :

— Ừ ! Chỉ một tí xíu thôi. (Nhìn thấy xe đằng sau Đoàn). Xe của cháu đấy hả? Lái vào ga-ra đi (rồi giục dì Hiền). Con mở rộng cửa ra cho cháu nó lái xe vào. Mau lên đi nào. Đừng hỏi vớ vẩn nữa. Trông nó mệt và đói lắm đấy. Khổ quá! Chắc cháu lái xe xa lắm nhỉ, từ cái tiểu bang gì đó phải không? Sao không đi máy bay cho tiện?

Đoàn dạ vâng bừa bãi, không biết nói gì hơn, leo lên và láixe vào garage mà dì Hiền vừa mới kéo cửa lên. Tiếng hai người đàn bà xôn xao khiến mấy người hàng xóm hé đầu qua cửa lắng tai nghe. Có lẽ họ ngạc nhiên khi nghe có tiếng ồn vui từ một căn nhà đã lâu rất yên lặng trong cái yên lặng to lớn của một vùng ngoại ô San Francisco.

Đồ đạc Đoàn chẳng có là bao nhiêu : một va-li quần áo, một thùng sách vở, một gói đồ vệ sinh, cùng với dăm gói mì. Vậy mà bà

và dì hắn cũng giành nhau khiêng. Vào nhà, chưa kịp ngắm nghía gì cả, Đoàn được dì Hiền chỉ cho biết phòng tắm ở đâu và bảo phải tắm liền và thay quần áo ngay. "Để rũ hết bụi trần gian," Đoàn cười thầm và ngoan ngoãn nghe lời, không muốn đụng chạm đến niềm vui mới chớm nở.

Trong buổi cơm chiều, niềm vui ấy vẫn tiếp tục. Nó chỉ đòi hỏi ở Đoàn những cái gật đầu, những cái mỉm cười vô tư, và dăm ba câu dí dỏm. Bà và dì vừa luôn mồm nói chuyện vừa ép đứa cháu ăn cho hết dĩa thịt bò xào. Đoàn cố ăn, nhưng dù có đói lắm cũng không làm sao nuốt hết dĩa xào to gấp đôi phần thường bán ngoài tiệm; chưa hết, còn bánh và trái cây.

Thỉnh thoảng, như vô tình, Đoàn nhìn bà để tìm hình ảnh xưa của mẹ. Đôi mắt bà to và đen màu cà-phê, êm dịu trên làn da trắng như sữa; mũi cao vừa phải và đôi môi luôn chúm chím như sắp nở nụ cười. Những điểm quen thuộc đó tạo ra sự thân mật linh thiêng giữa Đoàn và bà ngoại. Đối với dì Hiền, những ngày hè khi đi nghỉ học ra thăm chị và cháu ở Nha Trang, là những ngày Đoàn được gần gũi một người đàn bà trong lúc mẹ đi buôn xa. Dì Hiền không được đẹp lắm. Mặt tròn, hơi đen và có mụn đó đây; mắt đen, ít liếc ngang dọc, hay trố mắt nhìn vào khoảng không thật lâu, như đang sống ở một thế giới nào đó, trông thật hiền từ lẫn ngớ ngẩn. Dì hơi mập, giống mẹ Đoàn trước ngày bị ho lao. Đoàn thích đàn bà hơi mập, chứ gầy ốm trông họ có vẻ khổ sở và hà tiện lắm. Nhìn bà và dì nói, Đoàn chợt nghĩ đến lúc niềm vui kia sẽ chấm dứt, khi hắn rời căn nhà này. Làm sao ở được khi hình ảnh ông ngoại quanh quẩn trong nhà luôn nhắc Đoàn nhớ đến những vết thương còn đang dày xé tâm hồn hắn.

Gần 11 giờ đêm, trước khi đi ngủ, Đoàn cùng bà và dì đứng trước bàn thờ ông thì thầm khấn. Mắt ông nheo lại, nhìn Đoàn như vừa thách thức vừa chế riễu. Đôi môi mím chặt lại như giận ai. Đoàn cũng mấp máy miệng như bà, nhưng thật sự hắn thì thầm những lời vô nghĩa. Mẹ hắn té nhào. Khúc gỗ từ trên cao vụt xuống. Đoàn cúi đầu, nhắm mắt tránh cái nhìn của ông.

Trên giường ngủ, trong bóng tối, giữa bốn bức tường trắng. Đoàn thấy đôi mắt ông chập chờn trước mắt hắn. Đoàn mở mắt thao láo nhìn lại. Thật vô lý! Bà và dì có đầy lòng nhân đạo, mà sao ông lại quá ác như vậy? Hay là bây giờ hai người đàn bà đã đổi tính? Vô lý! Tại sao ông lại không thương mẹ hắn, đứa con đầu lòng của ông? Đoàn cảm thấy ngực mình nặng và nhức. Hắn cố thở đều đặn và đặt tay trên ngực, hy vọng cơn đau sẽ lắng xuống. Có tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Đoàn yên lặng, lắng tai nghe.

Tiếng dì Hiền nói khẽ :

— Đoàn ơi ?

Đoàn lo lắng :

— Dạ, cháu đây.

— Cháu chưa ngủ hả ? Ngủ đi, mai còn dậy sớm đi chợ với dì nhá.

Đoàn chưa kịp trả lời, tiếng bà đã vang lên:

— Chợ Việt Nam này vui lắm. Lại còn chợ Tàu nữa. Vui lắm.

Đoàn nói to :

— Dạ vâng. Cháu sẽ đi.

— Thôi, cháu đi ngủ đi.

— Vâng.

Tiếng chân đi xa dần. Đoàn cảm thấy vui, và yên lặng nhắm mắt ngủ, tạm quên đôi mắt của ông.

Những tiếng gõ cửa nhè nhẹ làm Đoàn tỉnh giấc. Sự mệt mỏi đã giúp Đoàn ngủ một giấc dài, thoải mái, đến khi nắng trưa tràn ngập căn phòng nhỏ. Đoàn vẫn không hay biết.

— Đoàn ơi ! Dì đây. Dậy chưa cháu ?

Đoán ú ớ lên tiếng. Một ngày mới lại bắt đầu. Hắn vươn vai đứng dậy, hy vọng tâm hồn hắn cũng sẽ trong sáng như nắng mới đang át dần những bóng tối còn sót lại ở những khe, những góc.

Vào những tiệm tạp hoá, gặp ai quen bà và dì cũng lôi cháu ra khoe với họ. Đoàn lịch sự mỉm cười chào người lạ, thỉnh thoảng cảm ơn những lời khen quá trớn của họ. Trông dì và bà vui vẻ, Đoàn cảm thấy hãnh diện và gần gũi hai người hơn. Dì Hiền còn trẻ, chạy lăng xăng, kéo cháu bay vèo từ quày hàng này vụt sang quày hàng kia, miệng luôn hỏi cháu thích ăn gì để dì mua cho ăn.

— Cháu thích ăn cái này không ?

— Dạ, cái đó là cái gì vậy ?

— Bánh khoai môn. Cái này bánh đậu xanh. Ăn không?

— Dạ thôi, cháu không ăn đâu.

— Ăn đi. Này, dì mua cho bốn gói. Dì cháu mình ăn. Gầy như con tép thế kia mà biếng ăn thì chỉ bệnh thôi.

— Dạ, thế còn phần bà ?

— Bà sợ mập. Thỉnh thoảng còn đi chùa.

Bà cũng hỏi cháu :

— Ui giời ! Thịt bò hôm nay ngon quá. Tươi ghê. Bà mua về nấu phở cho cháu ăn. Cháu thích phở lắm phải không? Con trai đứa nào cũng thích phở bò.

— Dạ, vâng.

— Cháu ăn bánh croissant không? Này, dì mua cho mười cái. Sức cháu thì mỗi lần ăn phải bảy, tám cái.

Đoàn tính nói " Cháu đâu phải heo đâu", nhưng lại thôi, chỉ nhe răng cười.

Bà hỏi :

— Cháu thích ăn thịt bê thui không? Ông ngoại cháu thích món này lắm đấy, cứ độ hai tuần thì phải ăn một lần.

— Dạ, cháu không thích thịt bê. Bê còn bé quá, ăn nó tội nghiệp.

Bà không để ý lời Đoàn nói, mải nghĩ đến những món ăn mới lạ sẽ nấu cho cháu ăn. Dì và Bà tíu tít đi trước, để thằng cháu đẩy xe đồ ăn lẽo đẽo đi theo sau.

Trên đường về, dì Hiền phóng xe như bay trên xa lộ, vượt lách như tài xế taxi chuyên môn. Tuy đã quàng dây an toàn ngang người, Đoàn vẫn nắm chặt lấy chỗ nắm trên đầu để thân người khỏi chao qua chao lại mỗi lần dì lách xe hay thắng bất ngờ.

Đoàn nói đùa :

— Dì chạy "nghề" quá. Chắc xe có bảo hiểm chứ nhỉ?

Dì nheo mắt cười :

— Có. Nhưng chỉ dành cho tài xế thôi. Hành khách thì rán chịu.

Hai dì cháu cười. Bà ngồi ở đằng sau, đang bận gài mái tóc lại, cũng vừa cười vừa mắng yêu con gái.

Gần tới nhà, khi băng ngang một công viên lớn, bà trỏ tay nói:

— Ngày trước, chiều chiều ông cháu hay ra đây đi bộ một mình.

Đoàn chỉ "À" một cách hững hờ, rồi im lặng.

Trong bữa cơm chiều, bà hỏi :

— Cháu tính chừng nào về lại Maine ?

Đoàn nói đại :

— Dạ, có lẽ cuối tuần này.

— Sao sớm vậy ? Ở đây cho hết mùa hè có được không? Hay là học ở đây đi?

— Dạ, cháu còn nhiều chuyện phải thanh toán.

Bà buồn bã nhìn đồ ăn :

— Hồi trước ông cũng mong cháu về đây ở với ông bà. Ông thì lớn tuổi, mà bà và dì là đàn bà. Nếu có cháu thì đỡ lắm đấy.

Đoàn đau đớn nhìn chén cơm. Ăn xong Đoàn lặng lẽ lên phòng nằm, tới gần chín giờ tối lại lần mò xuống phòng khách. Bà đang đọc sách; còn dì mãi xem tivi. Đoàn đi nhẹ quá, đến nỗi khi tới giữa phòng, hắn làm hai người giật mình quay lại, ngạc nhiên nhìn.

— À, cháu. Dì tưởng cháu ngủ rồi ?

— Dạ, cháu cũng tính vậy. nhưng ngủ không được.

Dì yên lặng nhìn cháu, mong tìm ra nguyên nhân trên gương mặt hô cần với đôi mắt long lanh như sắp trào ra những đợt sóng ngầm. Đoàn nhếch môi cười, gãi đầu và đến ngồi ở đầu ghế sofa. Đầu kia, cạnh cái đèn, có bà ngồi. Bà đã bỏ sách xuống tự bao giờ, yên lặng nhìn Đoàn.

— Phiền gì. Cháu cần phải tẩm bổ. Chứ gầy như thế này

chẳng ai mê đâu.

Nó xong, dì vào trong bếp, lục đục đun nước. Tiếng nước reo đúng lúc những hạt mưa bắt đầu vỗ lộp độp vào kính.

Bà khẽ nói :

— Đã hơn một tháng, đêm nay mới thấy mưa.

Đoàn đưa tay mở hé cửa sổ. Một luồng gió mát lạnh ùa vào và rít qua lưới cửa. Đoàn thì thầm:

— Mát quá.

Mưa rơi tầm tã cả đêm. Tuy mệt, Đoàn không ngủ liền, yên lặng nằm nghe mưa rơi. Đoàn sợ cái cô đơn của những năm tháng qua. Bà và dì mong có hắn bên cạnh, để trao cho tình thương bấy lâu nay ấp ủ để dành, và Đoàn cần tình thương đó để lấp vào khoảng trống mẹ hắn đã để lại. Nhưng còn ông, người chưa chết hẳn, còn bám theo hại hắn?

Sáng hôm sau Đoàn dậy thật sớm, đứng pha cà phê trong bếp. Đoàn nhìn ra vườn sau nhà, đắm đuối trước một cảnh thật êm dịu và huyền bí. Mưa đã dứt từ nửa đêm. Mặt trời chưa lên hẳn, còn để yên những làn sương lờ mờ đang lơ lửng quyện quanh những lá những hoa còn chĩu nặng nước. Đoàn lửng thửng cầm ly cà phê bước ra vườn.

Khu vườn rộng quá. Một con đường gạch nhỏ vòng vo, đưa hắn đi sâu vào trong vườn, qua những chỗ cao chỗ thấp, bên cạnh nhứng loại cây lạ trồng khéo léo ở hai bên, với những đoá hoa trắng và vàng điểm những chấm nổi bật trên nền xanh tươi. Thỉnh thoảng Đoàn dừng lại, khom lưng, đưa ngón tay trỏ sờ nhẹ những nụ hoa sắp nở, đôi vai hắn ướt sau những lần đụng phải những cành thấp còn đầy nước. Đến một khúc quanh Đoàn thấy một băng ghế đá, liền ngồi vào, quên rằng ghế vẫn còn ướt. Trước mắt Đoàn, một hòn non bộ xây dở dang, thiếu hình nhân, thảo mộc và nước chảy.

Ngồi yên trên băng ghế, Đoàn thấy khung cảnh chung quanh quá yên tĩnh bình thản, như đã có tự bao giờ và chưa lần nào tan nát vì mưa gió. Có lẽ người tạo cái vườn này có ý định ra đây ngồi, mong xa hẳn cái thế giới trần gian ồn ào. Đoàn tưởng tượng cảnh ông ngoại ngồi đây một mình, đương đầu với quá khứ. Có lẽ những ngày cuối cuộc đời ông là những ngày dài đơn độc thê thảm. Những ước mong không thành, hạnh phúc không có và không tạo được cho người chung quanh, có lẽ đã dằn vặt ông cho đến phút nhắm mắt. Đoàn ngồi yên như vậy, uống cà phê. Hơi nóng truyền khắp cơ thể, khiến Đoàn quên đôi vai ướt lành lạnh.

— Đoàn ơi ! Cháu ở ngoài vườn phải không ?

Đoàn giật mình, lên tiếng trả lời bà :

— Dạ vâng.

Tiếng dép loạt soạt đến gần. Cả bà và dì tươi cười nhìn hắn.

— Thấy cửa sau mở, bà tưởng nhà có trộm.

— Sau cháu dậy sớm vậy? Lại ngồi ngay chỗ bố hay ngồi, mẹ nhỉ?

Đoàn mỉm cười :

— Vườn đẹp quá. Vừa kín đáo vừa thơ mộng.

— Đấy, ông cháu tốn mất hai năm trời mới trồng được những thứ cây ông muốn. Nào cây nào gạch ông khiêng về. Thôi thì đủ hết. Ngày nào cũng đào cũng đắp. Mà nói thì chẳng chịu nghe. Hì hục làm đến nỗi bị cảm mấy lần. Vậy mà cũng chẳng chừa.

Trong lời bà nói, Đoàn nghe có sự thương mến và luyến tiếc. Cả ba người yên lặng nhìn khu vườn ông để lại. Ông chưa một lần thốt lời thương ai bao giờ, nhưng tới phút chót của cuộc đời, ông đã để lại khu vườn đầy những dấu vết của sự uốn nắn, chăm sóc, nâng niu và thương yêu.

Đoàn nhìn hòn non bộ, rồi nói :

— Mai cháu xuống phố Tàu mua mấy cái hình nhân, để xây nốt cái hòn non bộ này.

Bà vội nói :

— Ấy ! Làm lâu lắm đấy cháu, chứ chẳng dễ đâu. Cả tháng trời chưa chắc đã xong.

— Cháu sẽ ở đây lâu, thì một hay hai tháng đâu có ăn nhằm gì.

Bà nhìn dì. Cả hai đều mỉm cười. Những tia nắng đầu tiên tỏa hơi ấm dễ chịu. Khu vườn rung động êm ả. Cả ba người cùng nhau đi vào nhà, theo con đường gạch còn mới, chưa mòn vì những gót chân. Dì Hiền đi trước, đang phác họa những chương trình nấu ăn vĩ đại. Phía sau có Đoàn dìu bà. Bàn tay nhỏ bé, gầy trắng của bà đang nắm chặt lấy cánh tay Đoàn, như nắm chặt lấy cái hạnh phúc vừa đến, không cho nó đi.

Đoàn nhìn vơ vẩn. Một cơn gió từ đâu thổi lại. Vài cánh hoa rớt xuống đất. Đoàn nói bâng quơ:

— Trời hôm nay đẹp, nhưng sao có vẻ lạnh, bà nhỉ?

ĐÍNH CHÍNH

Trong Thời Sự Văn Nghệ số 20, Nguyễn Văn đã lầm lẫn khi loan tin nhà phê bình văn học Hoài Thanh vừa mất tại Việt Nam tháng 7.1987. Thật ra, Hoài Thanh mất từ năm 1982 tại Hà Nội. Sự sơ suất trầm trọng này của Nguyễn Văn đã được ông Phạm Hiếu ở Maryland kịp thời nhắc nhở . Nguyễn Văn xin cảm ơn ông Phạm Hiếu và xin đính chính .

Trần Trúc Giang

Con Đường Ẩm Phủ

Giấc ngủ của tôi bị cắt ngang bởi tiếng còi hụ từ chuyến xe lửa xuyên đêm. Ánh sáng từ chiếc truyền hình lải nhải màu sắc lấp loáng khắp căn phòng. Tôi mở to mắt và nhìn sững vào người đàn ông và người đàn bà đang hôn nhau mà tôi không hiểu nguyên nhân họ hôn nhau. Rồi họ nói gì đó, rồi một người quay mặt, rồi tự nhiên những chiếc xe hơi đột ngột xuất hiện, rồi những giá tiền, rồi người bán xe với con khỉ đeo trên vai, rồi cười nói, rồi những lon coca-cola. Tôi nhắm mắt, và bây giờ, tôi mới cảm thấy có một cánh tay đang đè nặng trên ngực tôi. Và hình như, tôi nghĩ rằng tôi đang ở trường.

Đồng hồ với những con số lân tinh nhòe nhoẹt trước mắt. Tôi khẽ cựa mình thì tiếng ú ớ bên cạnh nhịp nhàng nhập nhằng nhức nhối làm tôi cảm thấy khó chịu. Tôi cầm cả cánh tay trên ngực đẩy ra khỏi tôi, thì tôi lại bị xiết chặt hơn. Tôi nói shit trong đầu, thì người nằm với tôi hình như đã tỉnh giấc và bắt đầu lải nhải những câu nói như chiếc truyền hình lải nhải những màu sắc.

Tôi nhớ là tôi đã phụ họa theo lời lải nhải của nàng và tôi nhớ rằng hình như tôi có nói anh thương em và tôi có nói shit trong đầu.

Tôi nằm yên giả bộ như đang còn ngái ngủ, và đầu óc thì nghĩ đến những chuyện mông lung mà tôi không nhớ, và bàn tay trên ngực xoa núm vú làm tôi nhột nhạt. Tôi giả bộ vẫn còn ngủ thì tiếng cười khúc khích xoi vào vai tôi. Tôi mở mắt, nói shit, và xoay mình ôm chầm lấy người nằm bên cạnh.

Chúng tôi hôn nhau mà tôi nghĩ rằng lý do hôn nhau bởi vì núm vú của tôi căng cứng lên.

Chúng tôi làm tình với nhau mà tôi nghĩ rằng lý do làm tình vì tôi không muốn coi truyền hình, vì nàng đã hôn tôi, và vì chúng tôi không có chuyện gì để nói với nhau.

Tự nhiên tôi cảm thấy chúng tôi hơi hạ cấp khi chúng tôi chẳng

nói một lời nào với nhau khi đang loáy hoáy và hùng hục. Tôi nghĩ rằng tôi là người đàn ông, lại là người có học, hấp thụ cả mấy cái thư viện, cho nên tôi phải có nhiệm vụ giữ cho tôi và cho cả nàng cái nhiệm vụ đứng đắn thơ mộng của người đàn ông học thức đang làm tình với người đàn bà - tôi chưa hỏi nàng học tới đâu. Và chúng tôi vẫn loáy hoáy loay hoay với nhau.

Tôi đánh lừa sự nhận thức của tôi bằng những lời đối thoại đại khái như sau:

— Em khỏe không?

Nàng ậm ừ.

— Em đã đọc Mauprat của George Sand chưa?

Nàng ậm ừ.

— Em nghĩ gì về sự chuyển động của vũ trụ qua đôi mắt của Einstein?

Nàng suỵt.

Tôi suỵt lại và hơi nhăn mặt.

— Để anh ngâm thơ của Tagore và Bùi Giáng cho em nghe.

Nàng cấu vào lưng tôi.

Tôi nói ouch và shit. Nàng mở mắt nhìn tôi. Xuyên qua mắt nàng, tôi thấy màu sắc của máy truyền hình chuyển động lấp lánh, tôi thấy đồng tử của nàng to dần, tôi thấy đôi mắt của Heraclitus, còn tôi, tôi đi ra khỏi nàng.

Tôi ngã vật ra mặt nệm, trợn trừng với trần nhà. Tôi nghĩ rằng nàng không muốn nói chuyện với tôi. Tôi nói tôi muốn đưa nàng về lúc tôi lò dò đứng dậy kiếm cái quần. Nàng mặc áo vào, nói ừ lúc nàng đưa tay che miệng ngáp.

Tôi nhìn đồng hồ và biết rằng đêm vừa nhập vào buổi sáng. Tôi nghe tiếng gió, và tự nhiên đôi mắt người máy của tôi ứa một chút nước con người.

*

* *

Con đường Magnolia thăm thẳm như đường vào địa ngục. Chúng tôi nắm tay nhau và vẫn không nói với nhau. Tôi vặn heater và quay cửa kiếng xuống. Gió thổi tóc nàng, và đâu đó tôi ngửi thấy mùi hương lạ kỳ.

Hai bên đường vắng vẻ khi tôi chớp mắt. Nàng bỗng cất tiếng cười đục ngầu như tiếng khóc liêu trai, không khí trong xe ô nhiễm để tôi cười sằng sặc. Tôi nhấn ga và gió đi ngược về phía sau. Tất cả những sợi chân lông của tôi nổi gai ốc. Nàng nắm chặt tay tôi khi tôi vượt đèn đỏ để đột nhiên tôi nhớ tên nàng.

*

* *

Lúc tôi quay đầu định nhìn vào nửa gương mặt của nàng thì tôi

mới biết rằng nàng đã xuống xe và đã hôn tôi và đã vào nhà và tôi đậu xe thật lâu mà không nghĩ ngợi gì cả và tiếng chó sủa làm tôi giật mình và tôi nổ máy xe đi ngược về hướng bắc trở về nhà tôi đi qua nhà tôi và tôi lái lên xa lộ trước mặt và tôi thấy những chiếc xe bị tôi qua mặt và lúc tôi quay đầu định nhìn nửa gương mặt của nàng thì tôi đã ở lại Westwood. Tôi nhíu mày và hơi ngạc nhiên. Tôi nhìn đồng hồ và đoán rằng bây giờ đã là ba giờ sáng.

Tôi đậu xe, đi bộ đến tiệm Donut. Người con gái tóc bạch kim đứng ngay quầy tính tiền nhìn tôi từ đầu đến chân và sau đó gọi tôi bằng sir. Tôi hỏi may i have a cup of coffee và tôi nói thank không có s vì tôi làm biếng kéo dài tiếng nói. Tôi đưa năm đô la và không lấy tiền thối. Tôi cầm ly cà phê lựa một góc ngồi, nhìn về đại học U.C.L.A.

Tôi nghĩ đến những năm tháng vừa qua, những định mệnh kéo tôi bỏ nhà bỏ cửa lang thang đầu đường Westwood xó đường Beverly. Uống cà phê kết bạn mượn tiền nói láo với thằng Do Thái red neck Dylan và nó muốn B52 bỏ bom gấp ngàn lần nữa. Rồi gặp thằng cha Ginsberg dạy học kiêm thi sĩ, cũng lại giống Do Thái, rủ qua Colorado cho học bổng học Tây Tạng umku langkang lùm tùm phùm, rồi giật nẩy mình vì thằng cha này có cái tội là mê đàn ông, xanh máu mặt, không bắt tay lần thứ nhì, chỉ tiếp chuyện điện thoại mà thôi.

Tôi thèm viết một cái gì đó như gợi nhớ đến dĩ vãng viết lách hăng say thèm thuồng năm xưa nhưng lại không có giấy. Tôi muốn làm một cái gì đó như để thức tỉnh chính tôi, nhắc nhở chính tôi là có lần tôi đã là thằng nghệ sĩ sáng tạo đàng hoàng. Để rồi tôi hiểu rằng cái chết của thằng nghệ sĩ mau vô cùng. Hết dzồi. That was it. Kể chuyện lẳng nhẳng hết rồi. Chưởi dzủa hạ cấp trí thức chán dzồi. Còn dzì nữa đâu mà khóc với cười, còn gì nữa đâu mà cười với khóc? Đời sống mãi mãi chỉ là những phản ứng đột ngột mà thôi. Chấp nhận một cách nhẹ nhàng và bước qua ngưỡng cửa của một thế giới khác. Hedonism.

Từ đuôi mắt của tôi thấp thoáng cái nhìn xoi mói của người con gái tóc bạch kim. Tôi thèm đọc một cái gì và tôi đứng dậy rờ túi để biết rõ, rất rõ là tôi không còn tiền lẻ mua báo mà chỉ còn lại tờ một đồng duy nhất.

Tôi bước đến quầy và hỏi what is your name. Người con gái không còn màu da nghiêm nét mặt và không nói gì cả. Tôi móc túi lấy tờ một đồng đổi tiền lẻ và chỉ giữ một cái quarter. Tôi bước ra cửa, bỏ đồng xu vào máy, lấy ra năm tờ Los Angeles Times. Tôi đặt bốn tờ xuống vệ đường, kẹp một tờ trong nách, rồi bước vào trong quán.

Lúc tôi đi qua chỗ ngồi của người con gái tóc bạch kim, nàng

cười với tôi và nói hi, i am Sheryl, tôi nói shit trong đầu, trở về bàn, cầm chùm chìa khóa, đi ngược ra cửa, nói hi, Shygirl, nói shit trong đầu, chỉ ngón tay vào mặt nàng, lắc lắc đầu cười mỉm chi nói i will get you next time, và tôi nổ máy xe và tôi nhớ rằng tôi đã để quên tờ báo trên bàn.

Và tôi không biết tình hình thế giới tôi đang sống đang xảy ra như thế nào lúc tôi đang lái xe về hướng Nam.

Trần Trúc Giang

Thái Tuấn

Em hãy đi

Anh có gì cho em
Một thành phố không đèn
Một khung trời hư ảo
Và kinh hoàng trùm lấp bóng đêm.

Anh có gì cho em
Còn đây cây đàn cũ
Anh xin phép làm thuyền
Hải bàn có trái tim
Lời ca sẽ làm gió
Dìu cánh buồm trên nhịp sóng êm.

Anh còn gì cho em
Còn một triệu niềm tin
Gửi ngân hàng nhân loại
Cánh buồm thành cánh chim
Bay trong bầu trời xa
Em hãy đi, và ở lại lòng ta.

Nguyễn Hiền Thảo

Ánh sáng trong căn phòng mù

Thỉnh thoảng, tôi vẫn có cảm tưởng là không phải nàng đã chết, mà cứ in như chính tôi đã giết chết nàng.

Có nhiều chuyện thật rõ ràng rành mạch, chẳng hạn như chuyện ăn, chuyện học. Không ai cần phải suy nghĩ đến hai lần. Nhưng cũng có những chuyện khác, thật mù mờ hỗn loạn. Lâu lâu một lần, tôi lại chui vào trí tưởng tượng của mình, phịa thêm một ít chi tiết, sơn phết lại một vài cái cảm giác nhột nhạt, rồi âm thầm một mình ôn lại như một kỷ niệm thật. Thì cũng là thật. Tôi khá tin như vậy. Tôi kể cho đám bạn bè với một vài chi tiết khác nữa. Cũng chả hại gì. Tính tôi vẫn như vậy. Đời thay đổi, con người thay đổi, thì ai cấm kỷ niệm không được thêm thắt chút đỉnh?

Tôi có thể kể lại câu chuyện như vầy: Chàng và nàng là hai nạn nhân của một định mệnh khắc nghiệt. Sau cuộc tình, chàng vẫn âm thầm đau khổ sống với những kỷ niệm tuyệt vời. Nhưng đây chỉ là một thứ đau khổ đẹp đẽ, có thể thưởng thức được. Kẻ đang đau khổ vẫn thấy tràn trề khoái cảm.

Sự thật đâu phải như vậy. Tôi có cố tập trung trí óc mà vẫn không thể nào hình dung ra được khuôn mặt của nàng, ngoại trừ một ấn tượng phẳng lì: Nàng không đẹp. Không đẹp ở cái chỗ nào? Con mắt nàng lờ đờ quá chăng? Hay là cái mũi của nàng quá thấp? Môi nàng quá mỏng? Không. Chịu thôi. Không nhớ một chút xíu nào hết. Cứ y như là nàng chưa từng bao giờ có mặt trong đời tôi. Vì vậy nhân vật chính, cứ tạm gọi là chàng, có thể coi nàng như bất cứ một cô gái nào, Maria chẳng hạn, hay Cindy, Katherine, Rose, Linda, thì cũng vậy thôi. Cứ gọi nàng là Maria đi, bởi vì có một người con gái tên Maria học chung lớp Vật-lý với chàng mỗi sáng thứ ba và thứ năm. Chàng thường ngồi sau lưng nàng, cách nhau khoảng ba hàng ghế. Từ chỗ chàng nhìn lên bảng đen, ánh mắt của chàng vướng trong tóc nàng một mái tóc màu nâu nhạt pha lẫn màu... xám xanh, bù xù như chưa từng biết cái lược là gì. Nàng

ngồi lọt thỏm giữa những người xung quanh, không phải vì cái kiểu ngồi dựa ngửa như chàng mà chỉ vì nàng lùn quá. Nàng đứng dậy mới ngang một đứa nhỏ mười hai, mười ba tuổi. Tuy vậy, bề tròn của nàng thì lại có phần dư thừa tròn trịa. Chàng cứ nhớ tới nàng trong cái áo thun mầu hồng sát nách, bó chặt lấy thân hình mầu mỡ phì nhiêu, và cái quần soọc ngắn củn cởn, để hở cặp giò trắng ngoẳn-nghèo những đường gân tim-tím. Thật khó mà đoán được tuổi của nàng (mặc dù chắc chắn là chàng biết rõ. Trước sau gì thì nàng cũng là bạn của chàng. Nhưng đừng có lầm lộn. Maria là cô gái học chung lớp với chàng, và nàng, chàng vẫn nhớ rõ, đã hai mươi hai tuổi). Nhìn chung chung, ai cũng phải nghĩ là nàng độ ba mươi, băm hai, đã có chồng trên mười năm, vừa bị ly dị và đang cố gắng hết cỡ để làm lại cuộc sống mới chỉ còn một mình. Đúng y chóc.

Lẽ dĩ nhiên là không phải hôm nào chàng cũng ngồi sau lưng nàng, tuy là thường thường vẫn vậy. Có hôm chàng ngồi ở trước, có hôm chàng ngồi một bên, có hôm ngay sau lưng, có hôm ngay bên cạnh, tùy vào độ đi trễ của chàng, và lẽ dĩ nhiên, cũng tùy vào độ đi trễ của nàng. Thật ra chàng chẳng bao giờ để ý chuyện này — sau này nàng mới kể lại. Những nhận xét về nàng chỉ xuất hiện trong đầu chàng vào những lần chàng phải ngồi sau lưng nàng. Cho đến một hôm chàng vào lớp trễ, mà nàng, lại còn trễ hơn chàng, sà xuống ngay cái ghế bên cạnh.

"Hi," nàng thều thào. Chàng lịch sự mỉm cười chào lại.

"Hôm nay ông thầy có nói cái gì đặc biệt không?" Nàng vừa hỏi vừa chồm hẳn qua bàn của chàng nhìn chăm chú vào xấp giấy xerox chàng để mở.

"Không biết nữa," chàng trả lời, "tao cũng chỉ mới vô lớp thôi."

Nàng nhìn lên cười. Hàm răng có những đường sọc màu vàng và những kẽ răng màu nước chè để lâu ngày. Đôi mắt nàng màu xanh lơ, lệch lạc sau cặp kính cận, nhìn chàng bằng một con, còn một con kia như đang xa vời ngoài cửa sổ.

"Hôm nào mày cũng đi trễ hết."

Chàng không hiểu nàng đang đặt một câu hỏi hay chỉ muốn đưa ra một nhận xét. Đằng nào nó cũng làm chàng bực mình. Chàng chỉ lạnh lùng mỉm cười, nhưng không trả lời. Chàng thấy giống như mình vừa bị bắt chẹt.

"Tao ở xa quá," nàng lại tiếp tục bằng cái giọng thều thào, "Mỗi sáng lái xe hết cả một tiếng đồng hồ. Đó là không kể hôm nào gặp tai nạn, xe cộ nằm hàng giờ ở đó, có hôm mất cả buổi. Khóa này thấy vậy là may lắm rồi đó mới chưa phải bỏ buổi học nào. Mày ở đâu?"

"Trong dorm," Chàng buộc miệng. Câu hỏi đột ngột của nàng làm chàng vô tình khai thật. Chàng vẫn ghét cái kiểu khi không mà nói chuyện về mình như vậy. Chàng liếc nhìn nàng. Nàng ngó không túyp người lanh như vậy, mà ngược lại còn có phần ngớ ngẩn lạc thần là khác.

"Sướng nhỉ!"

Chàng làm bộ chăm chú nhìn ông thầy nên không nghe nàng xuýt xoa. Tiếng phấn cọt kẹt trên bảng như đang nghiến răng cố nhai nuốt những công thức khô khan của Kirchoff. Hình như nàng cũng đã hết chuyện nói. Bên cạnh chàng, nàng ngồi vòng hai tay để trên bàn như một đứa nhỏ. Bàn tay của nàng mập và ngắn, móng tay cắt trụi sơn mầu hồng. Tự nhiên, chàng thắc mắc không biết khi nàng dùng con mắt bên kia để nhìn lên bảng, thì con này có thấy chàng đang theo dõi nàng hay không.

Như tôi đã nói, Maria chỉ là một người học chung lớp, và tôi, vai chàng ở trong chuyện, cũng biết rõ như vậy. Nhưng cứ tạm tin Maria là nàng, bởi vì nàng cũng có thể là Maria, rất có thể. Bởi vậy, nàng cũng xấu, rất xấu, xấu đến nỗi mỗi khi nghĩ lại, chàng vẫn thắt mắc tại sao chàng và nàng lại quen biết nhau, mặc dù chàng rất sợ đám bạn của chàng bắt gặp những lúc có nàng. Có thể chỉ do một sự tò mò, vì nàng gần như là một người con gái xấu nhất hồi giờ chàng được biết. Không chắc lắm đâu. Chàng phải thú nhận một điều, là với nàng, chàng cảm thấy khác, giống như chàng là *một cái gì*. Trong suốt thời gian học thi, đêm nào nàng cũng tìm cách học chung với chàng, rồi nàng kể cho chàng nghe những chuyện đã xảy ra trong đời nàng. Xen lẫn vào là những câu hỏi bất thình lình về cuộc sống của chàng. Chàng lại thấy khó chịu và ghi nhận sự bực bọc đó như là một sự kiện đã từng xảy ra mà chàng đã quên lửng. Chàng vẫn cứ ngạc nhiên mỗi khi nhận ra cái hố chàng vừa hụt chân lọt vào, rồi lại thắc mắc không hiểu nàng có cố tâm gài chàng hay không. Thường thường, chàng vẫn tự kết luận là nàng chỉ có một đầu óc thô thiển đến độ thiếu tế nhị, khiến cho những lời nàng nói ra đầy tính chất bất ngờ. Chàng tin chắc không thể nào có một sự sắp đặt trước. Thêm nữa, một người như chàng đâu dễ gì mà bị gài bẫy nếu chàng thật sự đề phòng. Đối với nàng, chàng thấy chẳng cần thiết. Chàng giống như anh hùng Archilles trong thần thoại, không có gì phải giữ gìn.

"Mày đi học khuya như vậy không sợ ai gọi lại phòng sao?" Nàng hỏi chàng một hôm giữa câu chuyện bị chồng ly dị và niềm hy vọng học xong cái bằng đại học. Chàng nhún vai.

"Có ai đâu mà gọi."

"Mày không có bồ phải không?" Một con mắt lờ đờ đang nhìn chàng chờ đợi. Khó mà biết con kia đang nhìn cái gì. Chàng phì

cười, lắc đầu.

"Cũng đỡ thôi. Tao không thích phải lo cho ai một cách vô ích."

"Vô ích không?" Nàng cười, đưa hàm răng vàng ngậy, nhưng không còn những kẽ răng màu nước chè nữa. "Tao thấy cũng thích việc lo cho người khác chớ... nếu mà có người để lo."

Bây giờ, Maria, người bạn của chàng, đã chết. Thú thật, chàng chưa hề phải bận tâm suy nghĩ gì về nàng. Nàng không còn có mặt trong đời sống cũng giống như nàng chưa hề có mặt. Ngay cả lúc trước, những đêm học xong, chàng đưa nàng ra xe theo lời nàng yêu cầu, rồi tà tà đi bộ về dorm, đầu óc chàng không hề vướng một hình ảnh nào của nàng. Sự có mặt của nàng chỉ được ghi nhận khi nàng ở trước mặt chàng. Thật ra, cũng không hẳn bởi vì những gì đã xảy ra cứ bám chặt lấy chàng như những lưỡi câu. Chúng trì níu. Chúng móc ngoéo. Mà càng vùng vẫy thì cái cảm giác mắc nghẹn càng làm cho chàng tối tăm mặt mày. Thành thử khi nói về nàng như một người đã chết, chàng không phải đối diện với sự lựa chọn nào. Chết là hết, như người ta vẫn thường nói.

Những gì đã xảy ra trong sáu tuần lễ, chàng từ tốn ôn lại không theo một thứ tự nào, kể cả thời gian.

Vào một buổi trưa, chàng bất gặp nàng ở trước phòng chàng khi nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Chàng ló đầu ra. Nàng hơi giật mình. Khuôn mặt của nàng hỗn loạn một sự bối rối.

"Ồ hi, Maria. Sao mày biết số phòng của tao vậy?"

"Mày cho tao lâu rồi, không nhớ sao?"

Thật tình chàng không nhớ, nhưng cũng có thể chỉ vì giấc ngủ trễ tràng. Chàng vẫn ló ra ngoài có cái đầu. Trên người chàng chỉ độc cái quần xì líp. Chàng cười bẽn lẽn.

"Chờ tao một chút xíu nhen ?"

Rồi không đợi nàng trả lời, chàng khép cửa lại. Cái giường ngủ vẫn rối loạn đám mền gối và những giấc mơ đứt khúc. Chàng vớ cái quần jeans xỏ vội vào, tròng thêm cái tank top. Chàng trở ra mở rộng cửa. Nàng vẫn còn đứng y nguyên như lúc chàng khép cửa lại.

"Ô-kê, vào chơi chút đi."

"Thôi..." nàng bỗng ngập ngừng, "mày bận không?... Mà cũng chả có gì. Tao lấy dùm mày mấy tờ handouts trong lớp... sẵn tiện đi ngang đây, tao đưa cho mày luôn."

"Vô đi," chàng vừa nói vừa né qua một bên nhường lối cho nàng, "Không bận gì đâu. Tao chỉ ngủ quên thôi. Cảm ơn nhiều nhen." Chàng đưa tay nhận lấy xấp giấy trên tay nàng khi nàng bước vào phòng.

"Nhỏ quá há ? Nhưng cũng được."

"Được cái gì?" Chàng ngơ ngác. Giấc ngủ còn chẳng chịt những dây nhợ lòng thòng chưa dứt.

"Ý tao nói mày ở đây một mình thì cũng vừa."

Nàng thả cái túi xách xuống chiếc ghế loveseat, chỗ ngồi độc nhất trong phòng.

"Uống gì không? Hiện giờ tao chỉ có bia và nước lạnh thôi," chàng đi tới cái tủ lạnh nhỏ xíu. "Bia nhen?"

Nàng gật đầu. Chàng khui hai lon bia Budweiser rồi mang trở ra. Nàng chìa tay đón lấy. Ánh mắt lơ đãng của nàng dạo quanh phòng ngủ hai chiều khác nhau. Mớ áo quần và cả xì líp nằm rải rác chung quanh phòng. Chàng cười giả lả.

"Giang sơn của tao đó. Hai trăm rưỡi dollars mỗi tháng được đúng bốn trăm square feet."

Nàng dừng lại ở khoảng ngực chàng.

"Cũng còn hơn là phải mất mỗi ngày hai tiếng trên xa lộ."

"Mày ở với gia đình hả ?"

Đôi mắt mầu xanh rung rinh như đang cố tập trung lại một điểm. Chàng chỉ muốn nuốt vô lại lời nói vừa tuôn ra.

"Không, tao ở một mình mà... với con tao."

Chàng quơ quơ tay, ra dấu mời nàng ngồi xuống ghế, nhưng nàng dường như không thấy nên vẫn đứng nguyên, tay mân mê lớp bọt nước đóng chung quanh lon bia. Cả hai tự nhiên cùng không nghĩ ra được chuyện gì để nói. Chàng hơi khó chịu khi thấy mình không được tự nhiên chút nào.

"Thằng Joey năm nay đi học lớp một, có xe bus đưa đi đưa về cũng đỡ cho tao." Nàng lên tiếng trước. Chàng nghiêng đầu xuống giả bộ lắng nghe. "Hồi trước tao cứ bận bịu với nó không đi làm đi học gì được."

"À... mày đi học lại bao lâu rồi há?"

"Khóa này là khóa thứ hai."

"Mệt không?" Chàng nhận thấy giọng mình tự nhiên mềm nhủn nên tằng hằng một tiếng. Nàng hơi giật mình.

Maria, người bạn của chàng, đứng đó, giữa căn phòng nhỏ của chàng, trong ánh sáng lờ mờ buổi trưa lọc qua màn cửa venetian blinds. Hai vai nàng xuôi xuống như thất vọng dưới một gánh quá nặng, trong tay còn cầm lon bia do chàng mời. Chàng nhìn nàng. Người con gái hai mươi hai tuổi, có đứa con sáu tuổi và một thân hình của một người đàn bà trên ba mươi tuổi. Không khí chung quanh như bị nàng kéo chùng xuống. Chàng có cảm tưởng như một cái gì bí mật vừa được mở ra. Chàng đọc trên mặt nàng một ý kiến. Nàng đang hứa hẹn chàng những gì chàng muốn biết, những gì chàng chưa hề biết đến. Chàng thấy mình nhỏ xíu như một đứa nhỏ đang đưa tay nắm lấy tay mẹ mình. Người đàn bà

chợt nhích lui lại. Chàng rụt tay về. Nàng nhìn chàng. Hai tròng mắt run lên như đang cố gắng quy tụ lại để đọc những ý nghĩ trên mặt người đối diện. Chàng không dám thở mạnh. Nàng đưa tay nắm lấy tay chàng rồi đặt lên ngực mình. Một cảm giác rờn rợn chạy dọc theo vào bụng chàng. Chàng thấy trống rỗng, nhẹ hẫng. Bàn tay của nàng đang bò trên người chàng. Nàng kéo chàng xuống nệm. Trên thân thể chàng, cái lạnh như đang xoi vào da thịt Nàng mềm và lạnh một cách lạ lùng, như một cục bột. Chàng nhắm mắt và tưởng tượng Maria có đến cả trăm bàn tay và trăm cái miệng.

"Sao vậy?" Tiếng nàng thì thào.

"Đâu có sao."

Chàng không kềm nổi một cơn run bắn thoát ra theo câu nói. Căn phòng lạnh ngắt như đang đè xuống trên người chàng làm chàng muốn teo nhỏ lại để dễ chui tọt vô đám mền gối áo quần bừa bãi trên giường.

"Chắc không?"

Chàng mở mắt bắt gặp nàng đang nhìn chàng đăm đăm, bằng một con.

"Có lẽ tại lon bia mới uống," chàng trả lời vội vàng.

Maria kéo chàng xuống rồi hôn lên miệng. Nàng nói nhỏ, "Mệt lắm phải không? Thôi mình ngủ đi.'

Chàng không hiểu tại sao nàng lại nói như vậy. Chàng nghĩ nàng đã biết rõ ràng chàng mới vừa thức dậy thôi.

Chàng nhớ lúc đó, trong đầu chàng chỉ có độc một ý nghĩ: Cha tôi là một người đàn ông cứng rắn; ông chưa bao giờ thất bại. Và điều đó thật khác xa nhau. Khốn nạn quá, sao đến bây giờ mới nhận ra như vậy? Có phải tại vì tôi chợt nhận ra nét giả nua không còn cách nào dấu diếm được trên mặt cha tôi? Tôi run lên. Có những ý nghĩ tối thui. Có những ý nghĩ bén như dao. Và không có ai dám nhắc đến những ý như vậy.

Bây giờ, Maria không còn nữa. Có nhiều điều nàng nói tôi không còn nhớ rõ. Cũng có câu nói tôi không thể nào quên. Như vầy: Tất cả mọi lỗi lầm đều có thể tha thứ được nếu mình còn trẻ, cho dù lỗi lầm đó đó gây ra bao nhiêu tai hại đến đâu đi nữa. Bao lâu nay tôi vẫn vin vào định luật của nàng. Tôi tin vào cái tuổi trẻ của tôi. Nhưng tôi quên mất một điều: người ta có thể tha thứ cho tôi, nhưng tôi có thể tự tha thứ cho chính tôi được không?

Lâu rồi, tôi không còn nhớ rõ câu chuyện thật sự ra sao nữa. Có nhiều điều trí óc con người thích đẩy tuốt vô một vùng mù mờ, dấu nó như người ta dấu đồ cũ lên trần nhà để khỏi phải thấy nó nữa. Nhưng mà lâu lâu, nó cứ vương vướng như là một thứ dịch tố chua chát trong miệng; nó trào ra như đồ ăn nhai đi nhai lại của

loài trâu bò, chỉ cần vin vào một mấu chốt nào đó, thật hay không thật.

Tôi mới nhận được một lá thơ đề tên người gửi là Maria Smithers. Lá thư ngắn và gọn, vắn tắt trên tờ giấy học:*Biết gì không? Tao hiện giờ đang sống ở Mobil, Alabama. Chắc mày không thể nghĩ ra được đâu. Thằng Joey năm nay lên lớp bốn. Mày còn nhớ nó không? Tao nghĩ lại và phải cảm ơn mày mới đúng. Cái ảo tưởng đi học đại học không thể nào có thật được và đã được chấm dứt thật đúng lúc, nhờ mày. Tao phải chấp nhận chuyện tao không có đủ khả năng để lấy cái bằng đại học, dù muốn dù không. Tao không giận mày đâu. Mà mày cũng đừng nên giận tao nữa, mặc dù những gì đã nói ra không ai có thể lấy lại được. Nhưng mà, tất cả lỗi lầm đều có thể tha thứ được nếu mình còn trẻ, cho dù lỗi lầm đó có gây ra bao nhiêu tai hại đến đâu đi nữa, phải không?*

Không, không phải vậy. Nàng không hề hôn tôi. Nàng chỉ đẩy tôi qua một bên. Tôi nhận ra cái lý do tại vì lon bia nghe thật tồi trướckhi ngã xuống nệm.Nàng nhổm dậy leo ra khỏi giường. Tôi với tay níu lại. Nàng gạt mạnh như hất một đứa nhỏ. Tôi có cảm tưởng nàng không yếu ớt chút nào.

"Mày không hề muốn tao."

"Maria không phải vậy." Tôi nài nỉ. "Không phải như vậy, thật mà."

Nàng quay lại. Tôi thấy những giọt nước mắt lăn dài trên má. Nhưng đôi mắt nàng không giống như mọi khi. Chúng nhìn thẳng vào tôi. Cả hai con, long lên sòng sọc.

"Không phải?" Nàng bật cười thành tiếng. "Không lẽ mày không biết làm tình? Không lẽ mày là một thằng lại cái?"

Tôi run lẩy bẩy. Người đàn bà trần truồng trước mặt tôi xấu xí như một con quái vật. Tôi rít lên, "Mày muốn biết tại sao hả? Tại mày xấu, mày xấu đến độ làm tao buồn mửa được. Còn nữa, Maria, mày không bao giờ học xong đại học đâu,tao nói cho mày biết, bởi vì mày ngu như một con chó."

Tôi đã mở lớn mắt, nhìn nàng chết dần. Nàng chết đứng, trần truồng trong căn phòng nhỏ của tôi, cả hai con mắt nhìn về một phía, nhưng không nhìn vào một cái gì. Ánh sáng trong phòng mù mờ như trong một cơn ác mộng.

Nguyễn Hiền Thảo

Phạm Quang

Suy Tư Trong Đêm

Đã tới giờ tan sở. Đối với tôi, đó là giờ phút đáng yêu nhất trong ngày. Mọi người đổ dồn ra cổng, vừa đi vừa nói chuyện ồn ào, vui vẻ. Lẫn trong đám người lô nhô đó, tôi rảo bước khoan khoái, lòng len nhẹ cảm giác yêu đời và thương người. Thế nhưng, tôi ít khi được thưởng thức trọn vẹn cái thú vui ấy là vì một vài sự kiện thường trực làm bận rộn trí óc.

Mỗi khi đi chung với những người bạn Mỹ, tôi không thể không có sự so sánh cái thể xác nhỏ thó đáng thương của mình với những thân bồ tượng chung quanh. Nhưng nếu chỉ nhỏ con mà còn có dáng dấp thanh nhã, an nhàn thì tôi cũng chẳng nói làm gì, ở đây tôi muốn nói đến cái nhỏ con ốm đói, điêu tàn. Dù tôi đã nhiều lần cố gắng lý giải, biện bạch để xóa bỏ cái ý nghĩa bệnh hoạn này, nhưng nó thường xuyên ám ảnh tâm trí tôi như một mặc cảm. Xét cho cùng, tôi nghĩ, giá trị con người không chỉ đánh giá qua nước sơn bên ngoài mà còn ở chiều sâu tâm hồn, nhất là con người đang sống trong thế kỷ 20 này. Tuy lập luận này nghe cũng được, nhưng tôi chỉ thể hiện ý nghĩ này bằng cách đi lui dần về phía sau để tránh những cặp mắt phẩm bình nông cạn.

Phải nói cái giờ phút đáng yêu nhất thật sự bắt đầu vào lúc tôi đã ngồi an toàn trong xe, cửa kính quay lên và khóa chặt. Khi đã cho xe nổ máy, tôi xét lại vấn đề vừa nêu trên. Tôi quan niệm sự thông minh không đặc biệt dành riêng cho một chủng tộc nào. Nhất là khi ta đánh giá nó dựa trên sự tiến bộ trong một lãnh vực nào đó, vào một thời điểm nào đó thì lạ càng sai lầm. Bằng chứng là tôi mau chóng biết sử dụng và hưởng thụ tiện nghi. Xe cộ là một ví dụ. Điều này mới nghe thì có vẻ không ổn, nhưng tôi sẽ bàn giải rõ ràng vấn đề này sau, bởi vì có một kẻ đậu xe đối diện bỗng bật đèn sáng choang và rọi chói lọi vào tôi. Tôi tự hỏi trong khi chờ đợi xe nóng máy mà hắn lên đèn làm chi. Cứ theo hành động đó tôi cũng cho rằng hắn ta không phải là người biết phép lịch sự tối thiểu. Do

đó tôi phải có một hành động phản kháng, tôi nghĩ, nhưng phải làm gì cho thích đáng đây. Tôi có thể hạ kính xe và ra hiệu cho hắn biết. Nhưng như vậy nhằm chừng chưa đủ quyết liệt, tôi đi đến một biện pháp khác. Tôi sẽ ra khỏi xe, đến bên cửa xe hắn, yêu cầu hắn hạ kính xuống. Tôi sẽ lịch sự chào hắn trước và nói cho hắn hiểu hành động của hắn là thiếu phép lịch sự. Nếu hắn biết điều, hắn sẽ xin lỗi và tắt đèn ngay. Nhưng nếu hắn tỏ ra ương ngạnh, bất chấp phép lịch sự? Tôi sẽ dạy cho hắn một bài học? Đúng! Phép lịch sự chỉ sử dụng đối với những người biết phép lịch sự. Thế nhưng, tôi chưa kịp có một hành động nào thì đã tới lúc hắn lui xe, rồi chạy ra đường cái. Như thế thì thôi vậy, tôi tự nhủ, mình cũng nên quên đi những chuyện nhỏ nhặt đó và tha thứ cho hắn.

Như tôi đã nói trên, trên đời này tôi có một cái thú chạy xe vào những đêm hè, nhạc mở vừa đủ nghe, gió hai bên lùa vào cửa mát lạnh. Cứ như thế, vô định hướng tôi chạy khắp ngả đường, và đôi lúc được ngắm trăng lên. Bây giờ đang là mùa đông, một mùa đông giá với tuyết phủ tràn lên tới đỉnh núi. Có những đêm tôi choàng dậy, trong bóng tối mờ mờ của căn phòng, tôi say mê ngắm tuyết phủ ngập vườn sau, trên bờ rào, tàng cây, cô tịch và sáng lung linh như một loài kim ngân. Nhưng hãy để tôi tập trung vào việc lái xe thì hơn, bạn cũng biết lái xe trong mùa tuyết là một việc nguy hiểm. Tôi có thể theo đường trong phố để về nhà hay leo lên xa lộ rút ngắn thời gian. Dù biết chạy xe trong mùa tuyết là nguy hiểm, nhất là trên xa lộ, tôi vẫn chọn con đường thứ hai. Sở dĩ tôi làm như vậy là vì một vấn đề tâm lý khá tế nhị. Thành thật mà nói khi bắt đầu chạy vào xa lộ, đôi khi tôi hơi lúng túng và thường có cảm giác ớn lạnh hai bên sống lưng. Nhưng ngay sau đó tôi cảm thấy tự chủ hoàn toàn và ý thức được một vài điều hay ho về chính mình.

Tôi xin nói thêm về vấn đề trên. Giống như một kẻ biết một việc nên tránh không làm vì nó có thể làm thiệt hại cho chính bản thân mình. Vì tự ái, vì tò mò, hắn quyết làm. Nhưng hắn vốn dĩ cẩn thận hắn thu thập tài liệu, hắn thăm dò đây đó. Tới khi bắt đầu hành động, hắn lại chùn tay. Hắn đụng phải vài sự kiện mà hắn không ngờ trước. Hắn vô cùng bối rối và hắn muốn bỏ cuộc. Nhưng đã trễ, hắn buộc phải lao tới đích dù phải nhắm mắt. Khi hắn mở choàng mắt ra thì may mắn làm sao mọi chuyện đã xong. Hắn đã thành công, thành công dễ hơn hắn tưởng. Và từ đó hắn tự cảm thấy có vẻ phi thường. Ý tưởng đó làm hắn thỏa mãn và tự tin, tuy hắn thừa biết nghĩ như vậy là thái quá và đã có nhiều người "thành công" còn dễ dàng hơn hắn.

Xa lộ tôi đang dùng thường rất vắng vẻ về đêm, cách khoảng xa xa mới có một ánh đèn xe lầm lì nuốt đường dài, hai bên rải rác

nhà cửa, công sở nằm ụ như những chiếc hộp giấy. Trước mặt tôi, một khoảng không tối đen thăm thẳm, lác đác ánh sao đêm. Mỗi lúc nhìn qua những sinh hoạt thăng trầm của một thành phố, một ý niệm lại đến với tôi. Tôi muốn nói về sự phát triển của một đô thị mà ngộ nghĩnh nhất là sự tụ tập sinh sống, dựng nhà cửa hai bên một con đường, hay ngược lại, xây một con đường trong những khu dân cư tụ tập. Tôi xin được suy diễn đầu đuôi theo một phương pháp gọi là biện chứng lịch sử. Biệachứng lịch sử! Phải, tôi thích cái tên này vì nó thích hợp với thời đại kỹ thuật của thế kỷ 20 này.

Đầu tiên là những con sông, thường là những con sông mầu mỡ. Sông làm đất đai phì nhiêu, cho cá mú nuôi sống con người, cung cấp phương tiện di chuyển thuận lợi. Người ta kéo đến định cư bên những con sông, làm ruộng hoặc đánh cá. Làm ruộng chán rồi người ta dần dần mở mang kỹ nghệ. Như vậy những làng mạc lớn dần thành những tỉnh ly. Rồi tỉnh ly lớn dần thành những thành phố. Cairo và sông Nile, Mesopotamia và hai sông Tigre-Euphrate, Paris và sông Seine là những bằng chứng chắc chắn cho những lập luận của tôi. Nhưng thành phố tôi đang ở, Salt Lake City, đâu có con sông nào kìa? Chuyện này có vẻ rắc rối, nhưng tôi sẽ giải thích rõ ràng sau, vì tôi sắp ra khỏi xa lộ rồi.

Trước khi về đến khu nhà tôi, phải chạy qua một câu lạc bộ nhộn nhịp ăn chơi theo lối dân chăn bò Mỹ ngày trước. Đây là điểm duy nhất làm tôi khó chịu trong suốt khoảng đường êm đềm như tôi đã tả. Nó nhắc cho tôi một kỷ niệm khó chịu về một người mà tôi cần phải nói chi tiết rõ ràng để tránh một sự hiểu lầm cho tôi có ý ganh tị. Hắn và tôi trước đây ở chung nhà trọ. Ai nhìn vào cũng có thể phân biệt được dễ dàng mức sống khác biệt giữa hai chúng tôi.

Thuở ấy, tôi sống lầm lì trong căn phòng nhỏ bé, ẩm thấp, hôi hám và bề bộn như một ổ chuột. Hắn thì khác hẳn, hắn ngăn nắp, tươm tất và luôn luôn ăn mặc bảnh bao, sang trọng. Theo tôi, không phải hắn tài cán gì mà vì hắn đã đến đất nước này trước tôi rất lâu và hắn gặp nhiều may mắn.. Tệ hơn nữa, hắn thường nhìn tôi với ánh mắt khinh khi, coi tôi như một con sâu róm, như thể tôi mắc nợ hắn mà không thể trả nổi tôi cũng đã nhiều lần mượn tiền hắn thật. Nhưng tôi biết chắc hắn chỉ làm thư ký phụ cho một cửa hiệu mua bán xe hơi cũ. Ngoài cái vẻ sang trọng bề ngoài, đôi khi tôi thấy hắn ngồi mang vớ, vá áo trong căn phòng khép kín của hắn. Từ lâu, tôi đã có ý định cho hắn một bài học.

Một buổi chiều nọ, tôi bước vào câu lạc bộ chăn bò kia và tôi gặp hắn ở đó. Hắn ngồi uống rượu bên quầy với một mụ đàn bà mà tôi không cho là một phụ nữ đứng đắn. Đây là lần đầu tôi bước vào một quán nhậc, nên không khỏi bị lúng túng, nhưng mau lẹ tỏ ra

bình thản, tự nhiên, vì tôi đã bắt gặp tia mắt soi bói của hắn. À ha! Nhà ngươi chắc là tức lắm, tôi nghĩ. Ngươi đã thấy không phải chỉ có nhà ngươi mới có quyền uống "sâm banh", thưởng thức ca nhạc, chuyện trò với phụ nữ và những thứ mà nhà người cho rằng chỉ nhà ngươi mới có đặc quyền thụ hưởng. Hôm nay ngươi sẽ phải thưởng thức chung cùng với một con sâu "róm". Và tôi cho gọi sâm banh. Để tỏ ra một người cũng thường hay đi giải trí ở những phòng trà ca nhạc, tôi giả tảng không nhìn thấy hắn, thoải mái kéo một hơi thuốc và nhìn người ta khiêu vũ. Bực mình cho tôi là đúng lúc ấy hắn lại kéo con mụ đàn bà kia ra sàn nhảy.

Sau vài ly rượu, tôi cảm thấy muốn làm một cái gì đó thay vì chỉ ngồi lầm lì. Tôi liền lấy một tấm giấy nhỏ, viết vài dòng và nhờ bồi đưa cho cô ca sĩ mới hát xong. Tôi cảm thấy khoan khoái vì hành động thần tình này. Tôi đã xử sự theo cung cách một kẻ sành điệu và hắn đã bỏ xa hắn rất nhiều. Được một lúc, tôi thấy cô ca sĩ đó bước ra, thay vì đến bên tôi lại đến bên quầy rượu hắn ngồi, nói gì đó với hắn và rồi họ nhìn về hướng tôi. A ha! Ngươi chắc ngạc nhiên về hành động của ta làm và trông vẻ ghen tức của ngươi mà ta thấy thật tức cười. Thế rồi hắn rời quầy rượu và tiến tới bàn tôi ngồi.

Hắn đến ngay bàn tôi, nhìn chòng chọc vào tôi một cách khiếm nhã và nói ồ ồ:

— Sơn! Anh muốn nói chuyện với Jennette à?

— À ha! tôi đằng hắng, tại sao không?

— Tôi cho anh biết cô ta là người yêu của tôi.

Tôi làm ra vẻ thản nhiên và từ tốn trả lời với vẻ kẻ cả:

— Tốt thôi! Cô ta cũng chưa phải là vợ anh mà. Tôi muốn có lời khen thưởng cô ấy. Đó là chuyện thường tình ở chốn trà đình tửu quán và một khi cô ta lại là ca sĩ.

Mặt hắn đỏ bừng và hắn tiến đến sát tôi hơn. Có vài người khác bước đến sau hắn và họ nhìn tôi với ánh mắt kỳ cục, không thiện cảm. Hắn sừng sộ lớn tiếng:

— Tôi khuyên anh nên bỏ ý định đó. Nếu không...

— A ha! Nếu không thì sao kìa...

Kết quả là tôi bị ném ra ngoài cửa sổ. Bạn có thể tưởng tượng tôi đã bị nhục nhã, ê chề như thế nào. Sau bữa đó, hắn dọn ra khỏi căn nhà trọ của tôi.

Tôi bước ra khỏi xe và đóng sầm cửa lại như thể chuyện của tôi vừa kể chỉ mới xẩy ra. Tuyết đóng dầy trên thảm cỏ và lên thềm nhà. Gió lạnh luồn qua áo khoác làm tôi rùng mình sởn gáy. Hai tay tôi trong túi áo ghì chặt lấy thân người và môi mím lại như sợ hơi ấm thoát ra ngoài. Tôi bước nhanh đến cửa nhà và lục túi lấy chìa khóa mở cửa, nhưng lục hết túi trên túi dưới cũng chẳng thấy.

Tôi chợt ngẩn người ra, chùm chìa khóa tôi đã để quên trong xe, chưa rút ra khỏi ổ và cửa xe thì khóa chặt.

PHẠM QUANG

Nguyễn Tất Nhiên

Cảm người chín năm

tình cho nhau những lượng buồn
những dông tố sập xuống đường-chung-đôi
đường-chung-đôi chẳng chung vui
như trong thêu dệt thiếu-thời mắt xanh
chín năm lặn lội theo tình
em đôi khi có ngẩng nhìn tương lai ?

tình cho nước mắt vắn dài
những viên thuốc ngủ qua ngày-chung-đôi
ngày-chung-đôi đắng ngắn người
em còn cất giữ nụ cười bao dung ?
chín năm chóng mặt theo chồng
em còn có huỡn trách thầm nhân duyên ?

nhớ xưa em khép mi hiền
thả hồn theo cánh chim liền mây xa
chẳng nề rứt má lìa ba
ngậm tim trong miệng băng qua Thái Bình
trao chàng giá ngọc làm tin
trao nhau hạnh-phúc-bỏ-quên-đường-về...

chín năm nần nợ não nề
tiếc hoa quỳnh phải tên hề giỡn chơi
nhớ xưa em vẫn xoè tay
so se sách bói xem đời trăm năm
trót cho không bói chỗ nằm
xin em cho trót lượng thầm nhịn đau !
Westminster CA. 15.10.87.

Thái Tuấn

Màu ánh sáng.

Cuối khu vườn một con bướm đã bay lên, cánh bướm lập loè ánh lửa hè của quê xưa làng cũ, của một mùa hè và cũng là của tất cả mọi mùa hè. Sự vật đã từ cặp mắt mà tới; hình ảnh từ tâm tư mà ra. Mọi sự chợt đến chợt đi, và hắn đã cầm lấy cây cọ; trong một giây phút thoáng hiện bất ngờ; màu sắc đường nét, như dòng sông đã hóa kiếp thành ánh mây, như áng mây đã trở thành niềm tâm sự.

Nét bút đã vạch nên đường chân trời không hề có thực, cây cỏ hoa lá trong bức họa cũng đã thay màu đổi sắc.

Ngón tay nhẩy múa bay lượn trên nền bức họa vượt quá cả tốc độ tính toán suy luận của trí óc. Song sự điêu luyện nào cũng chỉ là thói quen của những tập dượt. Những ngón tay vẫn cần được tâm tư chắp cho đôi cánh, để có thể tìm đến cái đẹp. Cái đẹp, đôi mắt hắn đã nhìn thấy, tâm tư hắn đã cảm thấy, mà sao trí óc cứ mãi mãi truy lùng cái đẹp!

Có một mùa hè, giữa lúc mặt trời vừa xế, hắn đã nhìn thấy trên bầu trời những ánh lửa đỏ rực, những tia sáng chói lòa, sáng hơn cả ánh sáng mặt trời chiều. Đường sáng bay vun vút, ngang dọc thẳng tắp, như nét bút điêu luyện của bậc danh họa không hề run tay. Những vệt sáng bay là là sát mặt con đường đầy bụi đỏ, vệt sáng xóa bỏ những thân cây và những thân người như xóa bỏ những nét vẽ sai lệch. Từ những thân xác đổ xuống, loang chảy một màu đỏ, dẻo quánh như chất sơn, phủ lên quang gánh thúng mủng nồi niêu, guốc nón, rải rác suốt con đường dài. Phong cảnh đã trở thành tĩnh vật.

Hắn đã thiếp đi không biết bao lâu, khi tỉnh dậy, trời còn mờ tối. Từ bức tĩnh vật, hắn đã nhìn thấy một thân hình bé bỏng đang trườn lướt vào lề đường; lê theo chiếc cẳng chân dập nát. Tới bên bờ cỏ đứa nhỏ gục đầu xuống, hớp lấy những giọt sương đọng trên

ngọn cỏ. Vết thương đã làm cho nó khát nước.

Khi hắn ôm thằng bé vào lòng, thân thể bầm nát của đứa bé đã bắt đầu lạnh ngắt, đôi mắt mở to nhìn hắn, cái nhìn đã vượt ra ngoài biên giới của sự kinh hoàng, đau đớn. Không một tiếng nức nở, không một lời kêu rên, đôi môi run rẩy thốt lên hai tiếng: khát nước! như lời cuối cùng của vị vua Do-Thái đã kêu lên, trên cây thập tự. Nó chưa kịp uống một hớp nước đôi mắt đã nhắm lại, ánh sáng đã tắt đi cùng với những vì sao cuối cùng trên bầu trời. Thân xác bé bỏng được đặt xuống giữa cánh đồng cỏ, chen chúc những loài hoa dại. Hắn nhặt một chiếc áo bên vệ đường đắp cho đứa bé. Và hắn lại đi tiếp quãng đường dài, và mặt trời lại mọc, chim lại hót, hoa lại nở.

Từ đêm tối, đôi mắt thằng bé đã thắp lên muôn ngàn ánh sáng, ánh sáng long lanh của một giọt sương, ánh sáng rực rỡ của đôi cánh bướm, ánh sáng kinh hoàng của mùa hè đỏ lửa chiến chinh, của những vì sao câm lặng trên bầu trời mênh mông. Sự câm lặng đã cho nhìn thấy những gì mà cặp mắt không hề nhìn thấy. Riêng chỉ có tâm tư mới có thể nghe được muôn vàn âm thanh từ sự câm lặng, chỉ có tâm tư mới nhìn thấy sự chói sáng từ nơi đêm tối.

Người làm nghệ thuật đã ước mong đem hết ánh sáng của cuộc đời vào trong họa phẩm; có thể tác phẩm nghệ thuật của hắn đã le lói được chút ánh sáng. Song le, tất cả ánh sáng của nghệ thuật có được, gom lại cũng không bao giờ châm nổi một điếu thuốc; như ánh sáng của những vì hành tinh trong không gian xa vời.

Orleans hè 87

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp của :

PHẠM BÍCH THU
& HỒ VĂN XUÂN NHI III

báo tin lễ thành hôn của đôi bạn cử hành vào ngày 7.11.1987 tại Thánh đường First Christian , Santa Ana California.

Xin trân trọng chúc mừng đôi bạn Thư Nhi trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Ý Thuần.

Võ Đình

Tranh thơ.

1

*T*ranh thơ là một danh từ chúng tôi "bịa" ra để gọi cho tiện, để phân biệt với "tranh" hay (tranh) "minh họa". Dùng quen, nó có thể được chấp nhận bởi nhiều người hơn, và từ đó trở thành một danh từ chính hiệu.

Tranh thơ là gì ?

Trước hết hãy nói về tranh. Có thứ tranh vẽ ra để đứng một mình, tự nhiên, tự tại. Cảm hứng sáng tác có thể bắt nguồn từ một tư tưởng, từ một xúc cảm nhãn quan, hay một rung động tình tứ, cũng có lúc từ tất cả các căn nguyên ấy. Trong quan niệm hiện đại, loại tranh này thường được coi như "cao" nhất, như là tranh vẽ trong nghĩa nghiêm chỉnh nhất, xứng đáng nhất. "Cao" vì xuất phát trực tiếp từ người họa sĩ, và họa phẩm hiện hữu như một thực thể độc lập, toàn vẹn, không dư không thiếu, không nương tựa vào bất cứ gì khác, ngoài người thưởng ngoạn, để chứng minh sự có mặt của mình.

Lại có thứ tranh vẽ ra để *minh họa*. Đây là một từ chúng ta thường hay dùng, và dùng một cách cẩu thả.

Minh họa là gì ? Tự điển Khai Trí Tiến Đức không có những minh họa. Hán Việt Đào Duy Anh cũng không có! Trong tất cả các tự điển khác trong tủ sách, chỉ bộ Việt-Anh của ông Nguyễn Đình Hoà mới có chữ *minh họa*. *Minh họa* là *to illustrate*. Concise Oxford bảo rằng *illustrate* có gốc Pháp và là La tinh *lustrare*, nghĩa là "làm sáng lên". Chúng ta có thể nghĩ rằng minh họa mới xuất hiện sau này, khi người Việt xúc tiếp với Pháp, học Pháp ngữ thật rành, rồi ông Thanh Nghị làm cuốn "Pháp Việt tự điển minh họa" chăng?

Vậy cứ coi minh họa là vẽ để làm sáng tỏ ra. Việc làm sáng tỏ này có ngụ ý: thơ văn là ngôn ngữ, và có những việc ngôn ngữ

không làm được, phải nhờ đến hội họa. Thật thế chăng? Làm sáng tỏ cái gì? Thường thường là làm sáng tỏ một câu chuyện, đúng hơn những *sự vật* chứa đựng trong một câu chuyện, một sự tích, một cảnh tượng, hay trong một bài văn, bài thơ.

Công tác thì quan trọng như vậy mà, cũng trong quan niệm hiện đại, tranh minh họa thường lại bị coi là "thấp". "Thấp" vì tuy họa phẩm có công làm "sáng tỏ", nhưng thật ra lại được sử dụng như một công cụ để phục vụ một công trình khác. Thật là thiệt thòi: giao phó cái trách nhiệm "làm sáng tỏ" cho minh họa, chúng ta đương nhiên thu hẹp cái phạm vi tung hoành của một bức vẽ.

Hãy lấy một thí dụ.

Một hôm nào đó, tôi nổi hứng ngồi xuống minh họa vài câu Cung Oán. Chỉ mới đọc lại có hai câu đầu, tôi đã bồi hồi cảm xúc ngay:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng

Tôi ngồi yên lặng một hồi lâu. Rồi cầm bút. Cầm bút thật lâu. Rồi bỏ bút xuống, bật lửa mồi lại ống vố. Đứng dậy, đi lững thững quanh phòng. Rồi đứng tựa cửa, nhìn ra vườn sau. Và biết là mình kẹt. Mới hồi nãy, đọc hai câu đầu tôi đã bồi hồi ngẩn ngơ. Không bồi hồi ngẩn ngơ vì cái vách, dù là "vách quế" đi nữa. Cũng không phải vì "mảnh vũ y" dù đó có là áo người đẹp đi nữa. Tôi cảm xúc, và tôi nghĩ nhiều bạn đọc cũng cảm xúc như tôi, vì những chữ "gió vàng hiu hắt", và "lạnh ngắt như đồng". Tôi kẹt vì tôi biết tôi không thể, minh họa không thể, trưng lên cho mọi người *thấy* được, *thấm* được, những thứ ác ôn đó của cụ Ôn Như. Tôi kẹt vì tôi biết, gì chứ cái vách và mảnh vũ y thì tôi vẽ dễ như chơi. Nhưng vẽ xong hai thứ đó rồi, tôi chẳng làm sáng tỏ gì thêm cho hai câu thơ cả. Và như thế thì minh họa thật ra chẳng họa mà cũng chẳng minh. Chẳng họa vì không được hoàn toàn sử dụng tất cả khả năng của hội họa. Chẳng minh vì có làm sáng tỏ được gì đâu!

Mà cơ sự như vậy cũng chỉ vì chúng ta không thể bắt minh họa làm cái việc minh họa không làm được. Kiểu như --xin lỗi bạn đọc-- dù không có chó đi nữa, chúng ta cũng không thể bắt mèo... Bởi vì ai có việc nấy.

Minh họa cho ta thấy những gì *mắt ta có thể thấy* được. Hội họa đa đoan hơn. Hội họa cho ta *"thấy"* những gì *mắt ta không thể thấy được*. Xin quay về quấy rầy cụ Ôn Như lần nữa: minh họa chỉ *vẽ* được cái *vách* và giỏi lắm, *cơn gió*, trong khi hội họa, nếu muốn, có thể *gợi* nên được cái nỗi niềm *vàng vọt*, *hiu hắt*, cái cảm giác *lạnh ngắt*, tái tê, sự cô đơn trống vắng... Hội họa có thể, *nếu muốn*, gợi nên cảm giác vừa lạnh vừa cứng, *như đồng*. Nhấn mạnh chữ *nếu muốn*, vì thường thường, nhất là trong ý niệm hội họa ngày nay, hội họa không muốn làm những việc ấy. *Vàng vọt, hiu hắt*...

Hội họa nói: chữ nghĩa hay ho đầy đủ như vậy rồi, minh họa đã vẽ không được, thì mắc mớ gì tôi phải vẽ ra! Xin để mấy thứ đó lại cho nàng Thơ nâng niu, tôi làm việc khác.

2

Việc khác đó là : ngoài công trình hội họa đúng nghĩa ra (... "họa phẩm hiện hữu như một thực thể độc lập...") hội họa cũng có thể... minh họa trong *tinh thần hoàn toàn sáng tạo*. Nói cách khác, làm công tác minh họa nhưng đồng thời thỏa mãn đầy đủ hai nhu cầu:

a/ về hình tượng (minh họa có thể đứng vững như một họa phẩm), và

b/ về biểu hiện –minh họa đem lại cho người thưởng ngoạn một cái thấy độc đáo, duy nhất, nặng về cá tính, nhẹ về mô tả.

Riêng cho cá nhân người viết, có lẽ không hình thức nào đáp ứng công tác "minh họa" đó một cách dung dị và thống khoái cho bằng vẽ thơ, vẽ *tranh thơ*.

Thơ ở đây không nhất thiết phải là cả một bài thơ. Có thể chỉ là dăm câu, hay một câu, có khi vài ba chữ trong một câu. Xin hãy đưa một thí dụ.

Thi tập mới nhất phát hành bởi nhà Văn Nghệ là *Thơ Cao Tần*. Chúng tôi có vẽ cái bìa và hai phụ bản cho tập thơ nhỏ. Hãy xem cái bìa:

Phương Nam bão cát lên như khói

Câu thơ có Phương Nam. Có bão cát. Có khói. Ấy thế mà nhìn cái bìa tập thơ, người tinh mắt lắm cũng chỉ thấy một không gian đổ nát. Mà trong cái cảnh đổ nát ấy lại có những dấu tích chứng tỏ một thay đổi vô cùng dữ dội, một xoay vần tàn bạo, tàn nhẫn. Không thấy bão, thấy cát, thấy khói, và chắc chắn không thấy gì là "Phương Nam" cả. Chỉ thấy tung toé, cuồn cuộn, ngút ngàn. Nghĩa là không thấy *sợ sệt*, mà chỉ thấy *hình dung*. Và đó là cái thấy của chúng tôi khi chúng tôi đọc câu thơ Cao Tần.

Bên trong tập thơ, còn có hai phụ bản :

Phải chăng sa mạc rộng hơn trời ?

và

Trước mặt thông sầu reo đáy vực

Có thể bàn thêm đôi điều nữa về hai phụ bản này, về hai *tranh thơ* này, nhưng dẫu dù tuyệt đối không vướng víu chuyện khen chê –xin để dành việc này cho độc giả– cũng nghĩ rằng hãy ngừng lại đây trước khi sự vô tâm có thể trở thành lố bịch!

3

Chúng tôi có ý định nay mai hoàn thành một bộ *tranh thơ* trong chiều hướng nói trên. Từ Kiều, Chinh Phụ, Cung Oán, qua Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, cho mãi đến thế hệ Cao Tần, Ngu Yên, Cung Vũ, v.v. Những câu thơ gợi nên ý vẽ. Và những nét vẽ hiển hiện tình thơ. Những câu thơ không "nói" gì thêm cho bức vẽ. Và những nét vẽ không "minh họa", không "làm sáng tỏ" câu thơ.

Câu thơ và nét vẽ nằm cạnh nhau, nằm *với* nhau, *ăn nằm* với nhau, như một thực thể mới mẻ, không tách chia ra được (*). Nét bút viết chữ câu thơ và nét bút vẽ bức tranh là một. Bức tranh là một bài (câu) thơ. Và câu thơ là một nét tranh.

Có thì có tự mấy may
Không thì cả "bức tranh" này cũng không !

4

Kể sau đây, xin gửi đến bạn đọc năm bức *tranh thơ* mới nhất. Và xin chờ đón những âm vọng từ xa.

Võ Đình
Hạ 1987

(*) Tranh Tàu lối cổ vẫn thường có những câu văn, câu thơ đề thêm trên tranh. Nhưng đây là một hiện tượng khác xa với chuyện tranh thơ *này. Có dịp sẽ xin bàn đến trong một bài khác.*

NHẮN TIN BẠN ĐỌC Ở ÚC

Bạn đọc ở Úc muốn mua báo dài hạn Văn Học , để tránh phiền phức và phí tổn chuyển ngân, có thể gửi tiền Mỹ kim cho đại diện Văn Học tại Úc là ông :

NGUYỄN KHẮC PHÚ
5/25 George Street
Yagoona, NSW. 2199 Australia.

Xin xem giá biểu dành cho bạn đọc Úc châu , Á châu nơi trang cuối số Văn Học này.

Nguyễn Bá Trạc

Chuyện một ngày, chuyện một ngày khác.

Chuyện một ngày, anh T. thân mến, cũng như chuyện của mọi người, là những chuyện rời rạc về các mâu thuẫn chồng chất trong cuộc sống. Chuyện này chẳng nói lên một điều mới mẻ đâu, cuộc sống của ai mà không chồng chất mâu thuẫn cách này hay cách khác? Tuy nhiên mỗi người phải tìm cách giải quyết hay tập sống với những mâu thuẫn triền miên của mình như thế nào, đó lại là một câu chuyện khác nữa.

"Hello" tôi nói. Tôi nhìn lên trời. Sáng hôm nay bầu trời xanh. Ông cụ hàng xóm đội một cái mũ vải xanh, áo sơ mi mầu xanh, thắt cà vạt cũng xanh. Dáng người cao, da trắng, tóc trắng, đã hơn chín mươi tuổi vẫn khoẻ mạnh, hàng ngày vẫn lái xe đưa bà vợ tám mươi lăm tuổi đi chợ. "Hello" tôi nói. "Cụ có cần gì không?" tôi hỏi. Ông cụ chậm chạp đi tới nói là không cần gì. "Tôi không phun thuốc trừ sâu lên mấy đám hoa" ông cụ nói. Tôi hỏi "Sao ạ?". "Tôi không phun thuốc trừ sâu lên mấy đám hoa" ông cụ nói, "nếu ông muốn lấy về ướp trà." Tôi nhớ sáng nay khi thức dậy mở cửa sổ nhìn qua bên kia vườn, bấy giờ ông cụ đang tỉa mấy cây hoa. Tôi chào, nói vọng qua "Hôm nay trời đẹp quá". Tôi nhìn lên trời. "Cụ có biết người ta phơi khô đám hoa cúc này để pha trà không?". Ông cụ bảo "Vậy sao". Tôi bảo đúng vậy, chúng tôi gọi đó là kim cúc. Phơi khô ướp trà rất thơm.

Bây giờ, chúng tôi lại nói chuyện trên lề đường. Tôi bảo hoa nhà cụ nở rất đẹp. Tôi nhìn lên trời. Tôi bảo mùa thu sắp đến nữa rồi. "Bà vợ của cụ thế nào?" tôi vấn an. "Ồ, khoẻ lắm". Tôi bảo "Sao cụ không đưa bà cụ đi xem chiếu bóng?". "Tôi chỉ thích những phim xưa." Tôi bảo có một phim đang chiếu. Phim mới, nhưng cốt cuyện lấy ở một tiểu thuyết xưa. "Của Marcle Pagnol" tôi nói. "Marcel Pagnol à?" Ông cụ hỏi. "Marcel Pagnol, người Pháp. Chuyện về những nông dân và các cuộc tranh chấp đất đai."

Tuần trước, anh T. thân mến, tôi muốn dùng những đoạn này làm lời nói đầu cho quyển sách. Tôi lúng túng khi nghĩ đến lời nói đầu. Bây giờ tôi vẫn lúng túng như vậy. Đối với những người di cư đến các xứ sở xa xôi, có một lúc chợt họ sẽ ngạc nhiên nhận ra là họ bị mắc kẹt giữa các vận chuyển lịch sử. Không phải chỉ lịch sử quốc gia họ. Mà lịch sử nhân loại chưa ngừng nghỉ suốt giòng thời gian. "Đất" tôi viết. "Đất, tự nó cũng có nhiều mâu thuẫn." Tôi liên tưởng đến các nhân vật, mà chúng ta đều là các nhân vật chứ ai? Vậy chuyện đó là chuyện của một người Việt Nam. Tôi viết. "Một xứ sở nhỏ bé ở Á châu, kế dưới nước Trung Hoa khổng lồ, nơi chiến tranh làm nên lịch sử, nơi cửa ngõ Thái bình Dương, nơi giao lưu các ý thức lớn của loài người, nơi máu, nước mắt, thây người kế tục đổ xuống làm phân bón đất". Và bây giờ, tôi nhấn mạnh "Vào cuối hạ bán thế kỷ 20, hơn một triệu người đã phải rời bỏ đất ấy mà ra đi khắp nơi. Bất cứ đâu."

Đám hoa hồng nhà tôi đang nở rất đẹp. Luống hoa Ưu Tư tím nhà ông cụ cũng vẫn còn tươi. Tôi nói "Nhiều ong quá". "Nhiều ong lắm" ông cụ cũng nói. "Cụ trồng hoa để cho ong đến hút mật đó" tôi nói. Ông cụ trả lời. Ông cụ nói. Tôi không kịp hiểu. Tôi không hiểu. Có ba lý do làm tôi không hiểu. Thứ nhất, tôi không phải là người Mỹ. Thứ hai, đôi khi ông cụ nói nhanh quá. Thứ ba, ông cụ đã móm.

"Đấy tưởng tượng xem" ông cụ hạ giọng, mỉm cười. "Dạ" tôi đáp. "Người Mỹ chế bom nguyên tử trước mọi người, có nhớ chưa?". "Dạ" tôi đáp. "Mấy quả bom nguyên tử dội xuống nước Nhật, có nhớ chưa?". "Dạ" tôi đáp. "Thử tưởng tượng bộ mặt thế giới bây giờ ra sao nếu lúc đó Mỹ đem bom nguyên tử bắt tất cả các nước ngưng sản xuất vũ khí, giải tán mọi quân đội. Làm gì còn quân đội và chiến tranh?" Ông cụ cười sung sướng với cái miệng móm. Tôi cười xã giao. Tôi bảo xin lỗi cụ, tôi đang dở dang ít việc. Việc gì đấy? "Viết" tôi đáp. "Tôi đang viết dở dang". "Viết sách à?" ông cụ hỏi. "Hãy viết về chuyện vừa rồi, nó sẽ làm cho cuốn sách của ông trở nên một cuốn sách tốt.

Đó là chuyện buổi sáng, tôi tạm gọi những chuyện thuộc về một cuốn sách tốt. Có những cuốn sách khác mà tôi sẽ nhắc đến, nhưng đây là chuyện buổi trưa, khi tôi bước ngang qua một viên cảnh sát ngồi trong góc quán. Tôi suýt nói một câu gì. Nếu dịch sang tiếng Việt, câu đó cần phải thay đổi đi một chút, ý tôi muốn bảo là thú vị thay khi thấy một người cảnh sát ngồi đây, trong một cái quán cà phê bán sách, nơi những người lui tới phần đông là sinh viên, những người thích đọc sách, những người còn tin vào sách và suy nghĩ. Đôi khi có cả những nhà văn.

Viên cảnh sát là một người trung niên cao lớn khoẻ mạnh.

Mặc một bộ đồng phục đen gọn gàng sạch sẽ. Tay áo săn lên, lộ những bắp thịt rắn chắc. Túi áo, gắn những huy hiệu bạc. Đôi giầy đánh bóng, ống quần chạy sọc trắng. Ở đây, có cái gì mâu thuẫn giữa trật tự, vô trật tự, sức mạnh và sách vở. Tôi tự hỏi. Kể cả N. hay K.M. hay bất cứ ai, giả như Martin Luther chẳng hạn, tôi đều có thể tưởng tượng ra họ ngồi đây, trong tiệm sách này, cặm cụi viết để bắt thế giới đi theo một trật tự mới. Nhưng cái gì làm cho tôi thấy tương phản ở một người lính đeo huy chương, một cảnh sát mặc đồng phục giữa sách vở, tư tưởng, một cách lặng lẽ trầm ngâm? Tất nhiên có những loại tư tưởng tiêu cực, hủy diệt và bạo động. Tất nhiên con người không ngừng tư tưởng bao giờ nhưng trật tự thiên nhiên sẽ biến đổi mọi việc thế nào thì tư tưởng chưa hề thấu đáo hết trong suốt cái hành trình cuộc sống này. Ít nhất, tôi có thể cả quyết như vậy.

Tôi ra quầy mua một ly cà phê. Trở về bàn, người cảnh sát đã rời quán. Tôi kéo cái ghế người ấy đã ngồi. Tôi ngồi xuống cái ghế ấy, nó đặt ngay góc nhà, từ đó người ta có thể quan sát hầu hết những người trong quán. Trên bàn, có cái ly bằng sứ trắng. Tôi đặt lên cái ly cà phê, cũng bằng sứ trắng. Tôi là ai? Tôi là một trong những người biết rằng mình không ngừng thấy mâu thuẫn trong cuộc sống, bất cứ lúc nào và ở đâu. Tôi thấy gì trong tiệm sách? Rất nhiều, nhưng không có cuốn của tôi. No nuke. Một cuốn sách vạch rõ hiểm họa chiến tranh nguyên tử. Một cuốn cẩm nang cho mọi người về sức mạnh nguyên tử với những tài liệu đã cập nhật hoá. Những cuốn khác. Cấu trúc sức mạnh của nguyên tử. Nền kinh tế chính trị của sức mạnh nguyên tử. Một cuốn khác nữa. Chỗ cuối cùng trên quả đất. Nhưng đó không phải là câu chuyện về cuộc hủy diệt toàn bộ cuối cùng. Chỉ là cuốn sách về hai người thám hiểm Bắc Cực, những ước mơ của họ và vì sao họ trở nên những vị anh hùng.

Tôi thấy những cuốn sách dạy làm vườn và nấu ăn. Sách viết về ngân hà và những vì sao. Sách dạy nuôi trẻ con cho hợp phép vệ sinh. Trẻ con, những mầm cây. Nguyên tử, sức mạnh của hủy diệt. Ở kệ sách bên này, văn chương thời hiện đại. Maugham. Dreiser. Gorky. Proust. Kafka. Hardy. Jeffers. Pirandello. Faulkner. Ở bên kia, những người đàn bà đối chọi và bổ túc cho đàn ông, S.B. Virginia Wolf. Nora Neale Hurston. Tôi thấy những cuốn sách dạy tiếng Hy Lạp, tiếng Tây Ban Nha, ngay cả tiếng Lào. Nhưng không có một cuốn sách dậy tiếng Việt nào. Sao vậy? Trong thành phố này hiện đã có trên 50.000 người Việt. Cứ như thế tôi lại nhớ rằng tôi, một người Việt Nam trên đất Mỹ đã được gần mười ba năm. Sức khoẻ của tôi đang kém. Mỗi con mắt cho một hình khác nhau. Nếu không kịp thời làm một cái gì, sức khoẻ sẽ kém nữa. Nó sẽ tàn

phai.

Những cô con gái trong tiệm sách này đều xinh đẹp như tất cả những thanh niên thiếu nữ khác. Họ đang ngồi trước những mộc bản của T.S. Họ là những đoá hoa đang nở trước tư tưởng. Sách vở sẽ dắt họ đi cho đến khi họ suy tưởng một mình, theo một cách riêng của họ. Sách vở sẽ làm giầu kiến thức họ. Kiến thức, một mai kia khi so chiếu với đời sống sẽ làm họ rối loạn phần nào, vì tất cả mọi người đều yếu đuối. Nhưng họ sẽ lại rực rỡ cho đến khi già đi. Như những đoá hoa Ưu Tư.

Nhưng việc ấy, nói cho cùng, cũng đẹp đẽ mà thôi. Đôi lúc ta tự cho phép đứng ngoài đời sống chút đỉnh để quan sát thêm. Nhưng những cái gì chúng ta biết chưa hẳn là những gì có thể thay đổi con đường chúng ta đi. Nhiều lúc chúng ta đành chịu vậy.

Nhân vật của tôi đã đến và đi đâu? Tôi tự hỏi. Ông ta sinh ra ở miền Trung nước Việt Nam, lớn lên ở miền Bắc. Năm 1954 khi Việt Nam chia đôi, cộng sản chiếm miền Bắc, gia đình ông di cư vào Nam. Năm 1975, cộng sản chiếm toàn Việt Nam, ông di cư sang Mỹ. Một người di cư nhức đầu vừa phải. Ông chỉ là một người Á châu bình thường. Những cuộc đi và đến dầu sao mới chỉ giới hạn trong cái hành tinh quả đất này thôi. Ông không phải là một nhà phi hành không gian. Ông biết lái xe hơi như mọi người ở Mỹ, tiếc thay, hồ sơ lái xe không được tốt.

Cũng như tất cả những người bình thường giữa các buồn vui, âu sầu, giận dữ, tràn đầy và trống rỗng, ông có mặt trong cuộc đời với các mâu thuẫn của ông. Tại sao thế? Vì nếu không có mâu thuẫn thì tôi còn gì để nói ở đây?

.....

Anh T. thân mến, và đây, chuyện một ngày khác.

Tại sao năm 1794, T.S. đột nhiên hiện lên trên bầu trời hội họa, chỉ trong 10 tháng thôi, như một ngôi sao chổi bí mật bay vuột qua? Trước đó, không ai biết. Sau đó, không ai biết. Không còn ai biết gì về ông ta ngoài những mộc bản để lại.

Chỉ ánh sáng mới tỏ lộ được sự có mặt của một ngôi sao, dầu cho 10 tháng kia thực là ngắn ngủi. Những mộc bản mầu của T.S., ví dụ thượng thặng của những gì không cần nói hết trong nghệ thuật, những gì chậm rãi đóng góp cho văn hoá một nước, một chỗ đứng đối diện với lịch sử nhân loại, những gì thẳng thắn nhìn ngắm vĩnh cửu một cách đẹp đẽ, thiện hảo và chân thật. Chính T.S. đã hái bằng hai bàn tay, bằng những mầu sắc để làm nên công việc cụ thể ấy trong địa hạt của ông ta. Cho nước của ông ta. Bên cạnh những người khác: Quý tộc, Võ sĩ đạo, Trí thức cổ truyền, Trí thức tân tiến, Cách mạng, Quân phiệt, Kỹ nghệ gia, Tài phiệt, tất cả những người có khả năng sáng tạo, xúc tác, hủy diệt, tổ chức và

xây dựng quốc gia họ. T.S. với hai bàn tay, với mầu vàng đất, mầu huyết dụ, mầu xanh biển, mầu đen mầu tâm hồn đầy thẩm mỹ của riêng ông ta, ông ta đã làm các công việc của mình như thợ nề xây nhà, nông dân cấy lúa chiến sĩ đánh giặc, thầy giáo dạy học, cảnh sát giữ trật tự, nhà chính trị hoạt động chính trị, nhà văn viết văn, nhà thi sĩ mơ tưởng giấc mơ của một trái đất xanh, cũng như những phi công, những nhà tu mơ tưởng núi đồi ruộng đồng xanh. Nhưng có điều, cùng một lúc ông ta vẫn phải ghi nhận được rõ mối vui buồn giận ghét ở cõi sống thông thường này, với đủ các mầu sắc khác. Những nụ cười nửa miệng. Nếp nhăn trên trán. Bộ dạng kệch cỡm. Lừa bịp đê hèn. Tị hiềm nhỏ mọn. Đau đớn dầy vò triền miên của một trái đất đen. Ruộng đồng đen. Nhà máy đen. Nhà tù đen. Đời sống đen. Đêm đen. Chia cách đen. Sinh lão bệnh tử đen.

Nhưng Nghệ thuật có con mắt thấy suốt để nhìn cho ra vẻ đẹp qua những cái bất đối xứng của rác rưởi hiện tại và sự trong sáng tương lai không? Nó có những ngón tay lật nhanh qua lịch sử để chia xẻ giấc mơ chung, tiến đến những sự thực chung hay không?

Đó sẽ là tiên tri cho một diễn trình lôi cuốn mọi năng lực thuận chiều hay nghịch chiều để hợp nhất ý chí chung, ao ước chung? Hay đó cũng chỉ là sự lừa bịp khác nữa như cái ngắn ngủi của hơi thở, của cuộc sống con người trên hành tinh quả đất, mà con sâu, cái kiến, con bướm, con chim, sự có mặt của chúng lại càng ngắn ngủi hơn?

Tranh ảnh, sách vở, những bài thơ của ta, sự im lặng của tác phẩm nghệ thuật chúng ta, chúng sẽ nói riêng với mọi người bằng một cách thức riêng, ở những chỗ riêng, trên các bức tường, trong tiệm sách, trong thư viện, trong bảo tàng viện, trong tư tưởng và cảm xúc tùy theo lúc, tùy theo kích thước của mỗi tâm hồn chật hẹp tối tăm hay bao dung sáng sủa. Nghệ thuật tuyệt vời, không phải là nghệ thuật nói ầm ĩ.

Tranh của T.S., tranh của P. của M., sách của B.P., của H.H., thơ của P. của E., của W.W., họ đều có cái kích thước cao cả của Nghệ thuật im lìm. Nghệ thuật một đêm khuya, mặt trăng dàn trải khắp các đại lục. Nghệ thuật một bình minh, mặt trời tỏa ra rực rỡ trên những sông ngòi.

Ngược lại, bên kia của mệnh đề, cũng bao hàm rằng có những nghệ thuật giông bão, sấm chớp, thuốc nổ, máu và cục hình. Nghệ thuật của lưỡi dao đâm lút vào các sinh mệnh thoi thóp. Nhưng đến điểm ấy thì tất cả lại trở về lặng im để cùng với nhau bắt đầu. Như xương, thịt, đất nước, sông, núi, những mầm cây. Khi mặt trăng lên, mặt trời lên. Khi ấy tất cả lại bắt đầu như đã bắt đầu từ lâu lắm.

Điều ấy nói cái gì? Nó cho chúng ta nhận thấy cái mà T.S.

nhận thấy trước các bản gỗ chưa hề in vết dao, các bản gỗ mới tinh, và chúng ta sẽ cùng đi một lối giữa ánh sáng và bóng tối, giữa đám đông và sự cô đơn, chúng ta tìm cách nghỉ ngơi giữa các biến động nhưng chúng ta đồng thời chưa bao giờ quên rằng biến động, vận chuyển lúc nào cũng liên tục, không ngừng nghỉ giữa những đối cực, và đầu óc con người đôi khi may mắn cảm nhận ra, cái mà người ta gọi là kinh nghiệm tôn giáo, là mặc khải, là kinh nghiệm thi ca, là sự thức tỉnh của các nhà tư tưởng, hay là sự điên khùng.

Vậy đấy. Anh T. thân mến. Nghệ thuật, kiến thức, suy tưởng, ý niệm siêu hình, kinh nghiệm tôn giáo, chúng ta đây nào có thấm gì? Trong cái sâu đầy bí nhiệm gồm những nguồn vui chan hoà và những đau khổ khôn cùng, chúng ta nào có biết gì? Anh, hay T.S. hay E. hay W.W. với cái lá cỏ của ông ta, hay tất cả cái linh hồn run rẩy của tôi đây, chúng ta nào có đáng một xu con? Chúng ta đã lỡ ăn trái đắng. Chúng ta quay quanh các trò chơi như những con ngựa gỗ vừa vui đùa vừa khóc lóc xô đẩy theo những điệu nhạc quay tròn. Chúng ta có thấm gì? Trong cái bể khổ của muôn kiếp con người từ chín từng địa ngục vẫn khát khao hạnh phúc? Và nước trong? Và ánh sáng? Một cơn mưa rào? Kể cả chính anh, nào có ra gì?

T.S. hay W.W. hay E. hay N.D. họ đều niệm thi ca như niệm thần chú. Bởi vì đến đó không còn duy lí. Bởi vì giấc mơ, nào có chuyện gì để kể cho những người không mơ?

Và niềm tin là gì, nếu không phải, trước hết, là chính ước mơ? Là công chính. Là no ấm. Là tự do, hạnh phúc trong cõi đời này, ngay từ bây giờ, chứ không phải là một lời hứa cho những linh hồn đã kiệt quệ, những rễ cây khô đã mất hết sinh lực. Việc ấy sẽ tự nó được giải quyết. Và anh T. ạ, chỉ những ý nghĩ yêu thương mới đủ làm nên một giấc mơ đẹp. Điều này có giá trị gì? Nó làm cho mặt đất tươi mát hơn, hay ít nhất cũng dịu dàng hơn, đáng yêu hơn. Trong những trường hợp thông thường, giấc mơ là một vấn đề nguyên tắc. Và trong tất cả những trường hợp khác, giấc mơ nên là vấn đề nguyên tắc.

Trước sau, cũng phải như vậy thôi.

San Jose, 21 Tháng 9, 1987
Nguyễn Bá Trạc

Đoàn Xuân Kiên

Tìm hiểu tiếng lóng ở Sài Gòn.

*N*gôn ngữ là một hiện tượng xã hội khá đặc biệt. Không những nó không giống nhau khi nhìn từ phương diện quốc gia, chủng tộc, mà ngay trong một chủng tộc cũng có hiện tượng khác biệt ngôn ngữ; vì thế có người không ngần ngại phát biểu rằng hễ có một nhóm người là có một kiểu ngôn ngữ. Nhận xét trên có ý nghĩa trong chừng mực những khác biệt ở một số khía cạnh nào đó, mà khía cạnh nổi bật trong số đó là sự khác biệt về cách dùng từ ngữ. Trong trường học hay trong giới sinh hoạt văn hoá (truyền thông đại chúng, sách vở, diễn thuyết), hoạt động ngôn ngữ dựa trên tiếng nói phổ thông (standard language). Nhưng ngoài xã hội, hoạt động ngôn ngữ còn có một bộ phận tiếng nói — hay đúng hơn là một số vốn từ — không phổ thông, chỉ lưu hành trong một số thành phần xã hội, gọi là *biệt ngữ xã hội*. Chiếm một phần lớn trong loại tiếng xã hội này là loại *tiếng lóng*. Trong bất cứ cộng đồng xã hội lớn nhỏ nào cũng có hiện tượng ngôn ngữ. Ở Sàigòn cũng như bất cứ nơi nào khác, có khá nhiều tiếng trong đó loại tiếng lóng của giới bình dân rất đáng chú ý. Sinh hoạt hàng ngày của những người trong giới dân nghèo ở thành thị thường rất phức tạp khiến người ta phải tạo ra những phương tiện để giữ an toàn, để bảo vệ chính mình trước sự dòm ngó của luật pháp, của người khác giới, của... Những năm gần đây, giới dân nghèo thành thị càng ngày càng thêm bần cùng hoá, nảy sinh nhiều hiện tượng xã hội phức tạp, do đó mà "hệ thống" tiếng lóng — công cụ tự bảo vệ của từng lớp dưới đáy, bên lề xã hội — càng thêm phức tạp và do vậy phong phú hơn nhiều so với tiếng lóng của các giới khác trong xã hội. Trong bài này, người viết giới hạn tìm hiểu của mình ở phạm vi tiếng lóng của lớp "bụi đời" bến xe miền Tây *hiện nay*. Đây là một thành phần phức tạp của xã hội miền Nam từ bao lâu nay. Để ý lối dùng từ ngữ của họ, chúng tôi ghi nhận được một số tiếng như thế này:

Danh từ : vé bay, suông, xế nổ/xế điếc câm, khoén, vãng, đỗng, ken/lính cô ba, ghệ, khứa...

Động từ : ăn bay/bốc vãng, ăn gio/ăn xào, chôm chỉa, nhập nha, bốc/mổ/hổ/dua/hổ, hê, chỏ, bán cái, choác, phi/vã, nghía, ăn lẩu, ăn hủ tíu, đá xê ri, bắn lôi...

Tính từ : mút chỉ, thua, doi/dọi, vã, xù, dóm, châm...

*
* *

Việc tạo từ lóng thường theo nhiều phương thức.

(1) Thông thường nhất là *lối biến âm* những từ ngữ thông thường trong khi từ vựng phổ thông. Một từ có thể biến đổi một số trong ba yếu tố sau đây:

(1.a) Âm đầu. Phương thức thay đổi âm phụ đầu tương đối ít so với các phương thức biến âm khác. Trong số từ biến đổi âm đầu, có thể kể đến *dỏm*. Theo ý nghĩa của dỏm (giả dối không thực, chỉ có vẻ hào nhoáng bên ngoài) thì có thể dỏm *(rởm)*. Ta nói trí thức rởm là có ý chê bai, miệt thị kể khoa trương kiến thức một cách lố bịch. Ý nghĩa của rởm thường chỉ dành khi nói về người, nhưng dỏm lại có thể dùng để chỉ cả đồ vật: đồng hồ dỏm, quần dỏm...

(1.b) Vần. Biến đổi vần là một phương thức phổ biến. Các tiếng lóng thường được chế tá bằng cách làm thay đổi vần của từ phổ thông để làm biến dạng, lệch lạc bộ mặt thật của từ ngữ phổ thông.

Tiếng phổ thông	*Tiếng lóng*
súng	suông
khuyên (tai)	khoén
(xì) ke	ken
(tri) hô	hê
gái	ghế/ghệ

(1c) Dấu giọng. Xem ra đây là phương thức phổ biến nhất, có lẽ vì dễ dàng hơn cả. Có điểm đáng để ý là các dấu giọng thường biến đổi tùy tiện: có khi theo qui tắc thuận thanh âm (các thanh huyền-ngã-nặng biến đổi theo nhau, các thanh ngang-hỏi-sắc biến đổi theo nhau):

vàng	vãng
đồng (hồ)	đỗng
giỏ	gio

có khi thuận theo luật bằng trắc (các thanh ngang-huyền biến theo nhau các thanh trắc sắc-hỏi-nặng-ngã biến đổi theo nhau):

đói	đọi
nhà	nha

nhưng có lắm khi lại chẳng theo luật lệ nào, chỉ cốt sao làm biến dạng từ phổ thông đi là đủ:

sợ	so
đói	đọi

(2) Ngoài phương thức biến âm, tiếng lóng cũng có thể được tạo ra từ phương thức *rút gọn từ*, thường thấy nhất là rút các từ láy:

vật vã	vã
chích choác	choác
khách khứa	khứa
chỉ trỏ	chỏ
châm chích	châm

Có một điều cần lưu ý là về ý nghĩa thì các tiếng lóng sản sinh cách này không hẳn tương đồng với từ ngữ trong vốn từ phổ thông: *vã* không có nghĩa là "lăn qua trở lại vì đau đớn mà là "đói", *khứa* không can hệ gì với người khách mà chỉ một người đàn ông nào đó, *choác* chỉ có nghĩa là chích thuốc phiện bằng ống tiêm, và *châm* cũng chỉ có nghĩa là đau, là khó khăn (như bị ong châm chẳng hạn!).

(3.a) Một phương pháp tạo từ khác của tiếng lóng Sài gòn là *mượn một từ* phổ thông để nói về một sự vật/ hiện tượng khác có tính cách hơi giống về một khía cạnh nào đó:

bay (di chuyển trên không)	vé bay, (vé giả, vé không có ghi số)
nổ/điếc (có/không phát ra tiếng động cơ)	xế nổ/ xế điếc (xe gắn máy/ xe đạp)
mổ (dùng dao, cắt vạch cho đứt)	mổ (túi) (rạch túi người khác)
đua (thi tài)	đua (chạy trốn người đang đuổi bắt)
thua (không thành công)	thua (bị bắt)

(3.b) Còn một phương thức tạo tiếng lóng dựa trên cách hiểu *nghĩa bóng* của từ phổ thông. Các tiếng lóng tạo ra bằng cách này cũng chỉ hơi giống từ phổ thông về mặt ý nghĩa, chỗ khác nhau giữa phương thức này với phương thức trên đây là: tiếng lóng loại này không chỉ mượn điểm tương đồng mà còn thường thu hẹp hay mở rộng ý nghĩa của từ phổ thông:

gồ ghề (sần sùi, nhô lên cao hơn mức thường)	gồ ghề (vặm, hấp dẫn)
bán cái (nhường vai chủ trong một ván bài)	bán cái (đổ trách nhiệm cho người khác, đổ vạ)
bốc (dùng tay lấy đồ ăn đưa vào mồm)	bốc (vãng) (giựt dây chuyền vàng bằng tay)

đi tàu suốt (đi tàu chạy đường dài)	đi tàu suốt (đi không trở lại, chết)
mút chỉ (đầu mút cuốn chỉ)	mút chỉ (rất lâu, rất xa)
một cuốn (một tập giấy	một cuốn (một năm tù)

(4) Có khi tiếng lóng mượn từ trong vốn *từ vay mượn* nước ngoài.

(4.a) Loại này có thể vẫn giữ nguyên nghĩa của từ mượn:

nhập (đi vào)	nhập (nha) (vào nhà ăn trộm)
y (áo)	y (áo)
xịn (chiến) (hơn mức thường)	xịn (đẹp hơn mức thường)

(4.b) Nhưng thường thì tiếng lóng đã chuyển hẳn nghĩa của từ mượn mà chỉ có người cùng giới mới hiểu nhau dựa trên những qui ước riêng giữa họ với nhau, lắm khi không có quan hệ gì với ý nghĩa gốc của từ mượn nữa:

ăn lẩu (ăn món cù lao (tên một món nhậu ở miền Nam)	ăn lẩu (giựt đồng hồ)
ăn hủ tíu (ăn món hủ tíu)	ăn hủ tíu (giựt dây chuyền)
bắn lôi (bắn thủy lôi)	bắn lôi (lấy cắp hành lý của hành khách ở bến xe)
đá xê ri (đá liên tục)	đá xê ri (ăn mày húp đồ ăn thừa của thực khách ở tiệm)

(5) Cũng có thể tạo một tiếng lóng bằng cách đặt một *từ mới* hoàn toàn "lạ tai" mà chỉ giới sử dụng mới hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của nó mà thôi. Do đó *chôm* là lấy cắp, *xù* là bỏ đi, thông qua, đi *cốc* có nghĩa là đi ăn xin, và *lính cô ba* hoặc *ken* chỉ người nghiện ma túy, *hờ* có nghĩa là móc túi.

Ngoài ra chúng tôi nghe nói có cách tạo tiếng lóng bằng *nói lái,* nhưng chưa sưu tầm được.

Trên thực tế, không phải tiếng lóng chỉ đơn giản như thế. Người bình dân Saigon thường phối hợp sử dụng cả năm lối tạo từ của tiếng lóng để tạo ra những từ khá ngộ nghĩnh, vì chúng có được một cái vỏ âm thanh khá kín đáo để che giấu khỏi con mắt tò

mò của người ngoài giới. *Ghệ mẫu* chẳng hạn, được kết hợp phương thức biến âm (gái/ghệ, có nghĩa là người phụ nữ) và phương thức mượn từ Hán Việt (mẫu/mẹ, ở đây chuyển rộng ra là người già), và có nghĩa đơn giản là một bà lão (phương thức 1b-c và 4b). Cũng thế, *ghệ linh* (phương thức 1b-c và phương thức 4b) là cô gái xinh xắn, và *khứa lão* (phương thức 1b và phương thức 4a) là một ông già. Cứ như thế, người ta linh động biến đổi bộ mặt thực của tiếng phổ thông "quần áo" thành *quốn y* (phương thức 1b-c và phương thức 4a), "giựt dây chuyền vàng" thành *bốc vãng* (phương thức 3b và 1c), xe gắn máy được gọi là *xế nổ* (phương thức 4a và 3a).

*
* *

Tiếng lóng của giới "bụi đời" Saigon không chỉ lý thú về mặt cấu tạo từ, mà còn cả về mặt ý nghĩa. Như đã nêu ở trên, tiếng lóng là công cụ tiếng nói của những người cùng giới, cũng thành phần xã hội nào đó sử dụng trong những ngữ cảnh nào đó. Đó là những từ ngữ mang tính phong cách chứ không phải là một từ phổ thông. Khi ta nói *ăn* là ta dùng một từ phổ thông, nhưng nói *đớp, đá* là nói ăn trong một ngữ cảnh khác: người nói hoặc muốn diễu cợt mỉa mai, hoặc muốn nói một cách dễ dãi, suồng sã. Một trường hợp khác: báo chí Saigon trước 1975 thường hay dùng tiếng *Nghị gật, Nghị gia nô* để chỉ những dân biểu và nghị sĩ chỉ biết ngậm miệng bỏ phiếu biểu quyết tán thành theo sự mua chuộc hoặc cưỡng ép của phủ Tổng thống. Hiển nhiên là khi dùng từ này, người nói và người viết chỉ hàm ý mỉa mai, phê phán và do đó những từ này hẳn nhiên là không thể dùng tùy tiện, bất chấp ngữ cảnh. Như thế thì ý nghĩa của tiếng lóng không bao giờ trùng khít với một từ phổ thông cho dù là vay mượn của nhau: vẫn biết *y* là "áo", nhưng khi nói *quốn y* người ta còn muốn biểu hiện thêm nét nghĩa khác bên ngoài nghĩa ngôn từ; nét nghĩa ấy không nằm ở bản thân từ ngữ mà nằm quanh quất trong khung cảnh không gian, thời gian, sâu cả trong tâm lý người nói và người nghe nữa. Ngữ cảnh ở đây đã là một yếu tố nổi bật nếu không nói là quan trọng; tách nó đi người ta không thể hiểu gì về các tiếng lóng nữa mà chỉ thấy chúng kỳ quặc, lạ lẫm. *Gờ ghề1* là một từ trong vốn từ phổ thông, có nghĩa là "mấp mô, cao hơn mức thường", khi chuyển dịch sang *gờ ghề2* là một tiếng lóng, có nghĩa là "có hình thức bắt mắt, dễ thương", cái vỏ ngữ âm vẫn nguyên vẹn mà ý nghĩa của từ thì đã bị khúc xạ, bị tước bỏ đi mất nghĩa quen thuộc để treo lên đó một nội dung có tính cách qui ước mới. Quan hệ giữa vỏ ngữ âm và ý nghĩa ở đây không khác nào mối quan hệ giữa một dấu hiệu và ý nghĩa mà người ta mặc cho nó. Không có lý do gì để bảo rằng màu đỏ là màu cấm, và bảng đỏ gạch trắng là bảng cấm qua lại; ý nghĩa này là do một số xã

hội tụ qui định với nhau. Cho nên có thể gọi việc chuyển dịch ý nghĩa từ gờ ghề1 sang gờ ghề2 là một quá trình biểu trưng hóa (symbolisation) trong một ngữ cảnh các ý nghĩa của tiếng lóng. So sánh như vậy không hẳn đã chính xác, vì quá trình biểu trưng hoá ngữ nghĩa của tiếng lóng chẳng phải là từ một hình ảnh đơn thuần vô nghĩa và được mặc ý nghĩa có tính cách chấp định. Một tiếng lóng, ngược lại, là một biểu trưng hoá ý nghĩa từ một từ ngữ đã có nghĩa sẵn; ngữ tố của tiếng lóng vẫn mang yếu tố ý nghĩa của từ phổ thông, cho nên mặc dù ý nghĩa của từ phổ thông trong trường hợp này (gờ ghề1) chỉ tiềm ẩn chứ không nằm trong bản thân tiếng lóng (gờ ghề2) nhưng ta không thể không liên hệ đến nó khi nghe tổ hợp âm thanh *gờ ghề* của tiếng lóng.

gờ ghề2	----------	gờ ghề1	-------- /gờ ghề/
(ngữ tố)		(ngữ tố tiềm ẩn)	
cấu trúc			cấu trúc
ngữ nghĩa			ngữ âm

Từ tính cách biểu trưng hoá ý nghĩa các ngữ tố trong tiếng lóng, có thể thấy tính quán ngữ của tiếng lóng, vì về ý nghĩa, các tiếng lóng có thể gọi là những quán ngữ hạn chế (restricted idiom) — mượn cách nói của Chafe (1). Quá trình quán ngữ hoá của tiếng lóng cũng như quá trình quán ngữ hoá của một quán ngữ mà thôi. Tính cách nổi bật của ý nghĩa một quán ngữ là tính chấp định của nó: *đá nát vàng phai* không có nghĩa bao gồm ý nghĩa của bốn ngữ tố "đá", "nát", "vàng", "phai", mà là một sự kiện khác hoàn toàn: "gặp một tai biến làm thay đổi tình trạng ổn định trước đó". Ý nghĩa này nằm bàng bạc trong toàn cục cấu trúc hình ảnh phù hợp với ý hướng mục đích người nói và cũng phù hợp với qui ước ngôn ngữ giữa người nói và người nghe. Ý nghĩa của bốn ngữ tố "đá", "nát", "vàng", "phai" là ngữ tố tiềm ẩn, được biểu trưng hoá ở cấu trúc ngữ tố nổi thể hiện trong cấu trúc âm thanh của quán ngữ. Ta tìm thấy quá trình quán ngữ hoá đó trong tiếng lóng: vé bay là một tiếng lóng có hai âm /vé bay/. Nghĩa của nó không nằm ở "vé" và "bay" là hai ngữ tố nổi ở bề ngoài, vì người nói và người nghe qui định với nhau là tổ hợp âm thanh /vé bay/ chỉ mượn cấu trúc nghĩa nổi của từ để ngụy trang một ý nghĩa kín đáo ẩn dấu dưới sâu: chiếc vé không có ghi số, vé giả.

cấu trúc	biểu	cấu trúc	cấu trúc
ngữ nghĩa	trưng	ngữ nghĩa	ngữ âm
chìm	hoá	nổi	
(vé xe không ghi số)	"vé bay"	/vé bay/	

Ý nghĩa của tiếng lóng — do vậy — có quan hệ ít nhiều với ý

nghĩa của từ phổ thông; cái phần khác là ở chỗ nó mượn vỏ ngữ âm để đánh lừa người ngoài bằng phần ngữ nghĩa nối thường thấy trong từ phổ thông và nhân đó ngụy trang phần ý nghĩa riêng kín đáo có tính chấp định của tiếng lóng. Tính cách biến ảo của cấu trúc ngữ nghĩa chìm khuất khiến cho tiếng lóng có vẻ hàm hồ về ý nghĩa, bởi vì một mặt, nhìn từ phía từ vựng phổ thông, tiếng lóng thường không có ý nghĩa quen thuộc, thậm chí ngô nghê không có ý nghĩa gì; mặt khác, nhìn từ phía người sử dụng, tiếng lóng lại rất sáng tỏ. Yếu tố nào đưa đến việc truy nhận được ý nghĩa một tiếng lóng: Chính là yếu tố tâm lý chi phối quá trình biểu trưng hoá ý nghĩa từ ngữ; đó có thể là sự loại suy, có thể là sự liên tưởng mà ra. Ý nghĩa của tiếng lóng có tính hàm hồ (ambigue) hay chấp định (arbitrary) là do sự chi phối của yếu tố tâm lý này đây. Cho nên tam giác ngữ nghĩa cổ điển giờ đây phải thêm một chiều cạnh mới để hình thành một tứ diện ngữ nghĩa.

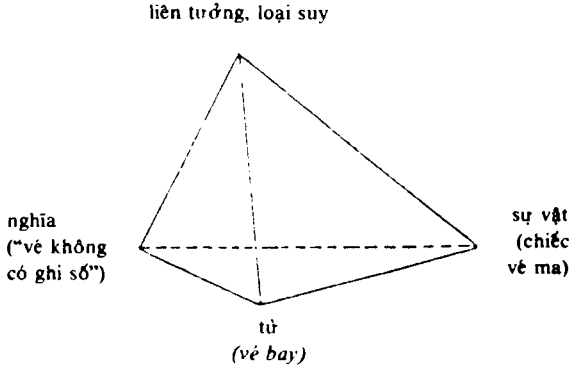

* * *

*X*em vậy thì tiếng lóng là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt trong sinh hoạt. Tìm hiểu hiện tượng tiếng lóng sẽ có thể có nhiều khám phá bất ngờ về nhiều mặt khác nhau. Nhưng mặt xã hội ngôn ngữ học (sociolinguistics) thì không thể bỏ qua. Và dường như cho đến nay không ai bỏ qua ý nghĩa xã hội của hiện tượng ngôn ngữ này. Tuy nhiên thái độ của những người nghiên cứu xưa nay thường không đồng nhất. Có người cho rằng tiếng lóng có tiếng lóng "hay" và tiếng lóng "dở" (2). Không biết có thể nghĩ như thế được chăng, vì tiếng lóng dù dở dù hay thì cũng chẳng bao giờ có thể tiến lên địa vị tiếng phổ thông được. Ngôn ngữ phổ thông là ngôn ngữ kiểu mẫu, nhà trường, cho nên không thể dạy văn học bằng tiếng lóng, dù đó là thứ tiếng lóng của giới quí tộc thượng

lưu! Nhưng hãy tạm gác bỏ những cách đánh giá có tính cách mô phạm như thế. Tự thân tiếng lóng quả có hiện tượng thăng trầm như mọi hiện tượng xã hội khác. Có nhiều tiếng lóng không tồn tại lâu bền, và ngược lại cũng có nhiều tiếng lóng rất phổ biến trong hoạt động lời nói ngoài xã hội. Những tiếng lóng bị đào thải chẳng phải vì nó nhớp nhúa quá, vì nó là thứ ngôn ngữ của những tên lưu manh, những bọn người khả ố nhất trong xã hội. Những tiếng lóng gọi là "tiêu cực" không được quần chúng chấp nhận chỉ là vì chúng không tuân theo qui luật ngôn ngữ của xã hội mà thôi. Ngược lại, có những tiếng lóng "tích cực" vì nó phù hợp với qui luật ngôn ngữ, nghĩa là những tiếng lóng này đáp ứng nhu cầu sử dụng và lưu hành của một cộng đồng ngôn ngữ cụ thể nào đó. Một tiếng lóng được công nhận là khi nó có thể thể hiện được *tính qui ước* của ngôn ngữ, nghĩa là ý nghĩa biểu đạt của tiếng lóng được cộng đồng thừa nhận. *Hết sảy* hoặc *bỏ đi tám* sẽ không bao giờ đi vào được kho từ ngữ Việt nam nếu chúng không được quần chúng bảo dưỡng nó. Sự kiện này ngộ nghĩnh đến độ nghịch lý như bao nhiêu thứ thời thượng khác ngoài xã hội. Sử dụng tiếng lóng cũng là một thứ thời thượng, lắm khi "lố lăng" kỳ quặc nhưng cộng đồng ngôn ngữ đã qui ước như thế!

Nhưng như thế vẫn chưa đủ để "đứng" được, tiếng lóng được tạo ra không phải từ ý muốn độc đoán của một ai, một nhóm người nào, mà thường nó có nguyên nhân xã hội. Không phải lúc nào người nói cũng cần trịnh trọng, đạo mạo nói "như sách vở". Trong một số cảnh huống, người ta muốn thể hiện ý thân mật, sinh động của lời nói để tạo được sự ấm cúng chan hoà giữa người nói và người nghe. Sự thân mật có lúc sa xuống suồng sã, dễ dãi (vì không trân trọng, kính nể người đối thoại). Trong trường hợp này, tiếng lóng thể hiện *tính diễn cảm* của nó bên cạnh tiếng phổ thông.

Cũng để diễn đạt tình cảm, người nói có khi dùng tiếng lóng như một lợi khí tấn công. Đây là trường hợp tiếng lóng của các tầng lớp xã hội thấp kém trong một xã hội có quãng cách xã hội sâu sắc, và dùng tiếng lóng là một cách thế phê phán tính cách "trưởng giả", tính cách "lãnh cảm" của từ phổ thông. Khi muốn diễu cợt một nhân vật kệch cỡm, người ta không nói *mệt* (là một từ trung tính) mà lại nói *ná thở* hay *se mình*. Một dạo ở Sàigòn, báo trào phúng CON ONG đã dùng nhiều — quá nhiều — tiếng lóng cả những bài xã luận chính trị, không phải là không có hậu ý: nhà báo hẳn đã ít nhiều đánh giá thấp các nhân vật chính trị mà nét lố bịch của họ không khỏi làm trò cười cho quần chúng. Dùng tiếng lóng trong trường hợp này chẳng phải vì muốn thân mật dễ dãi gì nữa, mà là một thứ vũ khí tấn công vào thế lực hợm hĩnh, lố bịch mà xã

hội nào cũng có thừa những đối tượng điển hình. Tiếng lóng đã sắm vai trò một công cụ *phê phán* những hiện tượng lố bịch tiêu cực trong xã hội. Nghệ thuật phê phán của tiếng lóng có phần tương tự với cái bài phong chèo: lố bịch hoá đối tượng để làm hạ giá, thậm chí lật tẩy sự giả hình được ngụy trang bằng những chiếc mặt nạ đẹp đẽ. Khi dân Sàigòn gọi Tổng thống của mình là Tổng htống hay Phủ đầu rồng thì ý nghĩa của những từ này không có tính cách bình thường, trung tính nữa. Những ai đã xem hề chèo đùa cợt nhân vật vẫn thường được gọi là lớp vai về chốn, đình trung, sẽ thấy rõ chất hài hước ở nhân vật hề chèo cũng là những viên đạn bọc đường bắn vào bọn người đạo đức giả. Biện pháp có khác nhau, nhưng nghệ thuật phê phán thì cùng đạt những mục tiêu giống nhau: tấn công vào cái xấu bằng cách phơi bày cái lố bịch, cái giả trá.

Ba nét đặc trưng trên đây nói lên tính phong cách của tiếng lóng, và cũng vì là tiếng nói có tính phong cách như thế chỉ sử dụng hạn hẹp trong một số ngữ cảnh đặc biệt nên tiếng lóng không được xem là loại ngôn từ phổ thông để đưa vào giáo dục nhà trường hay phương tiện truyền thông.

*
* *

Tiếng lóng luồn lách trong những ngõ ngách của xã hội, ngoài hè phố để tồn tại. Có quan niệm cho rằng tiếng lóng không có giá trị gì vì nó không phải là ngôn ngữ tiêu chuẩn, phổ thông, cho nên sử dụng tiếng lóng không khỏi làm vẩn đục ngôn ngữ. Nhưng hiện nay các nhà ngôn ngữ — nhất là trường phái miêu tả ở Mỹ — rất quan tâm đến các dạng ngôn ngữ xã hội, và vì thế không ai còn xem tiếng lóng là loại ngôn ngữ nhớp nhúa hạ cấp của bọn du thủ du thực vô học. Người ta tìm ra lý do tồn tại và giá trị xã hội của tiếng lóng. Trong lời tựa một sưu tập lớn các tiếng lóng ở Mỹ, tác giả tập sách đã cho rằng: "Bởi vì tiếng lóng không chuẩn mực, không lịch sự và không được chấp nhận trong mọi tình huống nên nó thường bị xem là thô tục, hạ cấp. Tuy nhiên, đại đa số các tiếng lóng không mang một ý nghĩa, âm hưởng hay hình ảnh gớm ghiếc nào. Không có lý do gì phải tránh không được sử dụng một tiếng lóng tốt, chính xác, chỉ vì nó bị gọi là tiếng lóng", (3). Mencken thì cho rằng tiếng lóng có khả năng tạo từ cao, có ý nghĩa phê phán mạnh và tính phong cách dồi dào: "Tiếng lóng hay nhất không những tài tình mưu trí, hóm hỉnh mà còn biểu hiện được ý tưởng phê phán, lên án xã hội." (4)

Tiếng lóng gắn bó với ngữ cảnh, cho nên nếu sử dụng đúng mức trong chừng mực của ngữ cảnh, tiếng lóng có giá trị biểu đạt phong phú như mọi phương tiện diễn đạt biểu trưng hoá khác của ngôn ngữ. Ngôn ngữ nào cũng có khuynh hướng tiết kiệm, muốn

diễn đạt tối đa một ý tưởng bằng một lượng ngôn từ tối thiểu. Những ngôn từ thuộc phạm trù này gồm có thành ngữ, quán ngữ, điển cố, và các loại thuật ngữ. Thiết tưởng cũng cần phải thêm vào bảng liệt kê này các loại biệt ngữ và tiếng lóng. Bàn về giá trị gợi tả của thành ngữ, quán ngữ hay điển cố trong ngôn ngữ thường ngày và ngôn ngữ văn học là một việc đã nhiều người làm, nhưng về giá trị sử dụng của loại tiếng xã hội như biệt ngữ và tiếng lóng thì hãy còn trong vòng tranh cãi. Văn học tỏ ra đã đánh giá đúng giá trị của biệt ngữ. Đọc lại đoạn văn nói chuyện uống trà trong truyện Nguyễn Tuân, ta sẽ gặp rất nhiều biệt ngữ của giới nho sĩ trí thức thời xưa và những lạc thú tinh thần của các cụ. Những lời nói một thời ấy nay chỉ còn là vang bóng mà thôi, cho nên tác giả đã rất thành công khi gợi lại cả một phong vị quá khứ qua phong cách sử dụng văn từ. Có thể tìm dễ dàng trong bất cứ trang sách nào những *chữ mắt* làm nên phong thái cổ kính của một thời dĩ vãng. Chẳng hạn câu này:

"Chủ khách *cả* cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa.
Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:
— Thỉnh thoảng có đi qua *tệ ấp* xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ; mỗi lần gặp, ta lại uống vài *tuần* nước. Hà, hà."

Ngôn từ trong ngữ cảnh thích hợp sẽ nói được nhiều hơn bao nhiêu dẫn giải dài dòng. Đây là giá trị sử dụng của biệt ngữ.

Cũng thế, tiếng lóng có giá trị biểu đạt mang tính phong cách của nó. Cũng thì để nói về người cha, có trường hợp ta nói *bố, thầy, ba, cha;* có khi ta cần biểu hiện lòng kính cẩn, nể trọng lại có thể gọi là ông *thân, thân sinh;* nhưng khi cần thoải mái thân mật, ta có thể nói dễ dãi là *ông già, ông cụ, ông bô, ông vịa.* Những tiếng sau cùng này lẫn quất vào kho tiếng lóng đã từ lâu. Một trường hợp khác: từ *đá* trong khung cảnh không gian khác nhau đã có nghĩa khác nhau. Ở bến xe lục tỉnh Sàigòn, *đá* có nghĩa là ăn vội vàng *(đá xê ri);* sang các trại tị nạn ở Mã lai, *đá* có nghĩa là bị bác đơn xin định cư ở nước thứ ba! Nhưng dù thế nào đi nữa, không thể dùng tiếng lóng *đá* với nghĩa đặc thù như thế trong một khung cảnh ngôn ngữ khác nếu không muốn bị xem là loạn ngữ. Những yếu tố thuộc ngữ cảnh, do vậy, có thể xem là những yếu tố gắn bó với ý nghĩa sử dụng tiếng lóng. Những yếu tố đó là yếu tố tâm lý người nói (tự qui ước mật ý nghĩa biểu hiện của từ ngữ, diễn đạt tình cảm, thái độ phê phán), yếu tố thời gian và không gian. Chúng tôi muốn thêm một yếu tố nữa: liều lượng. Trong khung cảnh bến xe miền Tây Saigon, một "khứa", "bụi" phải hiểu hết hệ thống tiếng lóng của tập thể thì mới được công nhận là người cùng hội cùng thuyền, và đó là một hình thức mật hiệu để nhận ra nhau. Tưởng tượng một người chuyên "đứng bến" đó nói chuyện văn

nhã như một người bình thường ngoài phố Sàigòn, sẽ thấy là bất thường! Tính phong cách của tiếng lóng đã qui định vị trí của nó trong xã hội. Nếu thừa nhận rằng một ngôn ngữ văn hoá là ngôn ngữ có khả năng biểu hiện phong phú các cấp độ phong cách ngôn ngữ, thì có thể nói tiếng lóng là bộ phận có chỗ đứng không thể phủ nhận được trong một cộng đồng ngôn ngữ; cho nên sử dụng tiếng lóng trong mức độ cho phép của ngữ cảnh thì không những không đánh mất sự trong sáng của ngôn ngữ mà chỉ làm phong phú đa dạng thêm tiếng nói của mình. Tuy nhiên, đâu là liều lượng cho phép để tiếng lóng còn giữ được tính phong cách của nó trong sinh hoạt ngôn ngữ? Tiếng lóng là một hiện tượng ngôn ngữ nói hơn là ngôn ngữ viết. Lạm dụng tiếng lóng trong văn viết — dù là văn báo chí — chỉ làm vẩn đục ngôn ngữ và không có giá trị truyền thông bao nhiêu, nếu không nói là làm mất giá ngôn ngữ. Vả chăng, tiếng lóng chỉ là loại ngôn từ riêng của một giới xã hội nào đó, thường được chuộng trong các tầng lớp dưới đáy xã hội; vì thế trong rất nhiều trường hợp, tiếng lóng thường được ứng tác vội vàng và không có chuẩn mực như ngôn ngữ phổ thông. Cho nên, để diễn tả khái niệm "rất đẹp, có giá trị hay phẩm chất cao", chúng ta nói *xuất sắc, đẹp quá, hay tuyệt...* sẽ có ý nghĩa biểu đạt cụ thể và phong phú hơn một tiếng lóng *hết sẩy!* Đây là một nhận thức có tầm quyết định đến giá trị của việc dạy và học tiếng mẹ đẻ trong gia đình và ngoài xã hội.

*L*à một phần của sinh hoạt lời nói trong cộng đồng ngôn ngữ, tiếng lóng của giới bình dân Saigon thể hiện tính cách đa dạng phong phú của sinh hoạt lời nói ở địa phương này. Là một cứ liệu của xã hội — ngôn ngữ học, tiếng lóng có thể khơi mở nhiều điều chỉ báo về mặt xã hội. Là một hiện tượng ngôn ngữ, tiếng lóng đóng góp một phần không nhỏ vào việc tìm hiểu ngữ nghĩa học. Nhưng trước hết, tiếng lóng là một sinh hoạt lời nói. Làm sao sử dụng lời nói để biểu đạt tính phong cách của nó mà không hại đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt phổ thông, đó là một câu hỏi đặt ra cho tất cả chúng ta, những người sử dụng ngôn ngữ.

Đoàn Xuân Kiên
3/87

---

(1) W Chafe, *Meaning and the structure of language*. Uni. Chicago Press, Chicago, 1970, tr. 45.
(2) Simeon Potter, *Our language*. Penguin, London, 1984, tr. 133.
(3) S.B. Flexner, *Dictionary of American slang*. Thomas Coowell, New York, 1967, tr. XIV.
(4) Mencken, *The American language*. Knoft, New York, 1936, tr. 556
(5) Nguyễn Tuân, "Những chiếc ấm đất", in *Vang bóng một thời*. Cảo thơm Saigon, 1962, tr. 53

Trần Hoài Thư

Cho con, mùa tựu trường.

Cuối cùng mùa hè cũng đã chấm dứt. Cuối cùng con cũng phải trả lại những ngày vui cho những chú sóc, chú chim, và mặt trời trong vườn. Cũng như ba ngày nhỏ dại, ba đã hiểu đất trời thì vui vô hạn, nhưng đôi khi mình không thể hưởng được trọn vẹn niềm ân sủng của đất trời. Phải đến trường. Phải giam mình bên khung cửa lớp. Phải nghe lại những lời giảng. Phải nhìn lại những bài học nặng nề. Và phải về nhà, không còn dịp để nhìn những chương trình cartoon hay đọc những trang Comic. Ba đã hiểu nỗi lòng của con nên cũng hơi bâng khuâng khi chở con đến trường ngày đầu năm học. Ba đã biết con vẫn còn nhớ đến những buổi lái xe đạp, hay chạy skate board rộn ràng trên những lối xi măng cùng bạn nhỏ. Con vẫn còn nhớ những buổi sáng có quyền dậy muộn, và buổi chiều có quyền về trễ, để mùa hè vui đến quên cả giờ ăn chiều. Và nhất là ở trên sân cỏ mà con đã bỏ lại phía sau, mới đó, một mùa hè là một chuỗi ngày mênh mang vô tận. Tiếng cười. Tiếng la. Tiếng gọi. Của con. Của bạn hữu. Của baseball. Của đấu bóng. Của bắn súng. Của bát ngát trời xanh và rực rỡ ngày nắng chan hoà. Ba đã hiểu tại sao con lại không nói. Có điều gì khiến con không được vui như xưa. Có điều gì khi con chẳng buồn nhìn lại con đường quen thuộc, những ngã tư đèn xanh đỏ, những hàng cây lá đã bắt đầu nhuốm vàng. Tại sao con không hồi hộp ngày được gặp lại bạn cũ, thầy xưa. Tại sao con không bao giờ kể cho ba là con có được một người bạn thân nhất, và một vị thầy con yêu mến nhất.

*
* *

Cuối cùng mùa hè cũng đã chấm dứt. Và một bầu trời trong xanh dạo nào, một mặt trời rực rỡ dạo nào, những hàng cây xanh ngắt dạo nào, cũng phải nhường lại cho một khoảng mênh mông hiu hắt, cho những áng mây buồn chẳng muốn trôi đi, cho một mặt

trời như ngủ quên dậy trễ, cho những ngọn lá nhuốm vàng và đã thấy rụng đầy trên sân trong đêm qua. Như con, ba yêu mùa hè, nhưng còn có nhiều kỷ niệm về một buổi nào khi bắt gặp những người bạn cũ, ông cai già cũ, chiếc trống trường cũ, và một thế giới cũ. Như một câu văn nào. *Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những áng mây bàng bạc.* Tuổi thơ của ba như thế đó. Nó đậu lại, nhưng chẳng bao giờ bay đi. Nó dịu dàng ngủ yên, để rồi dịu dàng trở lại khi mình khôn lớn. Như buổi sáng vào ngày tựu trường này. Như nhìn lại con ngồi yên lặng bên ba. Nhưng ba biết, cái thế giới cũ ấy làm sao con tìm gặp được, ở đây.

*
* *

*B*a vẫn còn nhớ ngày ấy con sáu tuổi. Đất Mỹ đã làm con thích thú và kinh ngạc. Chiếc xe chữa lửa màu đỏ thắm, chạy hú còi trên con đường ở vùng Chevy Chase đã làm con vỗ tay reo mừng: xe chữa lửa. Ba ơi xe chữa lửa. Con ngựa mà thầy cảnh sát cỡi mỗi ngày qua lại trước apartment cũng làm con như nín thở. Những hàng đồ chơi từ bên trong khung cửa kính cũng làm con bỏ mặc ba mẹ để nhìn đến thèm thuồng. Cái thế giới ấy đã vượt lên tầm mắt của con giữa lúc con chỉ biết rằng, ba chưa về để gặp con, vì ba còn ở trong tù, và mẹ thì gian truân vì ba xa cách. Cái thế giới ấy là cơn mơ. Và bây giờ, con đã tìm đến thế giới ấy. Bằng đôi chân nhỏ bé vô cùng của kiếp đời tỵ nạn. Bằng đôi vai nhỏ bé vô cùng của thằng bé Việt Nam. Bằng con tim vô tội vô cùng của đứa trẻ đã được may mắn sau những ngày đói khát tuyệt vọng trên biển cả, giữa mã tấu của cướp biển, và sóng cuồng nộ đập vào mạn con thuyền. Cũng như ba, con đã bỏ Việt Nam. Nhưng may mắn hơn ba, vì con ít ra chưa hiểu thế nào là người mất đất nước.

Đối với con, thế giới nào cũng là thế giới xinh đẹp. Vẫn là thế giới của thơ ngây, tìm tòi, và nhiều cơn mơ. Vẫn là thế giới của những con chiên nhỏ, tinh nghịch, và thích bè bạn. Bởi vậy, ngày đầu tiên con đến trường Mỹ, con vẫn can đảm bước theo ba đến văn phòng, ôi, một tâm hồn can đảm làm sao! Ngày xưa, ba đã khóc, đã bấu chặt vào tay mẹ trong buổi học đầu đời. Ngày xưa, bà nội con đã đứng suốt buổi trước lớp, để khuyến khích ba, an ủi ba, để nói với ba bằng ánh mắt rằng, mẹ không bỏ con đâu, đừng sợ cái roi mây và cặp kính hung dữ của thầy. Có mẹ ở đây. Dù vậy, ba vẫn còn tấm tức khóc. Ba vẫn còn thấy rằng bà nội con không thương ba, dù bà nội con đã bỏ nguyên một ngày chợ. Bây giờ, con không có ba mẹ ở bên cạnh trong buổi thử thách nhất của thuở học trò. Mẹ làm dấu, ba cũng làm dấu, để cho bà giáo Mỹ biết rằng con cần có ba mẹ, nhưng người ta đã không cho phép. Người ta đã không biết có một đứa bé con sáu tuổi, không biết cả một tiếng

người, không có cả một hình ảnh thân thuộc như một mái tóc đen, một màu da vàng, xa lạ đến bi thảm, lại phải chịu đựng một cách kỳ diệu đến như vậy... Ngày xưa, chỉ trong giờ chơi đầu của buổi tựu trường, ba đã có bạn nhỏ.Bởi vì ba và bạn nhỏ cùng có tiếng nói, cùng có chung tâm trạng, cùng chung hàng xóm. Bây giờ tiếng nói của con ở đâu? Tâm trạng của con có ai biết được? Làng xóm của con có ai lớn lên để biết chung một con đường đi học, một lối trở về, một con dốc đi lên, đi xuống, một hồ rau muống để ghé lại nghe tiếng dế lạc loài gáy nho nhỏ?

*
* *

Bởi vì con không có con đường thân thuộc như ba đã có ngày nào, nên chuyến xe bus vàng đã đưa con về một nơi mà bây giờ, nhớ lại ba phải hãi hùng. Người ta nói lớp mẫu giáo bãi mười hai giờ, nhưng đến một giờ ba vẫn chưa thấy con trở về. Mẹ cứ nhìn xuống đường, ôm tim, ôm ngực. Mỗi một lần thấy chuyến xe bus màu vàng chạy ngang rồi đậu lại để đổ xuống đám học trò Mỹ, là mỗi lần ba chạy đến, để hy vọng có con. Nhưng rồi con vẫn chưa về. Ba nhờ người quen gọi điện thoại đến trường. Người ta bảo là chuyến xe cuối cùng đã chấm dứt. Không còn chuyến nào nữa. Bà thơ ký tốt bụng và đầy trách nhiệm đã thông báo cùng bà giáo phụ trách lớp con. Cả trường xôn xao. Bà giáo tự lái xe đi tìm. Ba thì điên cuồng, chạy xuống phố. Bỗng ba thấy từ xa dáng bé nhỏ của con — thằng bé sáu tuổi — đang băng qua đường. Ba thấy cả dòng xe cộ tấp nập đang phóng trên đường. Ba thấy cả đèn xanh. Ba chỉ biết la và chạy. Tiếng la của ba xa hàng trăm thước loãng cùng tiếng động cơ và tiếng còi. Xe đầu đã dừng lại. Mấy chục chiếc xe đã dừng lại. Và xe sau đang bóp còi nhắc xe trước...

Ba đã chạy ào đến, ôm con mà lòng như vừa trút bỏ một khối đá tảng. Con vẫn không hiểu. Con chỉ nói; *thấy bọn nó xuống xe là con xuống xe. Con nhỏ ở cùng chỗ mình xuống xe là con xuống theo. Ba đã dặn con mà*... Phải ba đã dặn con, dặn rất kỹ. Nhưng ba đã làm sao biết, đôi khi, có những điều mình không thể ngờ. Chẳng hạn con bé ấy có nhà bà nội hay bà ngoại hay dì cô để nó có thể xuống ở lại một ngày. Phải, ba làm sao biết được. Chẳng hạn chuyện tự nhiên cả Việt Nam của ba bị cướp đoạt, và tự nhiên ba mẹ và con lại có mặt tại một cõi xa lạ đến độ không ngờ này.

*
* *

Từ buổi học đầu đời ấy con vẫn tiếp tục đến trường, đến lớp bằng sự can đảm, chịu đựng rất thầm lặng. Từ những ngày không biết một tiếng Anh, và không bạn nhỏ, con đã tiến lên, đôi chân vững chãi. Từ những ngày ba mẹ đi làm, con mang cặp đi đi về về giữa những bulding cao ngất, qua những đèn xanh đỏ, hay những

ngôi nhà đáng ghi nhớ! *"Nhà này có ma", "nhà này có thằng khùng..."* Cầu mong cho con có những kỷ niệm để sau này còn bâng khuâng khi trở lại. Con đã biết đứng trên ba viên gạch để mở khoá cửa dưới, và biết mở điện để mở cửa lầu hai. Con đã biết chịu đựng cùng tuổi thơ trong những ngày bão tuyết, hay những buổi thầm lặng cùng căn phòng trong lúc ba mẹ đi làm. Ở tuổi con, ba đã có xung quanh là thế giới yêu thương đùm bọc, là cõi săn sóc trìu mến. Như những buổi học về, bà nội con đã có bên cạnh để cho ba vài đồng bạc cắc. Như những ngày mưa đột ngột, dì của ba đã mang chiếc áo mưa tới tận trường. Thế giới ấy đã làm ba cảm thấy nhỏ bé lại vô cùng. Có phải hạnh phúc của một đời người là biết mình một lần được nhỏ bé? Còn con, ba hiểu, con không có dịp để được bé nhỏ. Bởi vì, con phải cần chiến đấu, can đảm để chiến đấu.

*
* *

Con chiến đấu như con chim vô tội. Từ ngôi trường ở Chevy Chase con lại về ngôi trường ở Logan. Logan hay Lò gan. Lò gan có những bức tường vôi vẽ dày đặc chữ. Lò gan có buổi đêm không ai dám ra ngoài. Lò gan có ngôi trường chỉ dành cho những đứa bé thuộc gia đình lợi tức thấp. Lò gan nơi chúng ta thử thách, nơi ba mẹ nhìn xuống đường từ khung cửa sổ của một lầu hai mà mơ tưởng đến một ngày được rời bỏ. Con đã đến trường. Và ba cũng đã đến trường. Mẹ thì đi làm lao động. Ngày tựu trường, ba lại dẫn con đi, và đọc lại cho con nghe những câu mà ba ưa thích: Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc. Lớp hai, con ngây thơ hỏi đám mây bàng bạc là gì. Ba nhìn lên bầu trời, qua những vòm lá đã trổ vàng, thấy bầu trời xám trắng. Đám mây bàng bạc ấy ở đâu? Bạn nhỏ ấy ở đâu, những cậu học trò nhỏ bé nép dưới nón mẹ ấy ở đâu? Nhưng không sao, con không thắc mắc nữa. Ở đâu cũng vậy, trường nào cũng vậy, dù ở Chevy Chase, tóc vàng mắt xanh, dù ở Birney, da đen tóc quắn. Con vẫn đến, xa lạ và bình thản. Con vẫn đi không mẹ không ba. Con vẫn về không ai rước đón.

*
* *

Cuối cùng, chúng ta đã rời bỏ Lò gan. Đất Mỹ là đất của cơ hội. Con và mẹ đã quì lạy cảm tạ Trời Phật khi nghe tin từ đầu dây điện thoại phòng nhân viên cho biết ba đã được tuyển chọn. Con cũng hiểu là ba đã trải qua ba chặng đường phỏng vấn, qua cả thảy 10 người. Con cũng biết về cái hãng hầu như thấy trên màn ảnh mỗi ngày mỗi giờ. Ba đã chiến đấu. Và con cũng vậy. Ba chiến đấu vì cơm áo, vì danh dự. Con, với con tim bé nhỏ, với đôi chân khẳng khiu, với màu da vàng, với ánh mắt xa lạ, chiến đấu vì gì? Có lẽ con cũng không đủ trí khôn để hiểu về hai chữ to lớn đó, nhưng ba phải

cảm ơn con. Con chim nhỏ bé đang lớn lên, để mỗi ngày thấy rõ hơn về đời, về thân phận, về những gì ở xa hơn, bên kia khu vườn Leland. Con chiến đấu cùng hẩm hiu, cô độc. Con chiến đấu vì vắng bóng những đứa bạn cùng màu da, giọng nói. Con chiến đấu vì lịch sử Mỹ, ngôn ngữ Mỹ xa lạ đối với con. Ba đã đi học gần 4 năm, và ba cũng đã hiểu nỗi chiến đấu của con. Không những ở đây mà còn ở một nơi mù mờ trí nhớ. Như thằng bé Trung của con đã viết trong cái truyện được giải đầu toàn vùng vào năm 6th grade.

... Nobody knows what happened to Trung after that. Some people said that this story never happened, but it did. There are people out their risking their lives to build the "New" Vietnam, without communists. It takes courage and pride to do that. It runs in my heritage. There wouldn't be Dai Co Viet or Viet Nam without a heritage.

Trần Hoài Thư

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu. Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

Nguyễn Bá Trạc

Thơ cuối tháng 8, 1987

2. ĐI GIỮA THỜI GIAN.

Hè sắp qua. Mùa thu sắp sang
Một buổi mai, bỗng mặt trời buồn
Đêm buông xuống ánh trăng lạnh ngắt
Trên cánh đồng, hoa rụng hết hương thơm.

Suốt mặt đất, cỏ cây nín lặng
Những mầu xanh sắp chuyển qua vàng
Chợt ánh sáng muốn tan theo bóng tối
Còn linh hồn mỗi lúc một hoang mang

Phút hiện tại đang trở thành dĩ vãng
Mọi vui buồn nhuốm bụi thời gian
Những thi thể trên chiến trường rữa nát
Sắp phủ đầy lá úa lúc thu sang

Giữa đêm tối, biển mênh mông sóng vỗ
Nước mặn như nước mắt ngấm đầy khoang
Trong im lặng, những vì sao lấp lánh
Dẫn con thuyền cập bến đảo hoang.

2. TA LÀ CON CHIM LỠ ĂN TRÁI ĐẮNG

Ta là con chim hạ cánh nơi đây
tìm chút hương thơm dịu dàng
Một cơn mơ trắng mê say từ những cung đàn
Nỗi sầu che kín khi ai lạc phím tơ chùng
Ngậm ngùi, lúc không chờ không mong.

Nhịp cầu chợt đến như cơn mơ mộng
Cả hồn chìm đắm trong câu thơ nồng
Ta là băng giá nghe em
Ta là câu hát chưa quên

Bước ta đi nhịp sầu tan vỡ thương đau
nhưng lòng ta là ánh mặt trời gửi đến bên nhau

Ta là con chim tạm trú nơi đây
nhưng ta còn đi khắp cả bầu trời

Hãy nở nụ cười xanh nắng lúc ra đi
Hãy nở nụ cười chào lúc ra đi
Vài cuốn sách cho tâm hồn đỡ vắng
Vài xấp giấy cho tâm hồn đỡ nặng

Đi làm sao cho suốt thời gian với linh hồn trĩu nặng ?
Khóc làm sao cho hết những điêu tàn ?

Hãy hát đi một bài hát nữa
cho thiên thần bay lượn giữa thinh không
Hãy hát thực, một lần đi, hãy hát
những bài ca sâu kín nhất trong lòng
Ta là con chim chót ăn trái đắng
Là cơn mơ giữa trời thanh vắng
Ta là mây trôi về phía chân trời
Ta là cây gai trổ từ trái đắng
Ta là con chim sẽ tìm ra nắng.

3. TRỐN ĐI BIỆT TÍCH

Tôi trốn đi biệt tích ở một miền
Đi một mình nhìn vẻ đẹp không quen
Trong khoảnh khắc tôi đưa tay nắm lấy
Tất cả sắc mầu còn lại trong tim.

Tôi đến một miền bước đi kỳ cục,
nói những điều kỳ cục, tất cả là kỳ cục
Tôi ngồi đây hái trộm hương thơm
những đoá hoa tự cõi trời rớt xuống
những bước chân ngoài phố. Những đứa trẻ con

Nơi thánh địa những linh hồn thất lạc

Trên vỉa hè trắng muốt cuộc đời trôi
Giữa đau khổ, nhục nhằn và thánh thiện
Cõi thiên đàng của những loài chim

Tôi ẩn trốn. Thử làm mình mất tích
Tôi để cho cuộc sống bước ngang
Tôi ngồi bệch giữa niềm vui nhỏ mọn
Tự xem mình chẳng đáng một xu con

Cây bút chạy đuổi theo đời sống
Bà mẹ tóc vàng và đứa trẻ con
Ba đứa bé cởi trần đi xe đạp
Cao lênh khênh một gã da đen
Tôi tham dự hay không tham dự ?
Ở chốn này một gã không tên
Tôi nhìn ngắm lòng tôi từ tất cả
Vẻ đáng yêu của những người câm
Ôi đẹp lắm nụ cười đã nở
Tất cả thơ đã nở trong hồn
Trên đường phố cuộc đời tiếp diễn
như chuyến xe chuyên chở khắp miền
Tôi cười với nụ cười đứa bé
Chào cuộc đời từ gã không quen

Tôi biến mất tự thời hoa bướm lại
Khi tấm lòng thắt chặt tối tăm
Tôi lại hiện ra giữa vùng ánh sáng
trên mái nhà, trên cánh cửa xanh
Hãy khép mở như linh hồn chú nhỏ
Hãy mỉm cười cho suốt cuộc thời gian
Giả vờ đắng, làm trò nghệ thuật
như bọn đàn bà đội cái nón rơm

Đội sao hết bầu trời chim chóc ?
bỏ mình tôi giữa buổi chiều buồn
Buồn hay vui nói bao giờ hết
Chữ đặt bầy như mực và son
Tôi ghi xuống khi tấm lòng rộn rã
Nghệ thuật này chẳng đáng một xu con

Nhưng tất cả đây vẫn là nghệ thuật
Trên trang giấy này, ánh nắng hãy còn
Tia nắng chiếu qua màng mạng nhện

Tia mặt trời vẫn đỏ như son
Hỡi tia nắng hoa vàng thắm đạm
Hỡi môi hồng tơ tóc thinh không

Nếu tất cả thì đây là tất cả
Nếu bảo không thì cũng là không
Tôi biết lắm những cơn mơ chợt đến
Cứ để tôi tiếp tục mơ mòng
Đừng giật mình chú chim bay mất
để tiếng ve sầu, sầu mãi trên không
Đừng phá vỡ dẫu mơ hay thực
để điêu tàn như khói và than
Đừng làm mất phút giây khó kiếm
Đừng ngắn ngừ câu nói chưa quen
Nếu tất cả sẽ là im lặng
Là không gian là cả thời gian
Là vũ trụ trong góc nhìn từ ánh nắng
Là tim mình thả lỏng giữa không gian
Là nắng mới hay dẫu là nắng cũ
Là anh em hạnh phúc vô ngần
Là ánh sáng tỏa ra từ tóc bạc
Là đoá hoa nở mãi giữa thời gian

Sẽ đủ chỗ cho tất cả những linh hồn khắc khoải
Sẽ vẹn toàn như trước và sau
Như bực thang leo lên không lạc lối
Như thinh không thả xuống tiếng chuông

Tôi thả lỏng hồn tôi đi giữa vùng điên dại
để trở về yêu mãi những người thân và chưa thân
để thế giới vẫn còn mãi mãi
để muôn đời là đứa trẻ con

Bởi vì tôi muốn tôi trôi, tôi trôi
Bởi vì tôi biết tôi trôi hay trời muốn tôi trôi
Tôi là mây hay tôi là người
Hãy giữ riêng đi chùm mật đắng
Đừng nói chi đây mấy chuyện tàn phai
Khắp thế giới mặt trời là có thực
Từ cửa sổ này, thế giới đu sang
Tôi nới lỏng linh hồn bám lấy
Như ở bên này là một chiếc đà ngang

Tôi trốn đi biệt tích ở một miền
Không có cả mình, không có những người quen
Khi thức giấc, không thấy mình kỳ cục
Những đoá hoa tự trời rớt xuống hương thơm

Hãy khoét đi nào hãy khóc tựa trẻ con
Hãy để mình tôi bất hạnh một mình
Hãy khóc mãi tận cùng vũ trụ
Hãy khóc đi một hợp âm buồn
Khóc cho hết cả muôn ngàn kiếp trước
Khóc cho rơi cho rụng hết tim gan

Hỡi thinh không một mặt trời buồn
Mưa cho hết những ngày những tháng
Tìm cho ra những hợp âm quen
Tôi khóc cho tôi một khúc đàn
Lỡ khi người khóc theo đàn khóc
Lỡ khi mình lỡ để lòng mềm

Tôi sẽ nói giờ này những gì đơn giản
như cuộc đời và những cơn điên
Đừng giả thử nụ hoa hồng không nở
Mà giữ bên nhau mãi những muộn phiền
Sẽ có lúc chính mình không biết khóc
Suốt thời gian, mỉm một nụ cười
Điều bí mật đã từng phân giải
như nỗi sầu từ thủa đôi mươi

Tôi bơi trong tư tưởng một mình
như chú chim đậu ở cành chanh
giữa vẻ đẹp chưa bao giờ phân phối
mà vẫn thơ là nỗi cực hình
Một thế giới không cách gì ngăn chận
ánh mặt trời rọi xuống tự thinh không
Thế giới, điều gì ta nghĩ đến
như mặt trời và những cánh chim

Khi ánh sáng hiện ra, ai có quyền giải thích
Bọn chúng ta hay lũ trẻ con ?
Khi lẫn lộn những tiên tri thật giả
Có còn ai biết mặt trời buồn ?
Có còn ai biết thế gian buồn ?

21th 8, 87
Nguyễn Bá Trạc

Đặng Thị Quế Phượng

Dâu bể.

1

*M*ột khúc hát xưa cũ. Con đường phố nhỏ, người qua lại lai rai sau một cơn mưa lũ. Vài đôi vợ chồng già từ tiệm cà phê bước ra, thong dong dừng lại nghe. Một chủ tiệm vải đứng tuổi ra trước cửa đứng hát ngóng theo ư ử...

Tôi dừng lại cách ông ta vài thước, kín đáo gom mớ tiền lẻ trong giỏ xách thành một nắm nhỏ. Lúc bỏ tiền vào cái vỏ của cây đàn guitar xong, ngẩng lên bắt gặp ánh mắt cười vui với nhiều ngạc nhiên, thắc mắc của ông ta, tôi ngượng ngập lỉn đi dù biết là không có gì để ngượng ngập khi cho tiền một người hát rong.

Mua bình sữa cho con xong, từ tiệm đi ra bài hát đã dứt, chỉ còn khúc dạo. Sẵn cái miệng đang rảnh nhằm lúc tôi đi qua, ông nói vói theo:

— Cảm ơn cô, mong gặp lại cô.

Tôi phải cảm ơn ông ta thì đúng hơn, cảm ơn đã chọn địa điểm này, đã chọn chiều nay, và cảm ơn đã hát bài hát xưa đó. Bất giác tôi hiểu cái nhìn của ông ta. Ông bạn ơi! Tôi cũng đã già rồi. Khá nửa đời người, đủ già để yêu thích bài hát cũ kia.

Buổi tối, khi Chương nghe xong câu chuyện về bài hát rong. Tôi lại được dịp thấy trên gương mặt khắc nhiều nét thời gian của chàng nỗi vui dịu dàng, hạnh phúc. Sau khi hát lại cho tôi nghe bài hát xưa, bài hát đã mở đầu cho một cuộc tình đầy gai góc, lận đận, hết gặp gỡ rồi chia tay đến chia tay rồi gặp gỡ, kéo dài mất mười hai năm, Chương nói:

— Chỉ có những "đôi mắt người... Tây phương" mới có thể lầm cái vẻ gái già... một con của vợ anh với các cô con nít tóc vàng

mắt xanh được, chứ anh thì dù có muốn lắm cũng chẳng được thật uổng quá.

Tôi bắt gặp tôi cười trong mắt Chương, đôi mắt người Sơn Tây.

2

*H*uân nhìn tấm bích chương tỉ mỉ. Thở phào khi thấy không có một trục trặc sơ hở nào do tánh lơ đãng của mình. Một ngày làm việc mới qua đi có một nửa. Nhìn ra ngoài kia, nắng trong và ấm. Bên kia dòng kinh đào nhỏ là công viên xanh mướt cỏ, tài tử giai nhân đang nằm phơi nắng, trần trụi như thuở mới khai thiên lập địa. Kiểu này thì trách chi đời chẳng còn ai hát "Nắng Saigon anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông..." Không dưng Huân thấy nhớ Nhạn vô cùng. Nhạn, cô nhân viên trẻ của Huân ngày xưa. Nhạn với mái tóc dày, đen và dài. Nhạn với nụ cười rất quyến rũ, có duyên một cách kín đáo, kín đáo như lối ăn mặc của nàng. So với những gì đang diễn ra trước mắt Huân ở đây, bóng hình của nàng càng làm cho Huân ray rứt. Thuở đó, trong bối cảnh đen ngòm của đất nước, Huân không làm sao quên được những dịp hiếm hoi được thấy Nhạn e ấp giấu vẻ đẹp thanh mảnh của nàng sau tà áo dài. Nhạn trong trái tim của Huân là biểu tượng của dịu dàng đến mong manh, của nề nếp mà nên thơ, êm đềm và huyễn hoặc một cách rất Đông phương. Nhạn bỗng bay biến đi vì tiếng nói chuyện xôn xao và tiếng giày khua lóc cóc, lộp cộp, giờ nghỉ ăn trưa đã đến... Ngày qua đi....

Đêm. Huân thong thả châm điếu thuốc, thong thả thở dài. Trong tờ nguyệt san văn chương Việt Nam kỳ này, chàng mới đọc bài của một trụ nào đó ở một tiểu bang khuất tịch, xa hẳn cộng đồng Việt Nam. Anh ta có một ao ước đơn giản: Nghe lại tiếng *Dạ*. Tiếng *Dạ* mà theo anh chàng kể, nó quyến rũ, nhu mì, ngoan ngoản ngây thơ, êm đềm tha thiết, dễ thương vô cùng. Tiếng *Dạ* chỉ duy Việt Nam mới có đó đang còn ở lại Việt Nam của một người "tóc mai sợi vấn sợi dài, lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm" nào đó. Bài viết tuy ngắn ngủi mà hàm chứa một rung động sâu xa. Đọc xong Huân tự hỏi: Tiếng *Dạ* này biết đâu lại không phải của Nhạn. Nhạn nhân viên của chàng có thể là người yêu của một người yêu lắm chứ. Huân ngờ quá! Và Huân buồn quá! Nhạn, người nhân viên trẻ tuổi, thuở xưa của chàng với tiếng dạ rất ôn nhu làm liên tưởng đến một dòng nước mát đang reo ca lách mình qua ngõ hẹp của phận người, đã nhờ đó mà ổn định một địa vị rất trân trọng, cao vời, thanh quý trong tim Huân, càng có nhiều lý do để là tác giả của tiếng dạ được diễn tả là một không hai trong đời của một kẻ khác.

Nhạn ơi ! Bây giờ Nhạn đang ở đâu ? Nhạn có đang *dạ* đáp lời tôi như ngày xưa?

3

"... à ! còn nữa ! Chị nhớ cho em gởi lời thăm cây gòn nha! Cây gòn nằm trong sân để xe của xí nghiệp, ngang phía cửa phòng kỹ thuật đó. Em đang tưởng tượng mùa này ở Việt Nam chắc trời xanh lắm, không khí có mùi thơm như mùi mật và nắng trong veo, còn cây gòn thì đong đầy trái. Từ dưới nhìn lên, cây đã cao càng cao hơn như để được gần với trời xanh. Làm sao em quên được, dưới bóng mát thanh bình vô lượng đó của cây gòn, bao nhiêu vở tuồng đời đã được diễn xuất bởi những con người trầm luân (giọng điệu của Lý văn Toàn đây!) Em rất thích cây gòn vì vẻ im lặng đầy hiểu biết của nó. Em có cảm tưởng như cây gòn hiểu tất cả, cây gòn tỏa bóng mát bao dung để hoà giải hết những nỗi đời cùng cực mà tụi mình đã từng trải qua bên nhau. Cây gòn không nói gì hết, như trời xanh. Cây gòn âm thầm chia sẻ tất cả mà không nói gì cả như biểu tượng của triết lý thiên hà ngôn tai. Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên. *Thúy nghe lời em đi. Những khi buồn bực, không còn em đó để nghe, Thúy hãy kể cho cây gòn nghe. Cây gòn sẽ thay em mà nhắn với Thúy những gì cần thiết, cần thiết để tiếp tục sống. Tin em đi Thúy. Suýt quên chuyện này nữa! nghe nói Lý văn Toàn hỏi thăm tin tức của em hả? Thúy còn nhớ cái bài gì mà trong vụ động viên nghĩa vụ quốc tế, tụi mình vẫn bị nghe ra rả mỗi ngày: "Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao, dù đạn bom không ngừng thét gào, ta vẫn còn hái hoa tặng nhau"! Có một hôm, Lý văn Toàn đi chạy "vật tư", bị bể mánh sao đó mà xụi lơ lúc đến bàn làm việc của em để trả lại tấm chèque, anh chàng mếu máo hát thật nhỏ "Cuộc đời chẳng làm sao, tình yêu chẳng làm sao", sau đó em và hắn cùng cười đến chảy cả nước mắt, đoạn cả trường. Bây giờ em vẫn vậy thôi. Nhắn với Toàn là cuộc đời em vẫn chẳng làm sao và tình yêu cũng chưa có làm sao cả. Em vẫn vậy và em vẫn vui. Mong rằng đây cũng là tâm cảnh của tất cả mọi người, nhất là của Thúy, nhé."...*

Đọc lại lá thư xong, trong khi nắn nót tên chị Thúy và địa chỉ ở Việt Nam, nhìn nét chữ đẹp của mình, tôi chợt nhớ Thuyên. Nhờ bài thơ ngắn bỏ trong hộc tủ bàn làm việc của tôi trước ngày Thuyên bỏ đi vượt biển, biệt tích. Nếu ngày nào bất ngờ gặp lại Thuyên trên trái đất này (Biết đâu được! đời mà!), tôi sẽ nói với Thuyên rằng tôi vẫn vậy, vẫn vậy theo nghĩa trong bài thơ nhỏ của Thuyên đề tặng tôi:

Chữ viết như rồng bay
Một đời làm phượng múa
Giữa bụi hồng loay hoay.

Đặng Thị Quế Phượng

Triều Khê

Văn chương, cách thế diễn tả hay phương tiện tranh đấu chính trị.

Trong số Văn Học số 18 tháng 7-87, bài "Xin được lần cuối gọi bằng Anh" của Nguyễn văn Sâm, tôi được đọc những dòng nhận định về nhà văn Bình nguyên Lộc và Mai Thảo. Sau ba tháng nay, chưa thấy vị thức giả nào lên tiếng về những nhận định đó, tôi xin đánh bạo góp ý.

Đại ý tác giả muốn nói — nếu tôi diễn dịch không lầm — là nhà văn họ Tô chỉ *viết theo một lộ trình đã vạch sẵn*, chỉ viết ra *một nỗi lòng, một tình cảm nội tại khác với lòng yêu nước là một tình cảm có được do những chứng kiến chuyện xảy ra bên ngoài cá nhân.* Tác giả cũng gọi "Nhốt gió" (1951) là một hình thức văn chương chống Pháp biến dạng... và BNL *đã xa lần những điều được trình bầy mấy năm trước đó bởi các nhà văn thời này: Vũ anh Khanh, Lý văn Sâm.* Tác giả nói đến *con đường chánh* mà BNL không theo, vì BNL *đã không nói lên những lời buộc tội bọn đã làm ta mất nước.*

Theo thiển kiến của tôi, *con đường chánh* mà tác giả nói là con đường Vũ anh Khanh và Lý văn Sâm và đại đa số dân chúng đã theo hồi đó. Tôi không nói là đường mà L.V.S. đang theo bây giờ ở bên nhà, nghe nói L.V.S. là một thứ quan lớn văn nghệ, con đường đó nếu BNL không theo, chúng ta không tiếc gì điều ấy, mà phải hoan hô BNL.

Nỗi day dứt, khổ tâm của thanh niên họ Tô và các thanh niên cùng thời cũng là nỗi khổ tâm của các chiến sĩ quốc gia thời đó chiêu bài chống Pháp, kháng chiến đã bị thiên hạ lanh chân lẹ tay cướp mất, lợi dụng được cái thế nhân dân. Các đảng phái quốc gia thì chậm chạp, phân hoá. Thời đó tôi là một học sinh rất mê văn L.V.S. rất hăng hái đi dự biểu tình truy điệu Trần văn Ơn. Thanh niên lớn (cỡ 35, 36) họ Tô cũng không ưa gì người Pháp thực dân,

ông đã bất hợp tác với họ. Muốn theo con đường chánh (theo tác giả), chỉ còn cách ra khỏi vùng tề để kháng chiến theo một đảng quốc gia của mình. Điều này thì hơi khó. Làm sao viết văn chống cộng sản và chống Pháp thực dân cùng một lúc? Những kẻ làm ta mất nước?

Chúng ta, phía không cộng sản, đã có một khoảng trống chính trị và văn học đáng lẽ phải có, rất đáng tiếc. (Phải chăng, vì thế Võ Phiến chỉ bắt đầu tổng quan văn học VN từ 1954 mà thôi?). Ở lại vùng Pháp tạm chiếm không hẳn là theo Pháp, nhưng chống Pháp thì bị mật thám, phòng nhì bắt. Vậy thì thanh niên BNL phải làm gì để bộc lộ hết tài hoa của mình ở vùng tạm chiếm? Sau năm 1945 đã có nhà văn nào nổi danh vẫn ở vùng kiểm soát của Pháp để viết văn chống cộng và chống Pháp một lượt, hoặc có nhà văn nào nổi danh sống trong chiến khu quốc gia chống Việt minh và xâm lăng Pháp cùng một lúc?

BNL cũng như những nhà văn khác cùng thời ở Hà nội, ở Huế ở vào một thế kẹt. Nhưng nếu đi đến kết luận là BNL *không nói lên những lời buộc tội bọn đã làm ta mất nước*, ý tác giả muốn nói giặc Pháp, Việt gian và cộng sản, tôi tưởng có quá vội vàng chăng? Theo tôi, BNL trước 75 viết cũng có ý thức hệ, chẳng hạn như truyện "Rung cây dừa" của BNL, dựa theo một truyện ngoại quốc, ngẫm ra có tư tưởng chống cộng sản nguyên thủy và cả cộng sản tân thời nữa, rất nhẹ nhàng nhưng thâm thúy. Nguyên tắc không thay đổi của cộng sản đời nào cũng vậy, có lao động thì có ăn, không lao động hay hết sức lao động vì lý do nào đó, già, yếu, ốm đau đều bị thản nhiên loại trừ khỏi xã hội không thương tiếc.

Về mặt ý thức hệ, về tư tưởng chống độc tài, bất công, tôi nghĩ các nhà văn nhà thơ có nhiều cách chống. Bằng cách này hay cách khác. Bằng văn phong A hay văn phong B, chống hùng hổ, mạnh bạo, hời hợt hay chống nhẹ nhàng, sâu sắc, thâm thúy cũng là chống. BNL không làm thơ hào hùng như Bắc Phong, không chống triệt để như Tưởng Năng Tiến, đại chúng như Võ Kỳ Điền, hài hước như Hải Bằng. Nhưng ông có cách chống của riêng ông. Ông chống đàm đàm, dí dỏm theo cách thế của ông.

Xin lấy ý của Tuấn Huy nói về BNL một cách nhẹ nhàng, cẩn trọng: *Trong văn ông (BNL) cũng như ở bên ngoài đời sống ông như có một cái gì dè dặt, e ngại, không muốn đề cập đến chuyện chính trị...* nhưng rồi trước sau gì *đã nhìn thấy ở ông một thái độ ngời sáng dứt khoát về hiện tình đất nước, về chế độ cộng sản, về anh em bằng hữu còn bị tù đầy, về những thế hệ trẻ đang bị đầu độc và bị nhuộm đỏ...* để rồi Tuấn Huy thấy rõ khi đọc "Mùi hương quê mẹ" của BNL trên Quê Mẹ ở Pháp, *thắc mắc* của Tuấn Huy *đã được giải tỏa phần nào* vì *BNL đã cho người đọc thấy rõ cái tâm trạng đắng cay của một kẻ sĩ khi nước mất nhà tan* (cũng trong số

Văn Học đã dẫn).

Như vậy chúng ta không thể bảo BNL phải nắm tay hô lớn đả đảo, hoan hô hay đập phá mạnh tay được. Ngoài ra, trong tờ "Thằng Mõ" ở San Jose, Mõ 87 đã cho biết BNL đang dự tính hoàn tất một trường thiên tiểu thuyết về mười năm dưới chế độ cộng sản nữa. Nhà văn Hải Bằng- được coi như rất thân cận BNL- thuật rằng có lần BNL nói: *Đất nước mình tệ quá, trường hợp anh Trọng Tấu, người có trong tay ba bốn nghề chuyên môn, mà nay vẫn phải bó tay đói dài.* Đó đã đủ là một lời lên án chế độ hay chưa? Đất nước đẹp đẽ, người tài, tại sao phải chịu đói? Ai gây ra tình trạng đói khổ đó?

Một chứng cớ to lớn nhất, điển hình nhất, rõ ràng chính xác nhất, đáng tin cậy nhất là BNL đã bất hợp tác với kẻ địch khi còn bị kẹt lại quê nhà. Xin xem lại những bài của Mai Thảo, Nhất Giang, đặc biệt là Nhất Giang, tôi nghĩ là người có thẩm quyền vì đã trực-tiếp tiếp xúc với các văn nghệ sĩ "ngụy" và các quan văn nghệ cộng sản sau ngày mất nước, nói về sĩ khí của BNL. Xin đọc để thấy việc rửa tay treo kiếm tạm thời của BNL, để thấy tiết tháo và cũng là thái độ chống đối ngấm ngầm, khôn khéo và quyết liệt nhất của BNL:

Hội nhà văn cộng sản Việt nam muốn có một *trường hợp Tolstoi của Nga thời Lénine* tái diễn tại Sàigòn. Những quan lớn văn nghệ nào, hay các văn công cũng thế, đã tiếp xúc, mời hợp tác: Nguyễn đình Thi, Lý văn Sâm, để rồi đám văn công, văn nô MTGP phải bàn tán xầm xì với nhau: *"Thằng cha này ngon và lì dữ"*. Tấn công về tình cảm không được, bèn xoay qua tấn công bằng kinh tế. Hai ngàn đồng năm 77, nếu nhận BNL sẽ có tiền để mua thuốc chữa bệnh, có tiền bồi dưỡng để khỏi ăn cơm với rau muống và chao. Tấn công cả bằng chức tước: *có tên trong Ủy ban chấp hành trung ương của Hội Nhà Văn VN* (cộng sản) cũng thất bại. Lý do đưa ra: rất hợp lý rất nhẹ nhàng, rất khôn khéo: tuổi già, sức yếu bệnh tật. (Làng Văn số 32 tháng 4/87, bài Sĩ khí của nhà văn BNL).

Không phải một năm mà mười năm, BNL nhà văn nhà báo hàng đầu của miền Nam nước Việt, đã phải chống đối, dù rằng không bằng hình thức tích cực, với chế độ hiện có. Cuộc chiến đấu thầm lặng của BNL về ý thức hệ, đau đớn và to lớn lắm. BNL còn phải chiến đấu với cái thèm của một con tằm có thiên chức phải nhả tơ. Không nhả tơ được đau lắm, khổ lắm. Nhưng nếu nhả ra thứ tơ có mùi Mác-xít Lê-nin-nít thì chắc ông thà chết còn hơn.

Tôi xin không trích những dòng của Mai Thảo nhận định về BNL, chỉ xin ghi lại là: Nếu cuốn "Đầm Đùn" một tác phẩm chống cộng 100 phần dầu mà được BNL hết lời khen ngợi, thì tôi nghĩ BNL không đứng ngoài thời thế, đương nhiên đã đứng vào hàng ngũ văn nghệ sĩ có ý thức hệ ngược với ý thức hệ xã hội chủ nghĩa.

Khi BNL hỏi MT: *"Tại sao miền Nam ta không có một phong trào Nhân văn Giai phẩm, không có một Trần Dần, Phùng Quán?"* thì cũng còn là may cho ông, nếu các văn nô biết được thắc mắc này thì chắc ông không qua nổi đất Mỹ được.

*
* *

Khi tác giả xếp M.T. vào lớp viết văn chỉ dùng *văn chương như một cách thế diễn tả văn chương* như BNL, thì tôi càng ngạc nhiên hơn. Vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh hay nói như tác giả: *văn chương như một cách thế diễn tả văn chương và văn chương như một phương tiện tranh đấu chính trị* là những vấn đề nhức đầu đã tốn nhiều giấy mực từ lâu rồi. Bài này tôi không dám bàn đến, chỉ xin tác giả xem lại sự sắp xếp Mai Thảo.

Tạm gác một bên những tác phẩm trước ngày đổi đời, của Mai Thảo, những tác phẩm có ý thức hệ khiến kẻ địch phải tìm bắt cho được, chỉ xem lại tác phẩm mới nhất, là tập truyện "Ngọn hải đăng mù" in năm nay. (Ý thức hệ của một người có thể thay đổi, nếu dựa vào tác phẩm cũ, e không chính xác).

Trong tập truyện có bảy truyện đã có tư tưởng dùng văn chương, trực tiếp hay gián tiếp, làm phương tiện tranh đấu chính trị như ông Nguyễn văn Sâm muốn. Xin đọc lại "Thơm của nhành hương" và xin đọc lại Sổ Tay văn nghệ ở những trang đầu của các số báo "Văn" để thấy rõ quan điểm văn chương đối với đời sống của MT ra sao, MT đã mạnh hơn, quyết liệt hơn BNL và theo tôi, đã đả phá, chống đối kẻ thù sâu sắc hơn, kiểu cách hơn. Khác với các văn phong chống phá bậm trợn, ồn ào, đại chúng, thô sơ, hài hước.

Và chắc chắn M.T. không chống ý thức hệ của địch để làm dáng, để thời trang. Có những người chống đối một ý thức hệ bằng cả con người, bằng tiềm thức, bằng cả tác phong. Ngay cả dáng đi cách đứng... cũng biểu lộ chống đối rồi.

Phần cuối đoạn nhận định, ông Nguyễn văn Sâm chấm dứt như sau: *Mỗi nhà văn một cách viết, một cách chọn đề tài, không có vấn đề đúng hay sai, của sự lựa chọn này.* Tôi nghĩ tác giả muốn nói thế này: Mỗi nhà văn có một ý thức hệ chính trị, một quan niệm nghệ thuật đối với đời sống trong văn chương, không có vấn đề đúng hay sai. Nhưng nói như tôi, lại không ổn. Về mặt ý thức hệ chính trị trong văn chương nghệ thuật của chúng ta ở hải ngoại, đã tự bảo nhau nên có ý thức chống độc tài, áp bức, bằng cách này, cách khác. Chúng ta có thể xếp loại nhà văn này nhà thơ kia về bên đấu tranh hay bên dùng văn chương làm cách thế diễn tả văn chương, nhưng nếu xếp loại BNL và MT về phía những văn nghệ sĩ *không buộc tội, không chế diễu, không vạch trần lỗi, không nói lên*

được những lời kết án bọn đã làm ta mất nước thì e cần phải bàn lại.

Bảo MT chỉ diễn tả văn chương không thôi, có lẽ cũng tương tự như bảo Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên ở Hà nội đang cổ võ cho tự do dân chủ, đang khen Mỹ và chê Nga.

Tiền bối BNL thì không thể lên tiếng được rồi, còn MT nếu đang đọc thơ uống Hennessy ở đường Bolsa, nghe nói đến mình, sẽ gật gù: Tôi là tôi, văn phong, ý thức hệ của tôi, mời các bạn cứ đọc lại đi đã. Chống đối, buộc tội, chế diễu chúng nó mãi, lâu lâu cũng phải để cho tôi làm thơ bay bướm hay đạo hạnh một chút chứ!

Triều Khê

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI
* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao,v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*
NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM
Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy 9 AM - 1 PM *Tel : (714) 641. 0263*
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Giới thiệu bản Anh ngữ Lục Súc Tranh Công (đài VOA), Chương 4, đoạn 19 Ánh sáng và Bóng tối (của Hoàng Liên), Bên dòng sông Connecticut, Dấu ngựa già (của CP), Dạ Hành (bản dịch của NMT), Tù nhân kháng bạo quyền (của MHH), Những thiên tình sử qua thi ca Hàn Mặc Tử (của NTSH), Gửi bạn, Tố nữ, Chiều (thơ NHN), Khoa học và Triết học (của TVK), Xuân bất tận (truyện NTHB), Tan sở, người di tản & Ngồi uống một mình (thơ TH), Khói sóng Bích La Thôn (truyện NTN), Vùng sương khói (truyện NTND), Nuôi tóc (thơ HXS).

Xin trân trọng cảm ơn các văn hữu đã có lòng ưa ái gửi bài cho Văn Học. Nhân tiện xin nhắc quí vị gửi ngay từ bây giờ những bài dành cho Văn Học số Tết 1988 sẽ ra vào trung tuần tháng 1.1988.

Ngu Yên

Thở dưới những bàn chân.

Những bàn chân chà đạp con người
Vẫn vô tình dẫm tắt nụ cười
Những bàn chân hồn nhiên tàn nhẫn
Đạp
Đạp
Đạp
Lên đời đi vội dửng dưng
Một kẻ bước cố ngoi đầu hít thở
Đạp tự nhiên móp méo nhiều trái tim
Những bàn chân bước ra ngoài ánh sáng
Đạp ngẫu nhiên kẻ khác vào bóng đêm.

Tôi vô cớ tuổi đời phải lớn lên
Dưới những bàn chân trước sau chen lấn
Những bàn chân của mẹ cha, thầy giáo
của bạn bè, anh em
của những người thân quen
của những kẻ xa lạ
Những bàn chân tình cờ hối hả
Để lại hồn tôi những vết thương
Những bàn chân vì sống phải lên đường
Vì yêu tôi dồn tôi vào ngã cụt
Vì ghét tôi chận tôi không lối thoát
Vì vô tâm đạp tôi mãi chẳng tha
đạp suốt thời gian qua
đạp chai bầm sợ hãi
đạp thâm lì căm hận
đạp quen dần kiếp người
Đạp lâu ngày bi thảm bật tiếng cười.

Đạp
Đạp
Đạp
Chân đạp mãi không thôi
Có lúc chân đạp cho lòng hối hận
Tôi lớn khôn đầy ắp nghi ngờ
Nghi lúc mở mắt
Nghi lúc nằm mơ
Mọi việc trên đời, biết đâu là sự thật?

Sự thật
Như đàn chim sống bay linh động
Trên màn ảnh truyền hình ?

Rồi đôi chân trở thành trắng nõn. Mười ngón chân khép nép xinh xinh. Mười ngón chân mớm tôi biết ái tình. Tôi đã yêu bạn chị tôi cùng xóm. Hồn mới lớn thường âm u ủy mị. Lung lay sầu, thơ thẩn với yêu đương. Chị sang chơi như thăm hỏi bình thường. Tôi mơ tưởng chị dành riêng thân ái. Có đôi lần chợt nghe chị khẽ hát. Tin chắc thầm, tình ca ý tặng tôi. Có nhiều khi, nhìn chị tỏ xa xôi. Chị hỏi khẽ: "— Trông em sao lạ thế?" Tôi muốn gào to, tôi muốn kể lể, rằng tim tôi đang rạo rực yêu thương. Rằng hồn tôi đang vật vả đau buồn nhưng nín lặng, trăm lần trăm lần tránh.

Đôi chân ấy đạp tình tôi kỳ lạ
Đau mà êm
Nhức nhối mà si mê.

Rồi một hôm khi tan học đi về, tôi gặp chị nắm tay anh lính thủy. Tôi theo hai người qua những đường phố vắng. Những kẻ vai tựa má như tát tai. Những cười đùa nghe chua xót đắng cay. Chân giày chạm mặt đường cũng đau đớn. Tiếng đế đinh càng lúc càng rờn rợn. Đạp. Đạp. Đạp tim tôi loang lổ máu tươi. Buồn vài tháng sau tôi vẫn chưa cười. Buồn một năm sau tôi muốn làm tu sĩ.

Chuyện tình yêu lần đầu thường để nhớ. Mười năm sau còn phảng phất dễ thương. Đẹp nhiều chuyện ngô nghê cải lương như tôi khóc trong ngày chị đám cưới.

Chị lấy chồng
Tôi xé lòng buồn đau vời vợi
Thề với trời sẽ mãi chẳng yêu ai
Hôm lễ cưới dằn lòng từ đêm trước
Lệ vẫn trào rơi ngược khoé mũi cay
Tuy còn bé nhưng tình tôi không bé

Dám chết cho người tôi đã yêu thương
Thầm tưởng tượng làm cái gì khủng khiếp
Cho chị dừng chân trong lúc lên đường
Nhưng tôi vẫn ngồi im suốt buổi tiệc
Đếm trong hồn từng hơi thở thê lương.
Bao năm sau tôi khen mình may mắn
Đã không làm ra những việc hoang đường.

Sau này, khi trở thành lính chiến, mỗi lần hẹn người yêu đi chơi, tôi nhìn quanh xem có ai buồn đời, nhất là những cậu bé đa tình, đa cảm. Nhẹ bước mỗi khi lên đường nhựa. Sợ tiếng giày đinh động nát tim người ta. Lỡ như ai có dõi mắt xót xa. Thấy tôi thành khẩn sẽ bớt lòng buồn tủi. Tôi biết bàn chân vẫn vô tình phải đạp nhưng xin nhẹ nhàng xin cẩn trọng cho nhau. Đạp thế nào trúng người cũng đau nhưng đạp nhẹ có tình hơn đạp mạnh.

Sợ thay ! những bàn chân
Mang kín vớ giày không băn khoăn
Đạp nhầm người, không biết...

Những bàn chân bước theo dòng thế kỷ. Đời riêng tôi đâu được mấy mươi năm. Người với người sao không chút thương tâm. Đạp lên nhau lạnh lùng không xin lỗi.

Ai tự thuở nào sinh ra sự sống? Ai, tự thuở nào cho phép chân đi? Làm nên tự-nhiên-tàn-ác làm gì? Khi đã trao tặng con người lòng nhân ái?

Bàn chân đạp tôi ra biển cả
đạp cha vào tù đày
đạp anh em tan tác
Bàn chân nào chừa lối tương lai ?
đạp mẹ già đợi chờ héo hắt
đạp chị trông chồng mòn mỏi khổ đau
đạp tình người tận cùng đổ vỡ
Bàn chân nào thương xót cho nhau ?
đạp tôi vật vờ nơi xứ lạ
đạp miếng ăn lớn hơn linh hồn
đạp hạnh phúc nhỏ hơn hạt bụi
Bàn chân nào có thể ác độc hơn ?
đạp
đẹp
chúng ta tranh nhau đạp
đâu kể gì tình cảm thương yêu
đạp

đạp
chúng ta tranh nhau lớn
đâu cần gì sống được bao nhiêu
đạp
đạp
anh em quên máu mủ
đạp
đạp
bà con quên họ hàng
đạp
đạp
bạn bè quên nghĩa khí
có phải kiếp này đành chịu nát tan ?

Hồn nhỏ bé run sợ, dưới những bàn chân to lớn dị thường. Những bàn chân không biết xót thương. Không biết cảm run vì tiếng khóc. Không biết nghe linh hồn kêu cứu. Không biết bình yên là do lòng thương yêu. Không biết hạnh phúc chẳng cần gì nhiều như một phút dừng chân ngơi nghỉ.

Dừng chân, ôi, thú vị :
Người tranh nhau chạy lên thang lầu
Một mình đi thang máy

Chiều nay, trời cảm lạnh dấu đi nhiều tia nắng. Gió cảm buồn lay bạn những ngọn cây. Đời còn thở đương nhiên còn hoạn nạn. Nhũn lòng thèm biến mất ngay lúc này.

Đã hết cách
Đành lật chân xem bói.

Đường chỉ đời sao nhợt nhạt mơ hồ
Đường học vấn đứt ngang thành vô dụng
Đường áo cơm chán quá đổi quanh co
Gò văn chương nổi "cù lao" lận dận
Gò tài hoa lắm "tam giác" phù vân
Cả thân thế lưới đan đầy hiểm họa
Mạng đã cùng tự thuở có chỉ chân.

Sao tự nhiên sinh ra đã mạt vận ?
Không lẽ đời vùng vẫy chỉ uổng công ?
Không lẽ sống đã từ lâu vạch sẵn ?
Ta biết làm chi với một tấm lòng ?

Dễ gì khuất phục
Lấy dao lam, thuốc đỏ
Ra tay một phen
Vẽ lại cuộc đời
Cắt các đường thẳng băng cho suông sẻ
Xoá "cù lao", "tam giác" định số người
Thử một chuyến
Vẽ thêm đường may mắn
Xem mai này có trót lọt gian truân ?
Qua cơn hứng
Thịt da đau nhức quá
Phải treo chân sẽ nghỉ mất mấy tuần
Sửa số mạng chỉ gây thêm khốn đốn
Hay từ nay thử sửa lại thâm tâm ?

Mười năm rồi chơi cuộc cờ danh lợi. Bây giờ ta là kẻ thủ thành. Thí xe pháo để giữ gìn tướng sĩ. Khuyết đôi bồ thế trận quá mong manh. Mười năm tài trường xông pha vùng vẫy. Vừa giết bạc tiền vừa nuôi vần thơ. Địch phục kích mua ta làm thi sĩ. Hồn say thơ lâm chiến trận hững hờ. Giữa trùng vây ngậm ngùi thân bại tướng. Rồi chiều nay nhận được lệnh qui hàng. Bước chân địch đã rần rần tiến sát. Đạp đời ta, ôi, quá đỗi hoang mang. Ta anh hùng nhưng trái tim thi sĩ nên linh hồn bật khóc trước nát tan. Ta chẳng sợ dẫu rơi đầu đổ máu nhưng làm sao bình thản lúc qui hàng?!

Án lệnh số 28-7-87 :
... theo luật số 5 điều 19 khoảng 23...
... Tòa chấp thuận cho ông được quyền phá sản...
... Ngoại trừ một số gia tài căn bản...
... Chủ nợ sẽ sai áp đồ đạc... trương mục ngân hàng...
... những tài vật quí giá... và nữ trang...

Những bàn chân rình từ cao đạp xuống. Rình xung quanh hùng hổ đạp vào. Ta sá gì những hư vân phù phiếm, chỉ sợ nhìn những ánh mắt u sầu. Hãy từ tốn, hỡi bàn chân sai áp. Ta cho ngươi tất cả trừ trái tim. Hãy nhẹ nhàng vì con ta còn bé, sẽ kinh hoàng mơ khóc dậy nhiều đêm. Đừng cướp lấy búp bê quà sinh nhật mà con ta ôm ấp đã từ lâu, kẻo ngươi đạp vào linh hồn thơ dại, những dấu hằn đau đớn đến mai sau. Hãy cẩn thận khi cướp đi nhẫn cưới. Đừng làm ân tình vợ ta xốn xang. Hãy để lại mùi hương và kỷ niệm của ngày ta mang nhẫn vào tay nàng.

Ta có thể cho ngươi tất cả, ngoại trừ tình thương và những văn thơ. Văn ta dành để nuôi con khôn lớn. Thơ ta dành cho nàng

chia trước mơ.

Em cúi xuống
Lưng cong lòi xương sống
Chuyện thăng trầm ghi thành đốt gian nan
Em chia sẻ cùng đời chung rong ruổi
Anh nhói lòng thương xót vô ngần
Em giặt giũ cho tâm hồn trong sạch
Em lau nhà cho tình nghĩa hồng hào
Em rửa chén cho thơm ngày hạnh phúc
Thời gian ngồi nhan sắc qua mau
Nghiệp đất gần níu đời người xuống thấp
Cầu trời xa không kéo nổi lên cao
Đứng lên em
Để anh ngồi xuống thế
Ăn thua gì
Anh tê điếng đã lâu
Cúi bẹp xuống dẫu còm đời xương xẩu
Gánh ngàn cân
Thêm vài tạ
Đã sao ?

Em yêu dấu, mai ta sẽ làm gì ? Đất rộng trời cao lắm chốn ra đi. Anh còn mỗi trái tim là đáng giá. Xin tặng em một tương lai dị kỳ.

Mỗi buổi sáng, pha thơ vào trà sớm, cho đẹp hồn như ánh nắng bình minh. Nghe ngàn chim chia sẻ những chuyện tình, để ta biết, mình yêu nhau chưa đủ.

Rồi anh đi làm, em đưa con đi học. Khi trở về, em có thể tưới rau. Có thể nuôi gà, nuôi vịt ở sân sau. Có thể thêu may rồi đọc sách. Quyển nào hay em có thể tóm tắt. Sau cơm chiều sẽ kể cho anh nghe. Nếu thỉnh thoảng anh kêu điện thoại về, chắc để đọc bài thơ vừa mới viết. Nhớ đến rước con trước giờ tan học. Đứa trẻ nào cũng sợ cảnh bơ vơ. Khi nắng chưa tàn, anh sẽ về đúng giờ. Em và con nhớ ra sân đứng đón. Anh sẽ giúp con làm hết những bài tập hoặc dạy con học thêm tiếng Việt Nam.

Cơm nước xong sẽ cùng nhau ngắm trăng. Nếu đêm tối sẽ quây quần trò chuyện. Con ngủ rồi, đêm đẹp dài vô tận khi cuộc đời chỉ còn riêng đôi ta. Hoặc anh đàn nghe em hát tình ca. Hoặc nhắc lại những gì thân ái cũ. Đêm quá khuya, anh sẽ dỗ em ngủ. Không chừng mình sẽ gặp lại trong mơ. Không chừng anh sẽ ngồi dậy làm thơ. Em biết không?... Có thể anh sẽ viết, một cái gì không phải thơ, không phải truyện. Để ngợi ca những ấm áp tình người. Để chuyền nhau những hơi thở tiếng cười vì đời sống lạnh băng

đầy nước mắt.

Chúng ta chẳng cần gì phải sợ, khi bỏ đời chỉ giữ mỗi trái tim. Không thể nào tránh hiểm họa tự nhiên. Những bàn chân vẫn ngẫu nhiên đạp xuống. Những ly tan sẽ tuần tự diễn tiến. Số mạng người ví như một trái banh, bị dẫn qua đá lại lăn khắp sân. Oán trách mãi, đời chỉ thêm thảm hại. Mỗi người có vài mươi năm để thở. Dùng thế nào cho xoa dịu xót xa. Dùng hay không thời gian vẫn trôi qua. Tội gì phải đau buồn, không cười cợt.

Tay giở nách
Thách bàn chân đạp xuống
Gót xoáy vào như thọt lét buồn cười
Chẳng phải đau đã làm ta há miệng
Nhột đã làm ta thoát khỏi vòng đời
Đạp nữa đi
Những bàn chân tinh quái
Có đáng gì sao chẳng dám cười khan
Đạp nữa đi
Dù ta nhột sắp chết
Vẫn cười to trên thảm cảnh nát tan
Đạp nữa đi
Đạp nữa đi
Ta phành tim chờ đợi.

Tiểu Thạch, ngày 28 tháng 7 năm 1987

ĐÓN ĐỌC TRÊN SỐ SAU :

* Tiền giấy ở Việt Nam cuối thế kỷ 14 đầu thế kỷ 15 của Tạ Chí Đại Trường.
* Joseph Brodsky, thi sĩ lưu vong đoạt giải Nobel 1987
* Số độc đắc, truyện ngắn của Nguyễn Y Thuần
* Những vì sao, truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG BỐN
TRẠI THANH LIỆT, HÀ ĐÔNG
XVIII

Cuộc sống trong xà lim.

Thu đã đến rồi, với những ngày trong sáng, lạnh và hanh. Nắng vàng trải dài trên sân, mong manh như một niềm ước vọng khó thành. Lá nhãn khô bắt đầu rơi rụng và lả tả bay dưới làn gió nhẹ. Dưới lằn mức mái hiên một mảng trời xanh gợi nhớ những chuyến viễn du ngày trước. Thu đã đến hẳn rồi. Trong cuộc sống bị câu thúc, tôi không còn khả năng và không có phương tiện để ước lượng thời gian, và hơn lúc nào hết, tôi ý thức rõ rệt tính cách tương đối của nó. Không có đồng hồ, không có lịch, không có một biến cố dùng làm mốc để đánh dấu và ghi nhớ, tôi chỉ biết căn cứ vào bóng nắng di chuyển ngoài sân, và tôi đoán được ngày chủ nhật khi một buổi sáng có sự thay đổi cán bộ phụ trách và khi tiếng cười đùa của những đấu thủ bóng chuyền vang vọng lại từ khu bên kia, cùng với tiếng quả bóng được đánh mạnh qua lưới. Thế nhưng, cùng với cô đơn, thời gian là một đối phương mà tù nhân bị biệt giam phải chiến thắng từng giờ từng phút. Chiến thắng bằng hành động và suy tư. Nhưng trong xà lim không hành động được, nên chỉ còn có suy tư... Phải sống đều đặn — quá u đều đặn — một mình ngày nọ qua ngày kia giữa bốn bức tường lạnh lùng, tôi phát hiện ra một sự thực đơn giản mà đáng sợ: khi con người còn sống, tim vẫn đập, máu vẫn chảy trong huyết quản, phổi hít thở không khí, dạ dày biến chế thực phẩm... thì đầu óc ta cũng phải hoạt động liên tục, không ngừng lại được. Và nếu dạ dày cần thực phẩm thì đầu óc cũng cần có nguyên liệu: suy nghĩ về một đề tài, hồi tưởng một biến cố, hình dung một nét mặt, nhớ lại một giọng nói,

một màu sắc, hay phác họa một ước mơ về tương lai. Trong cuộc sống bình thường, quay cuồng trong những hoạt động hằng ngày, đầu óc ta làm việc liên tục, nhưng ta bất giác không để ý đến. Chỉ khi nào quá nhàn rỗi, ta mới thấy đầu óc trống rỗng, và ta phản ứng lại: hoặc lao mình vào công việc, hoặc tìm những phương tiện giải trí. Những lúc đó, ta cảm thấy "buồn quá", nhưng "buồn" quả là một danh từ quá nhẹ đối với tình trạng của tù nhân cô quạnh trong xà lim. Lắm lúc, có lẽ vì bị ngăn cách dài ngày, tôi có cảm tưởng kỳ dị đang một mình sống vất vưởng giữa sa mạc mênh mông, xung quanh chỉ toàn cát trắng, không một bóng người, không một tiếng chim kêu. Lúc khác, tôi lạc lối, mò mẫm tìm đường trong một hang động âm u với khí lạnh từ những phiến đá toát ra, làm tê liệt cơ thể. Đôi khi, tôi như phiêu bạc trong không trung, không bám víu được vào cuộc sống, người cứ như bị hẫng hụt, và đầu óc hoang vắng như một hành tinh không có sinh vật.

Nhưng trong khuôn khổ chật hẹp và trơ trụi của ngục thất, cách biệt với thế giới bên ngoài, tìm đâu ra nguyên liệu cho trí não hoạt động. Ai cũng biết rằng khi bị cơn đói dằn vặt, cơ thể có những phản ứng rất khó chịu. Nhưng ta có thể "khắc phục" được cơn đói trong một thời gian tương đối dài, còn đối với đầu óc, không một phút nào có thể thiếu "thực phẩm" được: sự trống rỗng — hay sự chân không — hành hạ ta với một nỗi đau đớn ray rứt không chịu đựng nổi. Những lúc đó, đầu óc muốn nổ tung, và dây thần kinh như đứt ra từng mảnh nhỏ. Khi biệt giam chúng tôi, khi tách con người ra khỏi xã hội, cán bộ Việt Cọng hẳn biết rõ đó là một cực hình. Họ muốn tinh thần chúng tôi suy sụp nhanh chóng, không còn nuôi tư tưởng chống đối, và không còn năng lực chống đối nữa. Có lần, một cán bộ đã nói trắng ra:

— Các anh ở trong khu vực này chưa được phép lao động. Chưa cải tạo được tư tưởng thì còn phải biệt giam.

Để xoa dịu đau khổ, tù nhân phải cố gắng đạt được một thế quân bình cho tâm trí, và điều quan trọng hơn cả là làm sao cho trí não hoạt động điều hòa và liên tục. Trong một hai tháng đầu kể từ khi vào xà lim, tôi không có một kế hoạch nào cả, cứ để cho đầu óc suy nghĩ lung tung, không định hướng, ngoại trừ những lúc cố ý tập trung tư tưởng vào một số vấn đề nhất định cần phải giải quyết. Về sau, lối suy tư tùy hứng ấy không tạo đủ nguyên liệu cho trí óc làm việc, tôi phải áp dụng một phương thức khác. Mỗi buổi sáng, khi tỉnh dậy, phải chuẩn bị ngay một chương trình hoạt động cho ngày đang đến, và quan trọng nhất, phải tìm thực phẩm cho đầu óc. Tôi chọn một đề tài có bề rộng hoặc chiều sâu cần đến nhiều thời gian để hồi tưởng lại, nhận xét, phê phán, với mục đích để cho đầu óc làm việc được lâu.

Để có nhiều đề tài, phải đặt vấn đề phân loại và khai thác theo các lĩnh vực khác nhau: văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội... Mỗi loại lại được chia ra thành nhiều mục. Trong phạm vi văn hoá chẳng hạn, sẽ có những mục văn học, hội họa, âm nhạc... rồi mỗi mục lại được phân ra thành những phần nhỏ. Ví dụ mục văn học sẽ đề cập đến các thời kỳ trong văn học sử, các phong trào, khuynh hướng, môn phái, các tác giả và tác phẩm... Phải cố gắng đi sâu vào chi tiết để có thêm nguyên liệu. Dù vậy, tôi vẫn phải dè dặt trong việc sử dụng đề tài, và thường dừng lại khá lâu ở từng chi tiết một. Dần dà, tôi duyệt qua nhiều đề mục lớn nhỏ thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, ôn lại lịch sử, địa lý của một số quốc gia, những trào lưu tư tưởng, những học thuyết chính trị, kinh tế.. Giá trong lúc này tôi có trong tay một bộ bách khoa toàn thư, và giá tôi có điều kiện ghi lại những cảm nghĩ do cuộc phiêu lưu tinh thần ấy gợi ra!

Cứ ngược dòng thời gian, sống với quá khứ, tôi nhận ra mình đang có một hành động mâu thuẫn: trong cố gắng vắt vả để giết thời gian hầu làm nhẹ bớt áp lực của những ngày tháng căng thẳng, tôi lại phải cần đến thời gian, và vô tình để "đi tìm thời gian đã mất". Tôi đã dùng quá khứ để diệt hiện tại.

Sau vài ba tháng, các đề tài cạn dần. Tôi thử quay trở lại với các đề tài cũ nhưng đầu óc tôi từ chối không chấp nhận và đòi hỏi những nguyên liệu mới. Mặc khác, những hoạt động thường nhật của trại giam đã trở nên quá quen thuộc đến nhàm chán và không còn là những phương tiện giải trí cho tôi nữa. Một buổi chiều, tôi cảm thấy bứt rứt, đầu óc như căng dãn ra mà đành chịu bất lực như khi da thịt lên một cơn ngứa khủng khiếp mà không gãi được. Nằm dài trên giường, tôi quằn quại lăn mình và cầu mong một biến cố nào xảy ra để cứu tôi ra khỏi tình thế bi đát này. Không biết làm gì, tôi bất giác lẩm nhẩm mấy bài thơ Đường vụt hiện ra trong trí nhớ. Cảm xúc, tư tưởng, và nhân sinh quan khoáng đạt của mấy bài thơ dần dần làm cho tâm trí tôi dịu lại. Người xưa đã nói đúng: đọc thơ để di dưỡng tính tình. Rồi rút kinh nghiệm đó, như người sắp chết đuối níu được tấm ván, tôi bám víu vào những vần thơ, và trong mấy ngày liền, tôi cố nhớ lại những thi phẩm đã đọc, từ những bài tứ tuyệt đến những bài hành dài, từ những sonnet gọn gàn đến những tác phẩm trường thiên như Kiều, Cung Oán ngâm khúc hay Chinh Phụ ngâm. Tôi lạc loài và chìm đắm trong thế giới thi ca, giữa trăng nước, bướm hoa, giữa biển rộng sông dài, núi rừng u tịch, giữa những mối tình cao đẹp hay sầu thảm, những tiếc thương, uất hận hay những đau khổ triền miên của một vài kiếp sống, và cả giữa khung cảnh lao tù với một nền trời xanh thẳm và yên tĩnh hiện ra trên mái ngục thất cùng với cành lá đong đưa bên ngoài:

Le ciel est par-dessus le toit,
Si bleu, si calme,
Un arbre par-dessus le toit,
Berce sa palme.

Rồi do một mối liên tưởng rất dễ hiểu, tôi tự hỏi: trong hoàn cảnh này, không viết lách được, tại sao lại không làm thơ? Làm thơ không cần giấy bút, hơn nữa thơ dễ nhớ, và khi trở về miền Nam, có thể viết ra lại. Để thực hiện ý định, tôi ôn lại những sự kiện khó quên đã xảy ra từ ngày Tết định mệnh ấy, với mục đích viết một tập hồi ký gồm những bài thơ ngắn. Nghĩ rằng trong thơ khó mà ghi lại đầy đủ những chi tiết như trong văn xuôi, tôi chọn lọc đề tài, và cố gắng nêu lên những nét tiêu biểu nhất. Có đề tài rồi, tôi tìm tứ và hình thức cho bài thơ; sau đó, tôi lẩm nhẩm trong trí những chữ, những câu. Không viết ra giấy được, tôi cố hình dung khuôn khổ bài thơ, rồi ngâm lại nho nhỏ từng câu để tìm nhạc điệu... Công việc trước tác này giúp cho tôi giết thời gian một cách hữu hiệu, tạo được thăng bằng cho trí óc, và tôi say mê tìm chữ, ghép vần để diễn đạt tâm sự riêng tư và lắm lúc quên cả nỗi khó khăn vất vả trong quá trình sáng tác. Hơn thế nữa, khi kiếm được một chữ đắc ý, đạt được một âm điệu mà tôi nghĩ là thích hợp, và nhất là lúc bài thơ hoàn thành, mặc dù đang ở trong hoàn cảnh lao tù gian khổ, tôi cảm thấy niềm vui của sự sáng tạo tràn ngập trong lòng. Và dần dần tôi nghiệm ra rằng, đôi khi, nhờ mấy câu thơ, tôi đã phô diễn được một vài cảm nghĩ mà nếu viết văn xuôi, chưa chắc tôi đã nói lên hết được. Mặt khác, trong cô đơn và im lặng hoàn toàn, không bị ngoại cảnh chi phối, tôi dễ dàng tập trung suy tư, cho nên, trên phương diện sáng tác, tôi hội được những điều kiện thuận tiện hơn ở ngoài xã hội. Có lúc, tôi có cảm tưởng rằng, vì buộc phải nghỉ ngơi lâu ngày, đầu óc thèm được hoạt động, cần phải hoạt động, nên nó minh mẫn hơn, lĩnh hội nhanh chóng và dễ dàng hơn trước. Có phải vì vậy mà ở Hoa Kỳ, có người đã lợi dụng thời gian ở tù để học tập và thành tài? Trong những điều kiện ấy, làm thơ, từ một nhu cầu, để sống còn, đã dần dần biến thành một thói quen và một đam mê không dứt bỏ được.

*
* *

Những giờ, những ngày dằng dặc nặng nề trôi trong cô đơn và trong chờ đợi triền miên, nhưng rồi mùa Thu cũng chấm dứt. Không thể nói rằng trong hoàn cảnh lao tù, ngày tháng thấm thoát thoi đưa, nhưng sau mỗi giai đoạn, ngoảnh nhìn lại vẫn có một cảm tưởng lạ lùng: những mảnh thời gian tưởng chừng như vô tận ấy đã nhanh chóng lùi vào quá khứ.

Gió mùa Đông Bắc bắt đầu nổi lên lạnh buốt và đêm nay, như nhiều đêm trước, tôi trằn trọc mãi không ngủ được, và nằm co

quắp trên giường, cố tìm cách chống lại cơn giá rét khắc nghiệt. Theo ý kiến của người công an vũ trang có khuôn mặt hiền hậu — mà tôi đặt tên là Hậu — tôi trải một nửa tấm chăn lên giường và nằm cuộn tròn lại dưới nửa tấm kia. Nhưng lối đắp chăn như thế cũng không có mấy hiệu quả, và tôi run rẩy dưới sự dằn vặt của những đợt gió cắt da và của cơn đói dai dẳng. Cơ thể thiếu dinh dưỡng lại càng kém chịu lạnh. Gần đây, để trấn áp cơn đói cồn cào vào những đêm khuya thao thức, tôi có đề nghị ăn bánh mì thay cơm với ý định để dành lại một mẩu bánh nhỏ sau bữa cơm chiều. Nhưng không mấy khi mẩu bánh còn nguyên vẹn cho đến giờ đi ngủ: khoảng hai phần ba ổ bánh nhỏ xíu không xoa dịu được cơn đói trường kỳ, cho nên sau khi lên đèn, tôi phải gỡ ăn dần phần còn lại.

Những đợt gió quái ác tiếp tục lùa qua khung cửa sổ. Tôi đứng lên đóng cửa lại. Chỉ một lát sau, người công an gác đêm đến mở ra, vì anh ta cần kiểm soát hành vi của tôi trong xà lim. Cán bộ trại giam thừa biết tù nhân đang khốn khổ vì đói và rét. Nếu báo cáo cho họ rõ thì chắc chắn họ sẽ trả lời rằng họ không thể nào thay đổi tình trạng được, vì đó là chính sách. Mà chính sách của Đảng và Nhà Nước thì bao giờ cũng đúng, và cán bộ chỉ biết chấp hành mà thôi. Nếu có gặp khó khăn trở ngại trong lúc thực thi chính sách, thì ta phải khắc phục. Vả chăng cả nước đang có chiến tranh, nhân dân đang thắt lưng buộc bụng để dồn "sức người" "sức của" vào công cuộc chống Mỹ cứu nước... Đoán biết những luận điệu ấy, tôi không phàn nàn về những điều kiện sinh sống hiện tại, mặc dù sức khỏe tôi giảm sút từ mấy tháng nay. Chỉ khi nào bị ốm, tôi mới báo cáo xin thuốc men. Một lần, Sự — mà Hậu cho biết là y tá của trại — đem đến cho tôi mấy viên thuốc khi tôi bị cúm. Được hỏi về liều lượng sử dụng, Sự lúng túng không trả lời được, rồi phát gắt, và hỏi ngược lại tôi:

— Thế mọi hôm uống như thế nào ?

Qua kinh nghiệm, tôi biết rằng không những anh ta không am hiểu công dụng của các loại dược phẩm thường dùng, mà cả đến tên của chúng anh ta cũng chỉ nhớ mang máng. Mấy viên thuốc cảm được gói trong một miếng giấy cũ to bằng bàn tay. Tôi bỏ chúng ra ở đầu giường, rồi cầm mảnh giấy đọc đi đọc lại mãi những dòng chữ đứt quãng, không mạch lạc. Dù không đầy đủ ý nghĩa — đó là một đoạn trong một bài nói về cách thức trừ sâu bọ phá hoại mùa màng, chắc là cắt ra từ một tờ báo chuyên về nông nghiệp — chúng cũng đã giúp tôi qua được một lúc yên tĩnh mà khỏi phải tìm đề tài cho trí óc.

Có lẽ đêm đã khuya rồi. Những đợt gió lạnh buốt thổi lồng lộng ngoài sân, ào ạt trong cành lá nhãn và đưa lại mấy tiếng kẻng cầm canh rời rạc. Kéo lại tấm chăn, tôi nằm ngửa ngay ngắn và

nhìn lên vòm xà lim. Trong cảnh bóng tối và ánh sáng chập chùng tạo ra bởi ngọn đèn dầu hiu hắt, và từ trong tiềm thức sâu thẳm, bỗng rực chói lên những hình ảnh của một giai đoạn lịch sử. Mấy binh sĩ Nhật trong quân phục màu phân ngựa lê những bước chân nặng nề trên đường phố, cái xà cột đong đưa bên hông. Những chiếc cầu gãy gục xuống lòng sông vì bị bom của những phi cơ Mỹ ném để ngăn chặn những vụ chuyển vận vũ khí của quân đội Thiên Hoàng. Mấy gia đình Pháp bị quản thúc tại gia bày bán đồ đạc, quần áo, sách vở để có phương tiện sinh sống sau cuộc đảo chính mồng 9 tháng Ba 1945. Những dòng người rầm rộ kéo về sân vận động Huế để hoan nghênh Cách Mạng mùa Thu. Cuộc mít-tinh trầm lặng trước cửa Ngọ Môn trong Thành Nội để chứng kiến sự thoái vị của vị Vua cuối cùng triều Nguyễn. Đóng trong khuôn viên trường Khải Định, Huế, một toán lính Trung Hoa gầy gò trong quân phục màu xanh tụ tập tại cổng sau cửa trường để mua thức ăn sáng. Binh sĩ Pháp xung đột với Tự Vệ tại phố Hàng Bún, Hà Nội. Chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Lựu đạn nổ trên đường phố các đô thị. Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, những đợt người ồ ạt di cư từ Bắc vào Nam. Những trại định cư sầm uất trên Cao nguyên Trung Phần. Lại chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc với sự tham chiến ở miền Nam của các quân đội Đồng Minh. Những cuộc biểu tình hoan hô đả đảo tại Huế, Sàigòn, rồi cuộc tấn công bất ngờ vào cố đô Huế... Tôi nhắm mắt lại, và trên tấm phông lịch sử đau thương ấy, hiện lên lá cờ máu man rợ đang chụp lên một phần nửa đất nước với những trại giam, những làng mạc nghèo nàn xơ xác và những con người sống lây lất trong vòng kìm kẹp tư tưởng khốc liệt. Tôi linh cảm rằng cơn ác mộng của dân tộc chưa đến thời kỳ chấm dứt, đồng thời ý thức tính cách phi lý của biến cố được mệnh danh là Cách Mạng tháng Tám. Một nhóm người cuồng tín theo một chủ nghĩa hoàn toàn xa lạ và trái ngược với truyền thống tinh thần của dân tộc, đã lừa gạt các đảng phái quốc gia, các nhà ái quốc độc lập, phỉnh phờ dân chúng và cả những chính khách và dư luận quốc tế, để rồi giáng một tai họa khủng khiếp xuống đầu một dân tộc đã từng đấu tranh bất khuất suốt bao nhiêu thế kỷ cho nền độc lập và thống nhất của mình. Cuộc xáo trộn mà họ gọi là cách mạng đã đảo lộn những giá trị tinh thần của một xã hội được tổ chức chặc chẽ và đã từng chứng minh sức sống mãnh liệt qua bao nhiêu biến thiên trọng đại. Nếu trong cuộc sống cá nhân, có những hành vi không giải thích được, thì trong lịch sử của một dân tộc, cũng có thể xảy ra những sự kiện nghịch lý. Và trên bước đường diễn tiến của lịch sử, có những khúc quanh bất ngờ mà một tiểu thuyết gia giàu tưởng tượng cũng không dự đoán nổi.

* * *

Vào một buổi chiều lạnh giá cuối tháng chạp dương lịch, tôi bỗng ngạc nhiên lắng nghe: tiếng nói từ một máy thu thanh vẳng lên từ bên ngoài. Tôi bật ngồi dậy và đứng sát vào song cửa. Một người công an mặc đồng phục xách một cái radio bán dẫn từ ngoài sân bước vào dưới hàng hiên và đặt nó trên chiếc bàn cũ kỹ dùng để dọn cơm. Tôi giật mình. Có tin tức gì quan trọng cần được phổ biến chăng? Tôi linh cảm một biến cố bất lợi cho miền Nam. Nhưng tôi đã đoán sai: một giọng nói đàn ông đang trình bày ý nghĩa của ngày lễ Giáng Sinh. Đó là một linh mục nhân danh cộng đồng Công giáo Việt Nam kêu gọi các con chiên vừa kính Chúa vừa yêu nước. Vị diễn giả cố ý lồng những giáo điều Thiên Chúa giáo vào khuôn khổ của chủ nghĩa Mác-Lênin và gắng tìm ra những điểm tương đồng giữa hai chủ thuyết. Sau khi lên án đế quốc Mỹ ném bom tàn phá nhà thờ ở Bắc Việt Nam, vị linh mục thúc đẩy tín đồ công giáo tham gia tích cực hơn nữa vào công cuộc chống Mỹ cứu nước của toàn dân. Việt cọng có dụng ý rõ rệt: họ muốn cho tù nhân, nhất là tù nhân công giáo, thấy rằng ở miền Bắc vẫn có tổ chức lễ Giáng Sinh và vẫn có tự do tín ngưỡng. Nhưng buổi phát thanh không thuyết phục được ai: thính giả dễ dàng nhận ra tính cách gượng gạo và giả dối của những luận điệu gò ép.

Sáng hôm sau, vào khoảng 9 giờ sau khi Hùng đóng các cửa sổ lại, một điệu nhạc quen thuộc vang lên từ phía văn phòng trại giam; đó là một trong những bài hát thường được trình diễn trong dịp lễ Giáng Sinh. Tiếp theo, có tiếng mở cửa từ phía bên phải, rồi những bước chân nặng nề lê đôi dép cao su dưới hàng hiên. Có lẽ đó là một tù nhân Mỹ. Độ 10 phút sau, có tiếng chân bước quay trở lại, và một cánh cửa khác được mở ra và những bước chân khác lại đi theo hướng cũ. Những đợt gió mùa Đông Bắc vẫn đưa về điệu nhạc tôn giáo và những chuyến đi đi về về của những tù nhân tiếp tục cho bữa ăn trưa. Tôi đoán là cán bộ gọi những tù nhân Mỹ lên văn phòng để được "chiêu đãi" — như Việt cọng thường nói — nhân dịp lễ Giáng Sinh và Tết dương lịch. Buổi phát thanh tối hôm qua và cuộc "tiếp tân" sáng nay chỉ là những màn tuyên truyền có mục đích làm sai lạc sự nhận xét của chúng tôi về hiện tình miền Bắc.

... Rồi Tết âm lịch được đánh dấu bằng mấy bữa ăn đầy đủ hơn, kèm theo một gói bánh kẹo và một bao thuốc lá. Tôi chú trọng đến bao thuốc lá, vì từ lâu không có thuốc hút. Đó là một gói thuốc lá của Albany, một loại thuốc đen khá nặng. Cùng với khói thuốc đầu tiên sau bữa cơm sáng, tôi ngồi yên ngắm cái vỏ bao thuốc in hình một lâu đài cổ, có lẽ là một di tích lịch sử của Albany. Giấy bao thuốc không được trắng và trơn láng, các góc cạnh xếp cẩu thả, không ngay ngắn, hình vẽ không rõ nét và thô sơ. Thế nhưng tôi đã ngắm mãi không biết chán, vì mấy dòng chữ "20 điếu

thuốc lá", "sản xuất tại Albany" và nhất là ngôi cổ lâu đã gợi lên những hình ảnh của cuộc sống bên ngoài xã hội. Mấy chi tiết đơn giản đó đã đem lại cho tâm hồn tôi một cảm giác lâng lâng ngây ngất, và tôi cay đắng nhận ra rằng hoàn cảnh lao tù đã làm cho tôi khao khát cuộc sống bình thường đến một mức độ không ngờ.

Sau bữa cơm chiều, tôi quấn chiếc chăn quanh người, ngồi tựa lưng vào tường, nhìn bóng tối dày đặc của đêm cuối năm đang đổ nhanh xuống khu trại giam và đè nặng lên cơ thể tôi. Bóng đêm đem về một cảm giác cũ: từ khi bị bắt, tôi đã sống trong bóng tối, kể cả những ngày rong ruổi trên con đường mòn đưa tôi ra miền Bắc. Bên này vĩ tuyến là bóng tối, và bên kia là ánh sáng. Và từ một năm nay, tôi đã đồng thời kéo dài hai cuộc sống song hành: cuộc sống vật chất tù hãm trên mảnh đất chất chứa hận thù và cuộc sống nội tâm hướng về miền Nam tự do, bát ngát tình thương và tràn ngập nắng vàng rực rỡ.

Nghĩ đến miền Nam, tôi bỗng quay trở lại với quá khứ, và những hình ảnh của quãng đời cũ chập chờn kéo nhau hiện về trong trí tôi, giữa tiếng gió hú ghê rợn của đêm trừ tịch lưu đày. Một lúc sau, đầu óc tôi mới sáng suốt trở lại, và tôi bình tâm kiểm điểm những hành vi lớn nhỏ của mình trong suốt một thời gian dài. Một cách vô tình, tôi bỏ quên những thành tích đã gặt hái được, mà chỉ nhớ đến những sơ hở, vấp váp, lỗi lầm, thất bại. Tôi ăn năn, hối hận. Tôi tiếc đã vụng về để mất nhiều cơ hộixây dựng cuộc sống cho tươi đẹp hơn, đã phí phạm thời gian nên không thực hiện được những kế hoạch đã vạch ra, không tận tình giúp đỡ người khác , không cư xử đúng mức đối với một số người, không đáp ứng lại những cảm tình mà bạn bè đã dành cho tôi... Tôi tự trách mình hơn là trách người. Đau khổ làm cho con người trở nên khoan hồng chăng? Tôi tiếc đã không sống như mình mơ ước, và tự hứa với mình, khi được trả lại tự do, sẽ cố gắng chuộc lại những lầm lỗi cũ. Dù sao, cuộc vấn tâm vào một đêm của năm sắp tàn này đã giúp tôi hiểu mình và hiểu người hơn trước.

Hai ngày sau, tôi vẫn còn ngồi nhìn bao thuốc lá Albany và nhớ đến những ngày cũ, đến gia đình, bạn bè, quê hương, và xót xa cho thân phận của kẻ lưu đày. Đối với tôi nó có giá trị hơn những thức ăn đặc biệt mà trại giam cung cấp cho tù nhân trong mấy ngày đầu xuân.

Hoàng Liên

(còn tiếp)

Thụy Khuê

Điểm sách : Đọc Thằng người có đuôi của Thế Giang.

Thế Giang đến với người đọc bất ngờ như cơn dông tố, phũ phàng, lôi cuốn, đam mê, đôi khi tàn nhẫn đến gần như phi lý.

— *"Rước cụ xơi cơm.*

— *Vâng, bác cứ để mặc em, ... hình như mâm ta còn thiếu món giò bò."*

(trang 12, Cây đắng nở hoa)

Chúng ta bước vào tập truyện ngắn "Thằng người có đuôi" bằng không khí xôi thịt của dân quê miền Bắc hồi đầu thế kỷ trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố. Nhưng ở đây, những chánh tổng, phó lý... đã được thay bằng những bí thư, công an, chủ tịch xã... Cũng mâm trên mâm dưới, cũng tính toán bẩn thỉu, chi li:

— *"Quân bay nông cạn lắm, một vốn bốn lời, tao làm bữa giỗ này đấm mõm cả làng, đến kỳ đại hội xã viên tới chúng nó sẽ dồn phiếu cho anh cả mày vào chức chủ nhiệm hợp tác xã. Nhìn đấy, cơ nghiệp nhà này tạo nên chỉ trong ba năm thằng mày làm chủ nhiệm đó thôi."*

(trang 12)

Ngày trước, cái oai của ông chánh tổng chưa chắc đã bằng cái oai của ông bí thư tỉnh ủy bây giờ:

— *"Ông bí thư tỉnh ủy không đẻ ra cách mạng ấy à? Quân bay có muốn chết cả lũ không?"*

(trang 14)

Giữa đám "cùng đinh" sống vất vưởng ngoài vòng xã hội có Đặng Đình Hưng một thứ "clochard" thời đại — sống lây lất qua ngày, nghiền rượu, lê lết bệnh ung thư; từ khi tham gia Nhân Văn Giai Phẩm Đặng Đình Hưng chỉ còn là cái rác rưởi, cặn bã xã hội, không ai thèm đếm xỉa đến.

Một ngày, "người ta" moi cái rác ấy ra, "người ta" cho nếm đủ

thứ cao lương mỹ vị, nhưng cái thân tàn ma dại *"ăn uống kham khổ lâu ngày đã quen, bỗng dưng từng khối thịt cá như đạn trái phá nã thẳng vào dạ dầy đâm ra hỏng bét hết cả"* (trang 17); rồi "người ta" cho mượn áo quần sạch sẽ, mang vào nhà thương chữa bệnh ung thư cho "thằng Nhân Văn Giai Phẩm". Bao nhiêu diễm phúc ấy chỉ vì "nó" là bố của *"Đặng Thái Sơn, tiếng đàn vọng lên từ những căn hầm trú ẩn. Tiếng đàn bay cao hơn tiếng bom Mỹ nổ"* (trang 20).

Thế Giang viết về đời sống miền Bắc, chính thế, nhưng còn hơn nữa, đôi mắt sắc như dao của Thế Giang mổ xẻ, tìm những khía cạnh gay gắt nhất của cuộc đời — Tôi so sánh Thế Giang với Mai Kim Ngọc — hai thái cực.

Trong "Hạnh phúc là đấu tranh", tâm sự của hai kẻ cùng thuyền: Một cựu trung tá N về hưu sống với vợ con, thứ "con là của nợ, vợ là dây oan" và tôi (người kể chuyện), cựu quân nhân, từ ngày trót lỡ lừa lúc vợ đi vắng gọi lái vào bán non cặp lợn choai để có tí tiền đi Miên công tác, đã tưởng một vốn bốn lời, sang Miên kiếm chác chút đỉnh mang về đến biên giới lại bị công an biên phòng lột sạch. Thế là hai con lợn đi đời. Con vợ đêm đêm khóc sưng húp cả mắt vì tiếc của. Mỗi lần nhìn thấy lợn người khác, mụ vợ lại ngây người ra như "gái già hết khả năng sinh nở"?

Thái độ tàn nhẫn của cựu trung tá N và người kể chuyện với thằng Thòn, những người đã một thời sống chết bên nhau, chiến đấu tử sinh dưới ngọn cờ đỏ, thanh bình trở lại, họ quay sang tranh đấu cho miếng cơm manh áo; mặt trận này dường như ác liệt hơn, ở đây, chúng ta tìm thấy những con diều hâu tranh nhau một xác chết, mỉa mai hơn nữa cái xác chết ấy lại chính là cuộc sống lây lất hàng ngày, ăn không đủ no, đói không đủ chết, của chính bản thân họ.

"Lạ" lắm, càng đi sâu vào thế giới Thế Giang, chúng ta — nhất là những ai đã về hoặc sống ở Hà Nội — lại càng thấy gần gũi vô cùng. Gần vì nó là cuộc sống hàng ngày và vì đâu đâu cũng có những nhân vật như thế. Nhưng "lạ" là ở "một" thằng Chung Hâm, chúng ta tìm thấy "rất nhiều" Bà Mẹ Lê, mặc dù Thế Giang và Thạch Lam xa cách nhau hơn nửa thế kỷ. Rồi từ nhân sinh quan đến lối nhận xét tỉ mỉ qua bút pháp thời tiền chiến với ngày nay, tất cả đều khác xa nhau, nhưng chúng ta vẫn thấy "giống" thế mới "lạ", cái "lạ" này chỉ tìm thấy trong văn chương:

— "Im lặng nghe xem nào,... chặt nhát một thế này là thịt gà luộc rồi!

Thằng Thủy cũng dỏng tai lên nghe. Từ bên buồng ông Tuất quả có tiếng dao chặt nhát gừng.

— Tao thì bảo là thịt lợn quay.

— Thịt quay thì phải có mùi thơm chứ !"

(trang 12, 13 Thằng Chung Hâm)

Nếu Bà mẹ Lê không đành tâm nhìn lũ con chết đói dần mòn, liều thân đến nhà lão Bá, xin tí gạo và bị chó cắn, thằng Chung Hâm cũng chỉ muốn một tí mỡ thôi, để nó xào rau cho em nó, khốn nạn, chỉ một tị mỡ thôi.

— *"Thơm...! Bùi!... đích thị là mỡ !..."*

(trang 111)

"Vũng Lầy" phơi bầy một bộ mặt khác của đời sống: giai cấp biệt đãi trong xã hội hiện thời, thế giới nhà văn, những nhà văn trẻ và những nhà văn "lớn". Truyện phiếm của họ cũng lý thú vô cùng:

"Đời cứ lừa quanh quẩn lẫn nhau. Mình lừa đời những cái lớn trong tư tưởng để đổi lấy điếu thuốc, chén rượu, rồi chén rượu điếu thuốc nó cũng học cách lừa lại mình".

(lời Bỉ Vỏ trang 152, Vũng Lầy)

Không lẫn đi đâu được cái giọng chửi đời, nửa nạc nửa mỡ của "Vang Bóng Một Thời".

— *"Lòng biết làm thì vừa dòn vừa thơm, vụng tay dao để nó toét cứt ra thì... các anh định tung xú uế đãi cả làng đấy à?"*

(trang 154)

Đến dòng cuối của cuốn truyện, chúng ta vẫn chưa khám phá hết cái "lạ".

Trong truyện ngắn cuối cùng "Thằng người có đuôi", độc giả ngẩn ngơ lúc đầu, ngậm ngùi khúc giữa và "thoát xác" ở đoạn cuối. Tất cả những "sự thật" của mười một truyện vừa đọc trên, không có "sự thật" nào kinh hoàng bằng "sự thật" cuối cùng: tác giả khám phá ra tác dụng xã hội chủ nghĩa trên chính bản thân mình.

Một tác phẩm đột ngột đến với chúng ta, giật mình ư? Hẳn thế.

Trong 12 truyện ngắn, phần lớn đặc sắc, cũng có đôi ba chỗ khó hiểu, vì thiếu chuyển đoạn, hoặc vì lối hành văn rất mới, như trong "Ngày xuân lên chùa", hoặc đoạn đầu những truyện "Hạnh phúc là đấu tranh" và "Thằng người có đuôi". Một vài lời đối thoại hơi lạ tai, thí dụ như:

— *"Chung đụng với người không muốn thì để bà đi chỗ khác. Tuần sau bà thả cặp lợn vào cho mà ở chung với nhau."*

(trang 47, Hạnh phúc là đấu tranh)

Lời này ở miệng một bà bác sĩ — cho dù là chửi đổng — cũng thấy thế nào.

Thế Giang đôi khi "thái quá". Ở đoạn kết truyện Thằng Chung Hâm:

— *"Chợt ông Tuất buông tay khỏi nó, tắt đèn và chậm chạp đi lại phía giường."*

(trang 116)

Có thể tàn nhẫn với một đứa trẻ đến thế được ư? Nếu vậy, chúng ta đang trực diện với loài dã thú chứ không phải con người.

Rồi trang 53 :

"Lợn nó có mùi hôi của thiên nhiên, còn Đầm nó có mùi thơm của giống ăn thịt, uống rượu, nó ngầy ngậy như đống nôn để ba ngày."

Người nói câu này là cựu trung tá N, lúc chưa say rượu, quả có đôi phần quá trớn.

Vẫn cái "thái quá" ấy, chúng ta bắt gặp ở miệng các nhà văn "tiết canh":

— *"Còn mấy thằng 'cây nhà lá vườn' tháng nào chả đóng cửa ăn tiết canh cuối kỳ của vợ."*

(trang 153, Vũng Lầy)

Đến đây, không phải chỉ có đám "thực khách" mà cả người đọc đều dại mặt nhìn người "tuổi trẻ tài cao."

Nói thế không có nghĩa là cái "thái quá" của Thế Giang là một khuyết điểm với mọi tầng lớp độc giả. Trong cơn dông, tất cả đều đến một lần lôi cuốn chúng ta đi, tuy có phũ phàng, tàn nhẫn, thái quá, nhưng đó là đặc điểm của những con người dám viết, dám lột trần sự thực mà từ trước đến giờ chưa mấy ai dám làm: Lột trần chính mình, việc ấy hẳn là "thái quá."

ĐỌC "MÙA BIỂN ĐỘNG I" (TỨC NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM) CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC.

Tôi vẫn tìm những tiểu thuyết giá trị xuất bản hoặc tái bản, nhưng không người hướng dẫn, lại biết rất ít về các tác giả trong nước từ bấy lâu nay, nên tôi như người mù đi trong sa mạc, thấy bút hiệu nào có vẻ "quen quen" hay "nổi tiếng" lại nhắc mua về. Mua như thế, thất vọng nhiều mà đắc ý đôi khi rất ít.

Đối với những người ra ngoại quốc trước 74 như tôi, bút hiệu Nguyễn Mộng Giác hoàn toàn xa lạ. Tôi không hề nghe nói đến ông, dù chỉ biết tiếng như tôi biết "tiếng" những nhà văn sôi nổi, viết hàng chục tác phẩm, quyển nào cũng bán chạy và "ăn khách nhất nhì" miền Nam, vì Nguyễn Mộng Giác không ồn ào, ông âm thầm làm việc, lặng lẽ suy tư; tác phẩm của ông không bán chạy "như tôm tươi", văn ông không "giật gân giật cốt" ai cả, cho nên ông "đã không được chú ý rộng rãi và nhanh chóng xứng với tài mình" (lời Võ Phiến).

Nguyễn Mộng Giác đến với tôi như một khám phá bất ngờ, kỳ thú: bất ngờ vì cái "không khí" trong tác phẩm Nguyễn Mộng Giác không giống những không khí xô bồ hời hợt khác, những

nhân vật của Nguyễn Mộng Giác có một chiều sâu. Thích thú vì ở ông, tôi tìm thấy cái vẻ điềm tĩnh, nghiêm túc của một nhà nho, và nhiều thắc mắc ưu tư của thời đại mới.

Mùa biển động là một trường thiên tiểu thuyết, với phần một *Những đợt sóng ngầm*.

Những đợt sóng ngầm dựa trên giai đoạn biến động của miền Trung (chủ yếu là Huế) những năm ông Diệm đổ. Một đám thanh niên thời đại, hoang mang với thế hệ, cố chọn một đường đi, một lẽ sống, nhưng chưa ai tìm ra lối thoát:

Từ anh chàng Tường, chuyên môn triết lý vặt, tranh luận với bạn bao giờ cũng chiếm phần hơn, nhưng khi đối diện với chính mình, chàng lại hoài nghi và mất tin tưởng.

Đến anh chàng Ngô, họa sĩ, bạn chàng, có một lần sung sướng vì đã tìm ra cái "mầu" chàng cho là "đã lắm". "Cái mầu ngọc bích lơ lửng giữa ngậm ngùi và bồi hồi, nó buồn không duyên cớ, nó buồn không hiểu vì sao mà buồn" (trang 37). Nhưng Ngô vẫn nghi ngờ chính cái mầu lý tưởng ấy và khi bị bạn chỉ trích thì bao nhiêu cái "đã lắm" của chàng lại tan theo mây khói.

Người đọc như lây cái hoang mang, cái đổ vỡ, cái ngậm ngùi trong cuộc chiến và trong lòng các nhân vật: tưởng mình đi đúng lối mà hoá lạc đường.

Trong những giây phút choạng vạng tối, lại có những buổi bình minh như hình ảnh êm đềm, cảm động của hai chị em Quỳnh Trang, Quỳnh Như tâm sự với nhau trong đêm tối (trang 26, 27, 28).

Trong cái xú uế, tuyệt vọng của chiến tranh lại có cái hương thơm tinh khiết của mối tình với Diễm vừa chớm nở trong lòng Ngữ (trang 163), nhẹ nhàng, êm ái, tưởng chừng như phảng phất một chút Thạch Lam hay Nhất Linh trong đó, nhưng "mới hơn", "rung động" hơn và không "tiền chiến" một chút nào.

Tôi xin nêu lên một vài sơ xuất nhỏ :

— Trang 48, 49 : "Nhưng tại sao đọc Guerre et Paix, ta thấy thân thuộc với họ còn hơn các nhân vật của Lê văn Trương". Lời này ở miệng một nhà văn trẻ đã có những nhận định sâu sắc về tâm lý người cầm bút như Ngữ (trang 44) kể cũng lạ: Dĩ nhiên rồi, các nhân vật của Lê văn Trương gượng ép, giả tạo, — ông viết mấy tuần xong một quyển tiểu thuyết — làm sao có thì giờ nghiên cứu tâm lý các nhân vật cho phù hợp với con người ở bất cứ thời nào? Chỗ đứng của Lê văn Trương trong văn học Việt Nam không thể sánh bằng Tolstoi trong văn chương nước Nga.

— Từ trang 97 đến 108, phân tích những biến cố và tình hình xao động trong nước, theo tôi, hơi dài giòng đối với một thiên tiểu thuyết, đó là cái yếu điểm của Guerre et Paix mà ta nên tránh.

— Tư tưởng của các tác giả ngoại quốc có ảnh hưởng đến

những suy tư của đám thanh niên trí thức hồi ấy nhiều đến thế không, tôi hơi hồ nghi.

Không chiến tranh, chẳng hoà bình, "Những Đợt Sóng Ngầm" vô tình hay cố ý đã xô ta vào cái bối cảnh của một cuộc chiến toàn diện: cuộc chiến nội tâm của mỗi con người, với những thắc mắc, ưu tư, hân hoan, tuyệt vọng:

— Những trực giác công bằng xã hội, đưa đẩy một giáo sư triết vào con đường chính trị không lối thoát;

— Những mẩu tâm tư dí dỏm, những cuộc tranh luận sôi nổi của lứa tuổi thanh niên, những đối chất gay go giữa cha con, phân chia hai thế hệ tư tưởng;

— Những sụp đổ của người cha, một đời thất bại, đặt hy vọng vào những đứa con, cũng lại không thành.

Ở *Những Đợt Sóng Ngầm*, tuy Nguyễn Mộng Giác không chủ ý phơi bầy cái tàn ác khốc liệt của chiến tranh, nhưng nó vẫn ám ảnh người đọc đến tận xương tận tủy. Dường như cái mặt trái ấy của chiến tranh còn quạnh hiu, khiếp đảm hơn cái mặt phải mà chúng ta thường va chạm bội phần.

Nguyễn Mộng Giác đã cho người đọc thấm cả hai mặt của chiến tranh, trong khi những tác giả khác vội vàng thỏa mãn trưng ra một mặt. Thành công của Nguyễn Mộng Giác và cái bẫy của ông ở chỗ đó: Vô tình ta đã bị lọt vào.

ĐỌC "BÃO NỔI" VÀ "MÙA BIỂN ĐỘNG III" CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC.

"Phê bình" gần 600 trang chữ nhỏ của một bộ trường thiên tiểu thuyết, tập II Bão Nổi và tập III Mùa Biển Động, trên vài trang giấy quả là một việc hàm hồ. Quyển I, "Những đợt sóng ngầm", cho tôi "làm quen" với Nguyễn Mộng Giác vào khoảng tháng 4, 1987. Từ bấy đến nay, chưa quá bốn tháng, tôi đã được đọc 5 tác phẩm của ông (Ngựa nản chân bon, Xuôi dòng và 3 tập Mùa Biển Động). Một sức sáng tác dồi dào — cho dù trải trên hai, ba năm — xứng đáng là một kỷ lục, vì những sáng tác của ông không "dễ dàng" cho cả người viết lẫn độc giả.

Tôi đọc Mùa Biển Động với con mắt khách quan của người "ngoại cuộc" xem truyện nước mình. Tôi không ở trong nước, không được biết những giai đoạn đau thương của lịch sử, có chăng chỉ là những hình ảnh một chiều mà thế giới tự do nói chung, Pháp nói riêng, vì hối hận những việc làm trong quá khứ, đã cho chúng ta biết theo nhãn quan của họ.

Mùa Biển Động là tập "tài liệu" đầu tay cho tôi biết chiến cuộc Việt Nam. Vẫn với lối viết bình thản, với lối nhìn trung thực, vẫn những mẩu tâm tình thời đại, những suy tư của lớp người quần

quại trước biến chuyển của đất nước. Chúng ta đi theo Tường, Ngô, Ngữ, ba người bạn, cùng cuốn theo cơn lốc với họ, vào mọi thăng trầm: yêu đương, xuống đường, đòi hỏi, đả phá..., ban đầu có lẽ chỉ là trò chơi, cùng lắm, một cơn thịnh nộ của tuổi trẻ để rồi đi đến cái bất ngờ của Tết Mậu Thân: con đường tử địa.

Ở đây, tình yêu còn bỡ ngỡ chưa dám ngỏ lời: Một anh chàng Ngữ, lòng đã dào dạt yêu Diễm, nhưng lại còn "giật mình xấu hổ, khi bắt gặp mình xưng 'anh' với Diễm."

Ở đây, ba người bạn trai rủ nhau đi ngủ đò trên sông Hương, "để đánh dấu một giai đoạn lịch sử mới":

— Nhưng mùi gì thế này ?

Ngô cười, nói nhỏ không muốn ông cụ nghe thấy:

— Mùi trần tục đấy. Mày vào Sàigòn ở các khách sạn rẻ tiền, cũng gặp cái mùi tương tự. Chi li ra thì là mùi mền gối lâu không giặt, mùi son phấn loại rẻ tiền, mùi mồ hôi trên giấy bạc cũ, mùi mùi..."

(trang 235, Bão Nổi)

Sau giây phút nếm cái thú thanh tao trên sông Hương mà mọi người hằng ao ước ấy, Tường nhận xét phũ phàng:

— Lại hôi thuốc Cẩm Lệ. Nhẽo cả ra rồi !

(trang 243)

Tường vẫn thiêm thiếp đi trên không, chờ đợi ngày "Huế bừng tỉnh dậy".

Trong tình yêu, tuy không đóng vai chủ động nhưng Tường chẳng rụt rè như Ngữ. Có lẽ vì Nam — người yêu của Tường — dứt khoát, đam mê. Đêm đầu tiên, Nam trao thân cho Tường (Bão Nổi, trang 364) có cái gì phảng phất như nụ hôn đầu Trương trao cho Thu trong Bướm Trắng, nhưng mạnh bạo, lôi cuốn, khao khát, tham lam hơn. Nguyễn Mộng Giác đã đi quá Nhất Linh, nhưng còn giữ nguyên phong độ của một cung đàn cao điệu cho dù trong những giây phút "trần tục" nhất của cuộc đời.

Suốt thời gian Huế chìm trong tang thương biến đổi, Tường không một lần "bừng tỉnh dậy", Tường như một người chân đã lấm bùn không cần gìn giữ thêm nữa. Tường tránh gặp Nam, tránh đối diện với trách nhiệm, tránh những cật vấn gay gắt của Ngô, tránh nhìn vào sự thật của những vụ "xử lý".

Ngô không thế, đi theo Tường :

"Chàng buồn rầu nhận ra rằng sự chia cách của đất nước không phải chỉ ở bề ngang, độ sâu của dòng sông Bến Hải. Nó sâu xa hơn nhiều. Hố ngăn cách hun hút như một vực thẳm, vì một lớp trẻ lớn lên bị từ chối không được biết gì đến cái quá khứ đã diễn ra trước khi họ chào đời."

(trang 710, Mùa Biển Động III)

Bị lôi cuốn vào con đường tuyệt lộ, trong cơn tột độ kinh hoàng, Ngô vỡ lẽ tại sao những con người bình thường: Thuấn, chị Miềng, như trăm nghìn người khác có thể trợ giúp Sáu Lăng trong những cuộc "xử lý lạnh lẽo thần sầu" như thế?

Giữa Tường và Ngô, Ngữ tuy khắc khoải, rụt rè trong tình yêu, nhưng lại là người quân bình trong cuộc sống, tự tin ở chính mình. Không phải trả lời những câu hỏi gay gắt của lương tâm. Về khía cạnh đó, chắc Ngữ đã có đôi phần hạnh phúc.

Trong Mùa Biển Động III, mặt trận Mậu Thân ở Huế diễn ra toàn diện, chúng ta theo dõi diễn biến từng ngày của cuộc chiến qua dự tính trận đồ của các bộ chỉ huy hành quân Mỹ-Việt. Theo quân qua những trận xung phong, chiếm lại từng tấc đất, ngôi nhà. Đồng thời với diễn biến quân sự, tình trạng và cảnh huống dân sự Huế cũng được mô tả chi li.

Một mai, người đọc có thể quên những tình tiết xảy ra trong Mùa Biển Động, nhưng có lẽ không bao giờ quên được hình ảnh:

— Người mẹ già, bình tĩnh cầm túi nylon đứng thập thò ngoài cửa phòng mổ chờ xin cái bộ phận tàn phế của đứa con đem về chôn trước.

— Cái chết của người thượng sĩ già, bên mình còn mang cuốn sổ ghi rõ những việc phải làm và tự căn dặn mình "rán trả hết số tiền này trước Tết".

— Đứa bé 9 tuổi, ham chơi, phạm lỗi. Sợ đòn trốn xuống gầm giường để rồi không bao giờ ra nữa.

Trong gần trọn 600 trang, tôi chỉ tìm thấy vài điểm nhỏ muốn nêu lên:

— Nên dịch những trang Anh ngữ sang tiếng Việt cho mọi người cùng hiểu.

— Một anh bạn gốc Huế đọc xong truyện lấy làm lạ bảo: "Anh Giác không thấy Huế mưa bao giờ à?" Tôi chưa được ở lâu trên đất Huế, một lần thăm Huế ở lại có hai ngày, cách đây đã gần 30 năm, trời nắng đẹp vô cùng, đành chịu.

— Và đây là một chút kinh nghiệm rất... đàn bà: Da Diễm ngăm ngăm đen, thế mà lại hay mặc áo tím. "Nàng mặc chiếc áo cánh mầu tím cổ tròn, khiến nước da hơi nâu ở cổ và hai cánh tay Diễm trở nên trắng nõn" (Bão Nổi, trang 228). Các nhà văn thường thích cho con gái mặc áo tím — nhất là gái Huế — Nhưng mầu tím chỉ hợp với nước da trắng nõn, da ngăm ngăm đen mặc mầu tím "xỉn" lắm. Nên cho Diễm mặc mầu trắng, các mầu xanh từ hồ thủy đến lam ngọc (turquoise), mầu hồng đào hoặc mầu hoàng yến... tóm lại những mầu tươi sáng rực rỡ làm nổi bật nước da ngăm ngăm.

— Thái độ Nam khi gặp lại Tường tuy hợp lý, nhưng không có vẻ hợp tình. Có lẽ, phụ nữ nói chung sống bằng tình cảm nhiều

hơn. Cho dù Nam có ghét Tường, có khinh Tường, có giận Tường qua những tháng ngày xa vắng. Họ có thất vọng vì nhau, khi gặp lại, nhưng cảm tình của Nam có lẽ phức tạp lắm, làm sao Nam có thể dứt khoát hết yêu Tường, lạnh lẽo với Tường khi Tường trở lại, mối tình đầu say đắm và duy nhất của nàng?

Có những truyện các nhà văn viết theo sự thực nhưng người đọc vẫn có cảm tưởng rằng "bịa". Có những truyện các nhà văn hoài công cam đoan "hoàn toàn tưởng tượng", người đọc vẫn thấy nó "thật".

Đọc những lời thưa trước của ông Giác ở trang đầu, chúng tôi thắc mắc: "Tại sao tác giả phải dè dặt đến thế?"

Nhớ lại có lần được đọc những dòng sau đây trên Diễn Đàn Người Việt, xuân Bính Dần:

"Mùa Biển Động I mang tên "Những Đợt Sóng Ngầm" đã gây khá nhiều sóng gió và tranh luận vì anh đã đặt vào miệng nhân vật một số nhận định mà người ta ngờ là anh cũng chia sẻ và có ác ý đối với hình ảnh của người lính Việt Nam Cộng Hoà..., và Nguyễn Mộng Giác đã có bài đăng trên mặt báo nói hộ cho lập trường của người nghệ sĩ sáng tác nơi anh."

(1985, Những tác phẩm lớn, Nguyễn Ngọc Bích, trang 41).

Năm ấy, tuy chưa có Mùa Biển Động trong tay, tôi đã hoang mang: Chúng ta đang sống trong chế độ tư tưởng nào, khiến người viết phải lên tiếng thanh minh cho một thái độ tư tưởng của mình trong tiểu thuyết?

Vấn đề thứ hai là tiểu thuyết lịch sử. Chúng ta quan niệm thế nào là tiểu thuyết lịch sử?

Tiểu thuyết lịch sử như "Hoàng Lê Nhất Thống Chí" của Ngô Thì Chí, ghi chép những biến chuyển lịch sử thời Hậu Lê, theo lối Tam Quốc Diễn Nghĩa hoặc tiểu thuyết như Bà Chúa Chè của Nguyễn Triệu Luật (Vũ Ngọc Phan cho là lịch sử ký sự), dựa trên cuộc đời một nhân vật chính sử (Đặng Thị Huệ), với những sự việc, những biến đổi của thăng trầm của thời đại ấy? Hẳn là không.

Tiểu thuyết lịch sử như "Tiêu Sơn Tráng Sĩ" của Khái Hưng, "Ai Lên Phố Cát" của Lan Khai... Một bên có tráng sĩ nặng gánh giang sơn, hành tung bí ẩn, như Phạm Thái, Vũ Uyên... một bên có giai nhân tuyệt thế như Trương Quỳnh Như, Lan Anh?... Hẳn cũng là không.

Nhưng nếu tiểu thuyết lịch sử chỉ là một cuốn truyện trong đó, những nhân vật (có thật hay tưởng tượng) được đặt trong bối cảnh thời sự của đất nước ở khoảng thời gian nào đó — thì dù muốn dù không — Mùa Biển Động là một tiểu thuyết lịch sử. Khác chăng với những tiểu thuyết lịch sử của Khái Hưng, Lan Khai ở chỗ Mùa Biển Động gần sự thực hơn, viết theo bút pháp hiện tại; chúng ta sắp bước sang thế kỷ 21, không có giai nhân tuyệt sắc,

không có tráng sĩ anh hùng, mà chỉ có những con người, liên quan đến thế cuộc thăng trầm, sống và chết trong bối cảnh lịch sử của đất nước, họ là những con người bình thường như trăm nghìn người khác, với những can đảm, hèn nhát, phản bội, trung thành. Những nhân vật trong Mùa Biển Động không được tiểu thuyết hoá, họ là chính chúng ta. Chấp nhận như thế, độc giả sẽ tự phán đoán giá trị Mùa Biển Động theo quan niệm riêng của mỗi người. Về phía tác giả, việc nhận định Mùa Biển Động như một trường thiên tiểu thuyết, theo tôi đã là khiêm nhượng lắm rồi.

Thụy Khuê

SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

Văn Học vừa nhận được các sách sau đây do tác giả gửi tặng :

TÌNH THƠ

tuyển tập thi ca của Huy Lực Bùi Tiên Khôi, tác giả tự xuất bản tại Houston tháng 10.87 , tuyển in lại những bài thơ đắc ý của Huy Lực từ những tập thơ đã xuất bản trước đây như Dạ Hội Mùa Xuân (1962), Trời Thơ Bao La (1965), Năm Tháng Mù Sương (1971), Hạnh Phúc Có Thật (1972), America, My First Feelings (1981), và những bài thơ Huy Lực làm trên đất Mỹ từ 1975-1987 chưa in thành sách. Tập thơ in đẹp, trang nhã, dày 220 trang. Giá 12 MK.

Địa chỉ liên lạc : Bùi Tiên Khôi

PO Box 720236 Houston, TX. 77072

ĐÔI MẮT PHƯỢNG

tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Đạt Thịnh, do tác giả in và phát hành, gồm 5 truyện ngắn của chính tác giả, 2 truyện viết theo ý truyện của Balzac và Beckett, và 3 truyện dịch. Bìa của Trần Thu. Sách dày 194 trang. Giá tại Bắc Mỹ 8 MK, ở các nước khác 10 MK.

địa chỉ liên lạc : Nguyễn Đạt THịnh

PO Box 3121 Honolulu Hawaii 96820.

HƯƠNG MỚI

tuyển tập thơ văn của bút nhóm Nguồn Việt Úc đại lợi, gồm thơ văn của 6 tác giả. zdày 260 trang. Giá 8 Úc kim.

Địa chỉ liên lạc : Bút nhóm Nguồn Việt

3 Kevin Street, Riverview, QLD 4303 Australia.

NGÀN LỜI CA

của Phạm Duy, do Phạm Duy Cường Musical Production xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Sách dày 362 trang khổ lớn, in lại tất cả những lời ca của Phạm Duy. Một tác phẩm thi ca quan trọng. Giá 15 MK.

Địa chỉ liên lạc : Nhà Văn Nghệ

PO Box 2301 Westminster, CA. 92683 USA.

BLOOD BROTHERS

tiểu thuyết của Phạm văn Ký, nguyên bản Pháp văn Frères de Sang, do Margaret Mauldon dịch sang Anh ngữ, Yale Center of INternational and Area Studies xuất bản trong loạt sách Lạc Việt.

VIETNAM FORUM 10

do Council On Southeast Asia Studies đại học Yale xuất bản, số Summer Fall 1987

Địa chỉ liên lạc : Yale Southeast Asia Studies

Box 13A Yale Station

New Haven, CT. 06520 USA.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St. Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe • Đánh lộn • Đả thương • Ám mạng • Trộm cắp • Gian lận •*

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ • Máy bay • Nghề nghiệp • Bị thương tích vì trượt tẻ*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

• Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn
• Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego và ngoại L A County xin gọi Collect

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

VÕ ĐÌNH

XỨ SẤM SÉT

TUYỂN TẬP

văn nghệ

HAI TÁC PHẨM
NHÀ VĂN NGHỆ
VỪA PHÁT HÀNH
TRONG THÁNG 10.87

NGU YÊN

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG

văn nghệ xuất bản

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54 — 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KÝ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện của
MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài của
LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập Cao Tần
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

TẠP LUẬN
tạp luận của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 14 MK

CÒN ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

(xem tiếp trang trong)

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim